Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

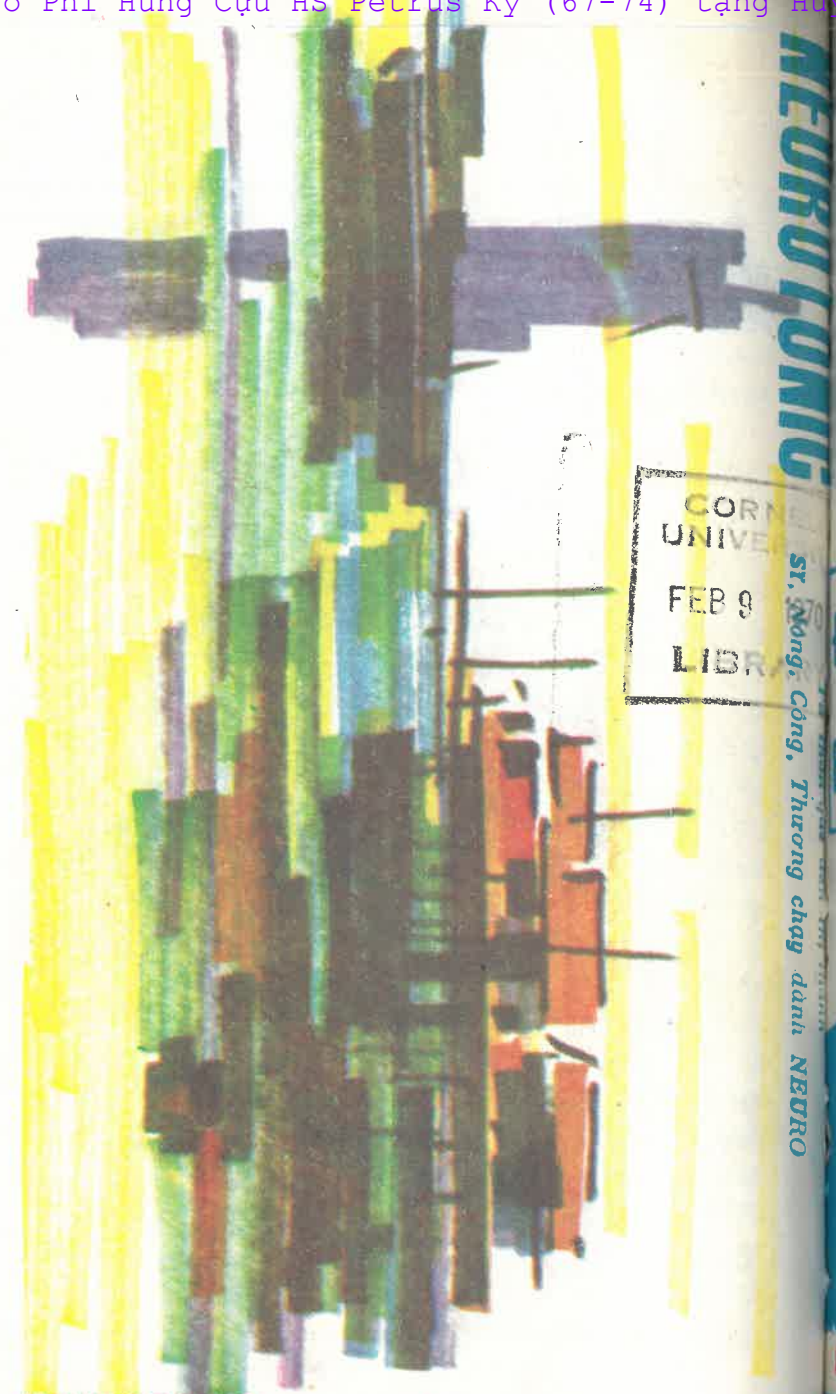

CORN
UNIVE
FEB 9
LIBR

PHỔ THÔNG

Giám-đốc. Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Năm thứ XII
15-11-1969

234

ĐẶC BIỆT

NGUYỄN-VỸ
- *Thư gởi các bạn Thơ Văn miền Bắc*

VÕ-QUANG-YẾN (Paris)
- *Từ Apollo-11 qua Apollo-12*

Bà ÁI-LAN
- *Một bài thơ trào phúng, 2 làng đánh nhau*

BÌNH-NGUYÊN-LỘC
- *Phong-hóa miền Nam*

ĐẰNG-DOANH
- *Đứa con thứ bảy*

Sinh-viên phi-công HỒ-TỊCH-TỊNH
- *Bức thư Mỹ quốc (Texas)*

PHAN-THỊ-THU-MAI
- *Phong-trào Dù-Ca Việt-Nam*

- *Đêm kỷ-niệm năm thứ 12 của Phổ-Thông*

tạp-chí văn-hóa việt-nam và quốc-t

Giám-đốc, Chủ-bút ; Nguyễn-Vỹ
Tòa-soạn . 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigo — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 234 — 15-11-1969

1 — Thư gửi các bạn Thơ Văn miền Bắc N.V. 5 — 10
2 — Từ Apollo-11 qua Apollo-12 Võ-qu-Yến 11 — 17
3 — Rabindranath Tagore (t.t) Thanh-v-Thanh 18 — 22
4 — Lá thư Đức quốc (tiếp theo) Bà Nguyễn Khắc-tiến-Tùng 23 — 25
5 — Lạc vào thế giới mênh mông của loài vật Phan-long-Tưởng 26 — 34
6 — Bến Thu (thơ) Nguyễn-tấn-Lộc 35
7 — Một vài nhận xét sai lầm Đông-Tùng 36 — 41
8 — Người nữ điệp viên của Phan-đình-Phùng (t.t) Phạm-văn-Sơn 42 — 48
9 — Gọi gió (thơ) Phong-Khê 49
10 — Học thuyết âm dương Nguyễn-đồng-Di 50 — 52
11 — Người hút máu (t.t) Giang-Tân 53 — 61
12 — Phong hóa miền Trung Bà Ái-Lan 62 — 64
13 — Phong hóa miền Bắc Cao-nguyên-Lang 65 — 70
14 — Phong hóa miền Nam Bình-nguyên-Lộc 71 — 75
15 — Bốn phương (thơ) Phan-thụy-Mai 76
16 — Bang giao giữa Cao-Miên (t.t) Lê-Hương 77 — 82

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

17 — Nhật ký chiến sĩ — Đằng-Doanh — 83 — 90
18 — Đồng hồ đeo tay — Chu-minh-Thụy — 91 — 94
19 — Bức thư Mỹ quốc (Texas) — Hồ tịch-Tịnh — 95 — 103
20 — V.N tại Hội-Nghị Văn Bút (t.t) — Bàng-Bá-Lân — 104 — 112
21 — Sinh hoạt trẻ — Phan-thị-Thu-Mai — 113 — 117
22 — Sinh khí văn nghệ — Hoàng Thắng — 118 — 122
23 — Khúc hát tình si (thơ) — Châu-Giang — 123
24 — Đêm kỷ niệm năm thứ 12 của PT — P.T — 124 — 128

● Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

✱ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí PHỔ-THÔNG» và đừng viết tắt.

✱ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

● Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

✱ Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt Nam.

P.T.

Thư gửi các bạn Thơ Văn miền Bắc

Văn-hóa
Thuần-túy
Dân-tộc
Phục-vụ
Thuần-túy
Dân-tộc

NV

CÁC bạn thân mến.

Tôi muốn trao thư này về Hà-nội đến một số các bạn làng Văn cũ thời Tiền Chiến : Mộng Sơn, Lưu trọng Lư, Nguyễn Tuân, Chế lan Viên, Vũ ngọc Phan, Hồ Dzếnh,— là những bạn đã hiểu tôi nhiều và đã mến tôi, mà tôi cũng đã hiểu và đã dành nhiều cảm tình Văn nghệ.

Tôi cũng muốn nói với anh em Văn nghệ sĩ của thế hệ trẻ đã trưởng thành trong chế độ mới ở Bắc Việt.

Tôi có ý định trao thư nầy đến các anh hôm nay, sau khi vài bạn nhà Văn hiện ở miền Nam có dịp sang Paris trong mấy tháng qua. Một vài anh em Văn nghệ Hà-nội đi công cán ở Paris có tìm đến, có tiếp xúc với một vài anh em nhà Văn ở miền Nam, và nhân dịp, có hỏi thăm đến chúng tôi.

Về Sàigòn, mấy anh ấy có kể chuyện lại cho tôi nghe, và do cơ hội tiếp xúc đó trên lĩnh-vực hoàn toàn Văn nghệ, tôi gởi ra các anh tất cả, những bạn cũ và mới, bức thông điệp thân-hữu nầy của một nhà thơ Tiền chiến ở Sàigon mà các anh đã nhớ đến.

*

Trong thư gửi riêng Trương Tửu đăng trong tạp chí Phổ-Thông này số ra ngày 1-11 vừa qua, tôi có đặt ra câu hỏi :

Có thể nào trên lĩnh việc thuần túy Văn-hóa, nhà văn Việt Nam ở hai Miền Bắc, Nam, — hay là một nhóm trong những nhà văn ấy. — tìm phương tiện góp nhiệt tâm và thiện chí xây dựng chung một **Văn Hóa Thuần-Túy Dân Tộc Việt Nam**, giữa hai ý thức hệ quốc tế : Xã hội chủ nghĩa và Tư bản chủ nghĩa, và không bị chi phối bởi một áp lực nào, không liên hệ với chủ nghĩa nào ? Có như thế được không ?

Tôi nói : **Văn Hóa Thuần Túy Dân Tộc**, hẳn các anh đã hiểu rõ, rằng đó là Văn Hóa xây dựng trên nền tảng truyền-thống của 4000 năm Văn Hiến Việt Nam. Văn hóa đó có tính chất tiến bộ đặc biệt vì nó được phong phú thêm bởi những thu-hấp mới của toàn thể Nhân-loại và nhờ đó, sẽ vừa giải thoát Dân tộc Việt Nam khỏi những khuông khổ phong kiến thoái-hóa, vừa bảo vệ những truyền-thống cao quý đặc biệt của Dân tộc ta.

Dù muốn dù không, Dân tộc Việt Nam vẫn là Dân tộc Việt Nam. Nó sẽ mãi mãi là Dân tộc Việt Nam. Không có một ý thức hệ nào, một chủ nghĩa nào, một chế độ nào, hay một áp lực nào trên thế-giới nầy,có thể biến đổi Dân tộc Việt-Nam thành một Dân tộc khác được 1000 năm đô-hộ Tàu, 100 năm đô hộ Pháp, đã không tiêu diệt nổi tinh thần truyền-thống của Dân tộc Việt Nam mà 4848 năm Lịch sử Rồng-Vàng là một bảo đảm không thể hủy-hoại được, bất diệt như những tinh tú trên vòm trời.

Vậy thì, tại sao chúng ta, những thành phần Văn-chương Nghệ-thuật của Nước Nhà, chúng ta không chung sức nhau bồi đắp, gìn giữ, củng cố nền-móng Văn-hóa ấy, bất cứ ở dưới chế-độ nào ?

Rút kinh-nghiệm dưới thời đế-quốc thực dân Pháp, chúng ta đã có thể gầy dựng Văn-Hóa Việt Nam, không hề bị thực-dân chi-phối. Thế thì nay chúng ta cũng có thể **tách Văn Hóa Dân tộc ra khỏi chính trị, kinh tế**, và với những nỗ-lực riêng của chúng ta, tiếp-tục xây dựng Văn-Hóa Dân tộc thuần-túy, không để cho một ảnh hưởng ngoại lai nào chi-phối.

Tôi nói : tiếp tục xây-dựng, vì Văn hóa Việt-Nam đã có sẵn từ 4000 năm xưa, cứ được bồi đắp thêm mãi từ mỗi thời đại, dù đã phải trải qua bao

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

nhiều biến-cố lịch sử, bao lần nguy vong, bao lần nô lệ.

Nhà Hán đã không hủy-hoại được bẩm chất bất khuất của giòng dõi Hùng-Vương, trong những hoàn cảnh thuận tiện nhất cho cuộc đồng hóa ấy, thì, tôi tin tưởng rằng không một chế-độ ngoại lai nào có thể thành công trong việc đồng hóa Dân-tộc Việt Nam.

Không sợ bị đồng hóa, thì bản chất dân tộc của Nòi giống ta, của Dân ta, cứ còn y nguyên không bị tan vỡ, không bị mờ phai, không bị biến đổi. Sự xáo trộn một thời gian chỉ là một yếu tố nhỏ nhỏ trong Lịch sử vĩ-đại của Dân ta mà thôi.

Đó chính là lý do quan trọng nhất khiến chúng tôi đặt tất cả hy vọng vào nhiệm vụ bảo vệ Văn Hóa Nhân dân được tự do phát triển, ngoài bất cứ một áp lực nào. Dù một cuộc «Cách mạng Văn hóa» theo đường hướng của Mao-Trạch-Đông cũng sẽ đưa đến một thành công giả tạo mà thôi, không trường cữu được.

*

Ở miền Nam trong nhiều năm sau đây, có những hiện tượng ngoại lai phá hoại tinh thần dân chúng một phần nào. Văn minh cơ giới kỹ nghệ của Mỹ sinh sản ra Văn minh Hippy, triết thuyết *existentialisme* đồi bại của Pháp do vài kẻ trí thức dở mùa, vô trách nhiệm, đã truyền bá trong các giới trẻ ở thị thành, thêm vào đó, phong trào dâm ô phóng đãng của hầu hết các nước Tây phương, ào ạt tràn vào Đất Đồng Nai Bến-Nghé, và thật sự đã gây đôi chút xáo trộn trong đời sống bề bối của một vài lớp thanh thiếu-niên vong bổn. Nhưng, tất cả các «đợt sóng mới» ấy vẫn không có sức mạnh đủ làm lung lay nổi căn bản luân lý của Quốc gia và tinh Thần tiến bộ sáng suốt của Dân tộc.

Văn nghệ thương mãi, dĩ nhiên đã chịu ảnh hưởng khá nhiều, và hơn nữa, đã góp phần tội lỗi trong âm mưu phá hoại thường xuyên ấy.

Nhưng, mặt khác, một số lớn Nhà Văn chân chính ở miền Nam đã tự đảm đương lấy nhiệm vụ bảo vệ Văn Hóa Tốt-đẹp Trường cữu của Nhân dân. Họ đã hy sinh nhiều quyền lợi vật chất, bền gang vững chí duy trì tinh thần «tam bất» của Hiền-triết Á Đông, để bảo vệ kho tàng Văn Hóa của Giống Nòi. Cương quyết gìn giữ Tự do và Độc lập của riêng họ, họ đứng hẳn ra ngoài vòng bất cứ một ảnh hưởng ngoại lai nào, hoặc một quyền rũ hứa hẹn bất cứ từ đâu đến.

*

Với tinh thần Dân tộc độc lập và tự do bất di-dịch đó, tôi kêu gọi các anh, bạn làng Văn-Tiền chiến và các lớp Văn-nghệ trẻ của thế-hệ đang lên ở miền Bắc, hãy cùng với chúng tôi tìm một phương tiện chung để xây-dựng **Văn-Hóa Việt-Nam Hiện đại**, trên căn bản **truyền-thống Dân tộc**, và **thuần-túy Dân tộc** mà thôi. Chúng ta, cả miền Nam và Miền Bắc, có thể nào cố gắng thực hiện một **Văn-Hóa Việt-Nam Thống Nhứt**, gát bỏ ra ngoài mọi quan điểm chính trị, và mọi ảnh hưởng ngoại lai được không?

Tôi không phải không biết rằng một tác-động trong tinh thần đối với các anh không phải dễ dàng. Tôi cũng biết rằng ở Hànội có một số anh em Văn Thi sĩ, cả của thời Tiền chiến và của lớp trẻ hiện tại, nếu ngoài mặt không tán thành chủ-trương của tôi, nhưng trong thâm tâm vẫn sẵn sàng hưởng ứng.

Nhưng tôi nghĩ rằng với thiện chí hoàn toàn xây dựng trên mảnh đất Dân tộc với tinh thần dân

tộc, chúng ta không phản bội Nhân Dân và Tổ quốc nếu chúng ta đem Văn Hóa thuần túy Dân tộc phục vụ thuần túy Nhân dân.

Dù rằng chế độ chính trị ở miền Bắc và ở miền Nam không giống nhau, và còn phần xung khắc nhau, tôi thiết tưởng chúng ta, thành phần Văn nghệ thuần túy, có thể nêu gương cho toàn thể Thế giới thấy rằng chúng ta có thể xây dựng **Văn Hóa Việt Nam Truyền Thống ở cả miền Bắc và miền Nam, ngoài tất cả mọi tranh-chấp ý thức hệ quốc tế.**

Chúng ta có thể công khai kêu gọi chính quyền miền Bắc và chính quyền miền Nam, hãy để cho chúng ta được tự do, chỉ trên phương diện tích cực Văn-Hóa nhân dân, tiếp xúc, tự do thảo luận, tự do trao đổi quan điểm Văn-hóa, và tự do thực hiện **một ý thức hệ Văn hóa riêng biệt của Dân tộc Việt-Nam, cho Dân tộc Việt Nam,** không ngã theo một chiều hướng chính trị nào cả.

Anh em Văn Nghệ Miền Bắc nghĩ sao ?

Tôi không thấy là một ảo tưởng nếu chúng ta thành lập chính thức ở Hà nội và ở Sàigòn một Liên Đoàn các Nhà Văn Việt Nam thuần túy, phục vụ Dân tộc VietNam thuần túy.

nV

Quốc Lịch 4848, Kỷ nguyên Rồng-Vàng

Từ Apollo-11 qua Apollo-12

★ **VÕ-QUANG-YẾN**
(Paris)

Thành tích Apollo 11 chưa bị quên thì Apollo-12 cũng đã được chuẩn bị xong. Kỳ nầy thì thật là một cuộc thám hiểm rõ ràng vì thật ra, nếu Apollo-11 đã là một thành công rực rỡ, nó chỉ là một bước đầu tiên trong cuộc tiến ra vũ trụ, trong cuộc chinh phục cung trăng. Armstrong và Aldrin đạp đất chị Hằng chỉ là một cử chỉ có tính cách lịch sử, tuy đáng nhớ nhưng chỉ mở thêm chút ít tầm hiểu biết của ta về chiếc hộ tinh của quả đất mà thôi. Vì vậy người ta chờ đợi ở Apollo-12 nhiều nhiệm vụ quan trọng hơn.

Những nhà phi hành.

Nói cho đúng, Apollo-12 được hoàn tất từ lâu, ngay từ hôm 13-9-69. Nếu Apollo 11 vì một cớ gì không thành công hoàn toàn thì hôm ấy Apollo-12 đã được phóng đi. Người ta bảo hôm ấy Apollo-12 cũng đã suýt bị phóng đi vì Apollo-11 suýt không đổ xuống cung trăng. Số là khi Apollo-11 đang đổ xuống cung trăng, người ta nhận thấy nhiên liệu đã dùng vượt quá mức chỉ định. Nếu là tự động hay do máy điều khiển thì tức khắc Apollo.11 đã phải lùi bước để lên lại quỹ đạo quanh cung trăng trước khi về lại quả đất. Đằng nầy hai nhà phi hành Armstrong và Aldrin thấy chỉ còn độ mươi thước nữa thì đã đến đích nên xin các nhà điều khiển ở mặt đất được phép cứ vẫn đổ xuống theo như trong chương trình đã vạch. Thành thử vị chi phải có 2 phút nhiên liệu để rời

cung trăng, hai nhà phi hành chỉ có 49 giây, dưới hẳn giới hạn bảo hiểm. Nguy hiểm là những chi tiết tinh vi. Mà những chi tiết tinh vi là vô số trong một cuộc phóng gởi vệ tinh nhân tạo. Cho nên không ai dám cam đoan trước Apollo-11 sẽ hoàn toàn thành công. Cũng vì vậy mà Apollo-12 đã phải được sẵn sàng để phóng lên nếu Apollo-11 phải bị kêu về trước khi hoàn thành sứ mệnh. Ở đây cũng nên nhấn mạnh về lợi ích của phi hành gia trong một phi thuyền lắm khi có thể tự động đi, về và làm những công tác khác.

Nhưng may Apollo-11 đã hoàn toàn thành công, các nhà bác học Mỹ cho hoãn cuộc phóng Apollo-12 lại vài tháng để có thì giờ soạn thảo một chương trình khác dựa lên những tài liệu đã thâu lượm được. Ngày phóng đã được định vào hôm 12-11-69. Còn phi hành gia thì đã được chỉ định từ lâu : Charles Conrad, Richard, Gordon và Alan Bean. Nếu Conrad và Cooper là những phi hành gia cựu niên như Armstrong, Aldrin và Collins trong chiếc Apollo-11, Bean là một người mới, chưa bao giờ ra khỏi quả đất. Conrad đã từng bay với chiếc Gemini-5, chạy quanh quả đất luôn 8 ngày với Gordon Cooper, và với chiếc Gemini-11 lên cao độ với Richard Gordon sẽ là người chỉ huy chiếc Apollo-12, còn chiếc LEM sẽ đổ bộ xuống cung trăng thì do Bean điều khiển. Tuổi từ 38 đến 40, cả ba tượng trưng trung bình tuổi tác các p i hành gia Hoa kỳ 39 tuổi. Nhưng bêncạnh kinh nghiệm và tài cáng các phi hành gia, dụng cụ đo lường trong chuyến bay nầy còn là quan trọng hơn.

Dụng cụ đo lường

Eagle, bộ phận phi thuyền Apollo-11 đổ xuống cung

trăng, nặng 15. 041 kg. Trọng lượng được phân phối như sao :

tầng đổ xuống, rỗng :
2033 kg

nhiên liệu để đổ xuống :
8200 kg

tầng bay lên lại, rỗng
2179 kg

nhiên liệu để bay lên :
2365kg

nhiên liệu để sửa chữa hướng bay :
274 kg

Lúc ban đầu, khoảng 1962 khi mới lập chương trình, người ta chỉ được tính với 11.500 kg. Sau đấy, nhờ hỏa tiễn Saturn-5 mạnh thêm, đồng thời những máy móc kiểm ba cũng bỏ đi được một ít nên người ta đã lợi thêm được một vài tấn. Trong chương trình của chiếc Apollo-12 sắp phóng đi, người ta định sẽ cho giảm trọng lượng bộ phận đổ bộ xuống chút ít, nghĩa là đồng thời số lượng nhiên liệu cũng giảm xuống, tuy dụng cụ đo lường vẫn có phần tăng thêm. Những dụng cụ nầy được gọi là ALSEP (Apollo Lunar Surface Experiment Package).

Chiếc Apollo-11, như đã biết, đã có mang theo một chiếc máy đo động đất, một chiếc máy laser phản ảnh và một lá nhom để đo các luồng gió mặt trời. Lúc ban đầu người ta tính đến 5 thí nghiệm giao phó cho phi thuyền. Sau đây vì vấn đề trọng lượng khó khăn, người ta lại dự định bỏ hết các máy móc đi. Sau cùng 70 kg đã được dành cho các máy móc đã nói. Trong chiếc Apollo-12, vì trọng lượng nầy được tăng thêm nên máy móc sẽ dồi dào hơn. Chương trình ALSEP dự định sẽ đem theo.

— Về mặt động đất, một máy phát động. Cái máy trong chiếc Apollo-11 chỉ là thụ động, nghĩa là chỉ ghi những động đất thiên nhiên trên cung trăng.

Theo nguyên tắc một máy phát động là các phi hành gia sẽ cho nổ nhiều chất thuốc cách xa vài trăm thước để cho máy đo tốc độ di chuyển của âm thanh, từ đấy suy ra thể chất của các lớp đất ngay bên dưới.

— Về mặt các luồng gió mặt trời, một máy đo chính xác. Với chiếc Apollo-11, Aldrin chỉ đặt một lá nhom đơn sơ. Còn đây sẽ là một máy quang phổ trực tiếp đo các luồng gió chứ không phải suy đoán từ các tác dụng. Nguyên tắc của máy là đo điện tích và đếm các hạt *iông* dương, rồi suy định các năng lượng và phương hướng các luồng gió mặt trời.

— Về mặt từ trường cung trăng, một máy đo ngay trên đất cung trăng. Trước đây, nhiều máy đo tự động đã được vận dụng quanh cung trăng nhưng kết quả không được khả quan vì các số đo thay đổi với vị trí của cung trăng trên quỹ đạo, xa hay gần mặt trời, trong hay ngoài đuôi quả đất.

— Về mặt các hạt vật chất, một máy đo các hạt «chậm», nghĩa là tốc độ dưới 200 cây số/giây. Những hạt «lanh» đã được máy đo các luồng gió mặt trời đảm nhận. Những hạt «chậm» có thể có ngay trong khí quyển cung trăng hay từ vũ trụ mà lại.

— Về mặt thể chất cung trăng, một máy đo các luồng nhiệt độ. Người ta nghi ruột cung trăng nóng hơn ngoài vỏ nên cần phải có máy đào đất để đo nhiệt độ ở bên trong. Nếu đo ở nhiều chỗ thì biết thêm được tính chất dẫn nhiệt của các hóc đá cung trăng.

Ngoài ra, chiếc máy đo động đất mà Armstrong và Aldrin đã đặt lên cung trăng chạy với pin điện mặt trời, như vậy không vận dụng được ban đêm. Máy đo nầy

có được kèm thêm hai máy phát điện phóng xạ chạy với plutonium 238 nhưng chỉ để cho máy đo khỏi phải bị lạnh quá. Chương trình ALSEP dự định cho thêm một máy phát điện mạnh hơn : SNAP-27, khoảng 60w, có thể vận dụng trong vài năm. Nó chỉ có một bất tiện, khá lớn : nặng đến 80 kg !

Dạo chơi cung quảng

Trong báo chí thường thấy có trình bày nhiều mẫu xe sau nầy sẽ được đem cho chạy trên cung trăng. Nhưng hiện chưa một mẫu nào được đem lên. Các phi hành gia đang còn phải dùng chân để di chuyển. Như vậy, trường hoạt động đang còn bị giới hạn. Như vậy họ chỉ có nhiệm vụ đặc máy móc đo lường và lượm lặt đất, đá đem về. Tuy nhiên, với Apollo-12, người ta tính thí nghiệm đã có thể tăng lên nhiều hơn.

Phi hành gia có thể rời phi thuyền đi ra xa. Armstrong và Aldrin trước đây không được đi ra xa quá mười thước. Tuy ở mặt đất, họ đã phải tập được nhiều, các chuyên gia chưa dám cho phép các phi hành gia chạy bước, di chuyển quá nhiều trên cung trăng. Ngay cả các máy móc đo lường, Armstrong và Aldrin cũng đã phải đặt gần phi thuyền.

Rồi đây, Conrad và Bean cũng sẽ dùng những bộ áo quần tương tự, có thể tự túc được trong 3 giờ. Nhưng họ đã được lệnh đạt đến 2 giờ rưỡi thì tức khắc phải trở về lại phi thuyền vừa để nghỉ ngơi, vừa để tiếp tế. Lần đầu tiên ra ngoài, họ sẽ có nhiệm vụ đặt máy móc. Nhưng qua lần thứ hai, họ có thể «đi dạo» một vòng. Theo thí nghiệm của Armstrong và Aldrin, người ta thấy di chuyển trên cung trăng rất dễ dàng, tốc độ 5 cây số mỗi giờ thật là vừa

phải. Như vậy, đi chậm lắm Conrad và Bean cũng có thể ra xa 4,5 cây số. Tuy nhiên vì lý do bảo hiểm, họ chỉ đi xa được vài trăm thước mà thôi. Thật ra, cung trăng nhỏ, ở đất bằng, chân trời chỉ xa cách 3 cây số, còn ở chỗ đồi núi thì chỉ 1,2 cây số. Mặc dầu phi thuyền cao 5 thước rưỡi, đi quá xa thì khó hoặc hết tìm thấy đường về.

Bây giờ còn có câu hỏi : đi dạo đâu ? Trước hết phải biết chỗ phi thuyền sẽ đổ xuống cung trăng. Đến nay, theo hình ảnh các vệ tinh gởi về, người ta đã chọn 5 chỗ nằm trong các «biển» Thanh tịnh, Bảo tập và «vịnh» Trung tâm. Nhưng không một chỗ nào đã chọn được các nhà điều khiển kế hoạch Apollo chú ý đến vì Apollo-11 đã không đổ xuống đấy mà rồi đây Apollo-12 cũng sẽ hạ vào giữa hai chỗ số 3 và số 4. Người ta nhận thấy những chỗ đã chọn trước kia không có gì bay hỏ lắm. đồng thời Apollo-11 cho biết hạ xuống đâu cũng dễ Đằng khác, chỗ Apollo-12 sẽ hạ xuống là chỗ trước đây 2 năm (ngày 20.4-67) chiếc Surveyor-3 đã đập vào cung trăng Conrad và Bean có nhiệm vụ cho hạ phi thuyền xuống cạnh chiếc vệ tinh nhân tạo và Surveyor-3 sẽ là mục đích cuộc «dạo chơi».

Kiểm khảo vệ tinh.

Cuộc «dạo chơi» nầy nếu thực hành được thì thật là bổ ích. Nếu các phi hành gia tháo được một vài bộ phận của chiếc vệ tinh nhân tạo để đem về mặt đất khảo sát thì người ta sẽ biết thêm được nhiều về hiện tượng ăn mòn, rét dỉ trong vũ trụ mà ở phòng thí nghiệm khó lòng thực hiện được. Ngoài ra Conrad và Bean còn phải xem xét địa thế xung quanh vệ tinh, chụp hình những vết tích do Surveyor-3 gây

ra khi đổ xuống. Sau nầy đem so sánh những hình mới chụp và những hình do Surveyor gởi về lúc trước thì người ta sẽ suy đoán ra được những hiện tượng đã xảy ra từ hai năm nay quanh chỗ vệ tinh.

Surveyor-3 lúc trước có một nhiệm vụ quan trọng là đào đất với một cái xẻn tự động : 18 giờ làm việc, 7 thí nghiệm về cứng rắn, 13 lỗ đào sâu và 4 lỗ đào ngang. Những ảnh sẽ gởi về đem so với những ảnh chụp lúc trước cũng sẽ đem lại nhiều tài liệu quí báu về những thay đổi trên mặt cung trăng trong một thời gian chỉ định.

Sau cùng với Apollo-12 còn có một thí nghiệm mới nữa là vô tuyến truyền hình màu. Apollo-11 đã có máy quay phim màu nhưng Eagle chỉ có máy quay phim đen trắng. Lần nầy phi thuyền có máy quay phim màu và cuộc «dạo chơi» cung Quảng sẽ được truyền lại với những màu sắc của cung trăng

Lẽ tất nhiên, với nhiều chuyện làm, công tác của Apollo-12 sẽ lâu dài hơn Apollo-11. Trước đây, Eagle chỉ ở cung trăng có 22 giờ, đúng với 11 vòng Apollo-11 bay quanh cung trăng. Rồi đây, tính với 5 giờ đi ra ngoài, 8 giờ nghỉ ngơi, sửa soạn, kiểm bạ... các phi hành gia cần ít nhất cũng 27 giờ, nghĩa là tương ứng với 14 vòng Apollo-12 chạy đợi quanh cung trăng. Nhưng 27 giờ là số tối thiểu. Thời gian nầy có thể kéo dai ra đến 33 giờ nghĩa là tương ứng 17 vòng quanh cung trăng. Nói chung, từ lúc phi thuyền rời Apollo-12 cho đến khi về lại phải mất khoảng 40 giờ, một thời gian khá lớn trong một chuyến bay ra vũ trụ.

Cuộc thám hiểm vũ trụ bắt đầu.

VÕ-QUANG-YÊN
(Tiến-sĩ khoa-học Paris)

RABINDRANATH TAGORE

(1861 — 1941)

ĐẠI THI VĂN-HÀO ẤN-ĐỘ

(*Tiếp theo P.T 233*)

8) — Bức thư gởi nhà văn Nhật Bản Noguchi

TAGORE có một người bạn văn Nhật bản rất thân là Noguchi. Trong những lần sang diễn thuyết ở Nhật, ông luôn luôn trao đổi tư tưởng mình với nhà văn ấy, xem nhau như là đôi bạn tâm giao, vì ông thấy ở Noguchi những quan niệm về hòa bình và bác ái tương tự như ông.

Khi chiến tranh Trung-Nhật bùng nổ, Noguchi lại chuyển hướng. Ông ta dùng ngòi bút vì hòa bình, vì bác ái, vì nghệ thuật ngày xưa để quay sang một lĩnh vực khác là cổ võ cho chính sách «*Đại Đông Nam Á*» của quân đội Thiên Hoàng. Để lôi kéo Tagore vào đường hướng mới của mình, Noguchi viết thư cho Tagore, kể những thành công rực rỡ của ngòi bút mình hiện tại và không quên ca tụng quân lính Phù tang với những chiến thắng trên lục địa Trung hoa, kèm theo thuyết «*Châu Á về dân Á*» để yêu cầu Tagore tiếp tay. Sau đây là bức thư trả lời của Tagore, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và được coi như là một áng văn tài liệu quý giá :

Uttarayn Santinkotan (Bengale) ngày 1-9-1939.

Bạn Noguchi,

Đọc thư bạn, tôi hết sức ngạc nhiên vì từ đầu đến cuối, tôi không hề thấy sự điều hòa và tinh thần đặc biệt của Nhật mà tôi cảm mến xưa nay.

Tôi rất lấy làm buồn vì thấy bạn đem cả tài hoa nghệ sĩ ra hy sinh cho vị thần chiến tranh hung ác.

Trước kia bạn đã biểu đồng tình với tôi qua sự tàn ác của quân xâm lược Ý-đại-Lợi đã vô cớ đập tan, xéo nát dân tộc vô tội các nước Phi châu. Ngày nay cớ sao đối với thủ đoạn tàn ác của bọn quân phiệt Nhật đang tàn phá đất nước và dân tộc Trung hoa, bạn lại xem bằng con mắt khác ?

Dù biện luận thế nào, bạn cũng không thể cản nổi người ta, cấm nổi người ta công nhận sự ác liệt của Nhật đã đối với Trung hoa. Thật là người Nhật đã dày xéo lên cả công pháp, luân lý và đã làm hại cả cơ sở của sự tiến hóa văn minh.

Bạn viện lẽ nước Nhật hiện nay đang ở vào tình thế đặc biệt ư ? Chao ơi, xưa nay nước nào đi xâm lược mà chẳng hiện ra một vài nguyên cớ đặc biệt để che đậy lòng tham của mình và lừa gạt những người thực thà, nông nổi. Họ đưa ra như thế, còn có nghĩa nữa là để lừa bịp quốc dân họ và đánh lừa thiên hạ cho được thỏa chí ra tay tàn sát những dân tộc còn yếu kém

Bạn nói rằng nước Trung hoa đi làm đường nên nước Nhật mới cố gắng sửa sang kiến thiết hộ. Vậy ra bấy lâu nay người Nhật đã thẳng tay tàn sát đàn bà con nít Trung hoa... là toàn những phương pháp giúp nguy cứu khổ, độ trì, xây dựng cho dân tộc Trung hoa à ?

Bạn khoe nước Nhật đã vạch cho nhân loại một con đường phải lẽ, dù đến thú vật cũng nghe theo. Nhưng thật ra cái quan niệm của bạn là cái quan niệm của một cuộc kiến thiết Châu Á trên bề máu và núi đầu lâu, cái quan niệm của phường tàn bạo, khát máu.

Cái lý thuyết «Châu Á về dân Á» mà bạn chủ trương trong bức thư của bạn đó, chỉ là cái thuật lừa dối về chính trị. Nội dung chỉ toàn những xấu xa nhơ nhớp mà ở Châu Á, không nước nào chịu làm.

Tôi phải mỉm cười một cách

mĩa mai, khi nghe một chính khách Đông kinh tuyên bố về hiệp ước bài Công, rằng sự ký hiệp ước bình bị Nhật, Đức, Y, có những nguyên nhân sâu sắc về tinh thần không giấu diếm được.

Hay thay ! Tức cười nhất là khi tôi thấy các danh nhân, nghệ sĩ thuần túy của đất nước Anh Đào lại công nhận cái quan niệm kỳ khôi quái khắc ấy làm cho những cuộc chém giết hung tàn hóa ra những hành động thần thánh và vương đạo !

Ở Âu Châu, dù gặp tình thế nguy cấp, nhưng còn có nhiều người trung hậu. Họ dám cả gan công kích những kẻ trục lợi vì chiến tranh. Các người ấy có khi họ bị đau khổ vì lý tưởng nhưng không bao giờ họ chịu lừa dối lương tâm, phản phúc các dân tộc khác màu sắc mà họ đã thấy mặt.

Tôi tin rằng nước Nhật cũng có những người trung hậu ấy, song vì báo chí hèn nhát, sợ mang tội với bọn quân phiệt đang cầm đầu, nên chẳng dám biểu dương tư tưởng đó thôi.

Bạn kể với tôi rằng bọn dân nghèo Nhật có đủ đức tính tiết kiệm và hy sinh. Rồi bạn lấy làm tự hào chính phủ Nhật đã lợi dụng triệt để mọi sự hy sinh quá đáng ấy để xâm lược nước láng giềng : dùng bom to súng lớn triệt phá tinh thần, hủy diệt nhân dân và nhà cửa người ta.

Xin thưa với bạn, tôi đây đã thừa hiểu cái nghệ thuật tuyên truyền của các nước độc tài. Đối với các nước ấy, dân quyền đã bị đập tan thành tro bụi. Họ dùng cái quyền báo chí mà đầu độc nhân dân về đủ mọi phương diện, thì sự tòng phục hy sinh còn có giá trị gì. Ở những nước đó, đến ngay người trí thức cũng không còn được chút tự do. Mấy ông chúa tể chỉ đưa ra một vài lý thuyết giả mạo rồi bắt bọn trí thức phải phồng cổ lên mà hô hào ca tụng, làm cho quần chúng mê tít. Phải có như thế, họ mới dễ đưa dân chúng vào đất chết, theo một phương pháp bạo ngược.

Bọn người tự xưng đại diện nền văn minh Trung, Nhật cũng

thế. Họ đầu độc dân Nhật bản chán, lại quay sang đầu độc cả dân tộc Trung hoa. Họ giết đàn ông đàn bà bằng nhiều cách nha phiến trắng. Những thủ đoạn ấy, nào dân Nhật có biết đâu ! Họ giết hại dân Trung hoa bằng hai cách trực tiếp và gián tiếp. Như vậy mà cứ đường đường đi tới mục đích, mặc cho một phần nhân loại phải lầm than.

Vậy mà họ vẫn được bọn trí thức phục tòng lớn tiếng ca tụng, ca tụng một chính phủ thẳng tay phá hoại hết nền tảng, mọi sự sống của nước láng giềng thì còn gì phản bội lương tâm hơn, và còn tội ác nào to hơn thế nữa ?

Nhưng mà, không thể được. Không thể nào đánh đổ được nước Trung-Hoa đâu.

Tôi biết một ngày kia, người Nhật sẽ hoàn toàn thất vọng. Họ phải dùng không biết bao nhiêu thế kỷ mới quét sạch được những ngói tan gạch vỡ của nền văn minh bị tàn phá do bọn quân phiệt ngông cuồng và hiếu chiến gây nên. Chẳng những thế, cuộc xâm lược này lại còn đánh tan hết cả cái tinh thần hiệp sĩ của Nhật một cách khốc hại.

Nhật không thể nào thắng nổi Trung-Hoa, vì nền văn minh Trung-Hoa đã biến hóa lạ thường. Nhờ ở lòng trung thành tha thiết của quần chúng trong cơn quốc biến, người Trung-Hoa gầy dựng được một đoàn thể vững chải, mở đường cho thời đại sáng lạn của nước Trung-Hoa sau này.

Bị lôi cuốn vào trận chiến tranh vô cùng tàn khốc mà họ chưa chuẩn bị vậy mà nước Trung hoa bấy lâu đã đứng lại được một cách vững vàng. Những cuộc thất bại tạm thời không thể làm nguội được ngọn lửa tinh thần kháng chiến của họ đang bốc cháy ngùn ngụt.

Đứng trước khoa học, phái quân Phiệt Nhật chỉ bợ đỡ theo gót Âu Châu. Người ta nhận thấy thái độ của dân chúng Trung-hoa đã tỏ ra có tinh thần cao khiết hơn nhiều.

Ngày nay, hơn lúc nào hết,

phải hiểu ý nghĩa của một nhà tư tưởng chân chính nước Nhật, khi ông ấy bảo : « *Nước Trung-Hoa có tinh thần mạnh lắm* ».

Bạn Noguchi,

Bạn có thấy rằng trong lúc người ấy khen tặng tinh thần nước láng giềng bao nhiêu là đã triệt hạ tinh thần dân tộc của xứ bạn bấy nhiêu không ?

Nhưng đó là một việc. Còn việc nữa chính tôi phải đau đớn mà viết rằng hiện thời nước Nhật đang ra sức dựng lên rất nhiều bù nhìn ở Trung-Hoa; những bù nhìn về văn hóa tối cổ đã tiêu biểu cho lòng tự cao của Trung-Hoa ngày xưa.

Ai đây sẽ tiêu diệt những bù nhìn ấy ? Tôi ao ước rằng đó sẽ chính là phận sự của dân tộc phù tang và dân tộc Trung-Hoa, quên hết các chuyện đớn đau đã xảy ra để nắm tay nhau thân mật trên con đường giải thoát trong một tương lai rất gần đây.

Chừng ấy, nhân loại chân chính sẽ sống lại.

Bấy giờ, cất tiếng to lên, các thi sĩ sẽ hát ca lòng nhân ái và không còn thẹn thùng đặt cả sự tín ngưỡng của mình vào cuộc đời một cuộc đời không thể nào công nhận bất cứ một cuộc chiến tranh vô lý nào mà người ta cố tình ra thật nhiều bằng khoa học.

Thân ái chào bạn.

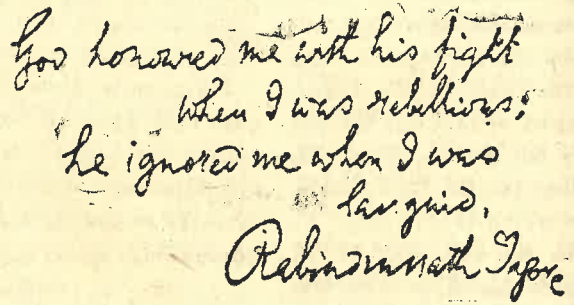

(*Bút tích của Tagore*)

Mutterheim

Nhà nghỉ mát của các bà mẹ Đức.

Bà NGUYỄN-KHẮC-TIẾN-TÙNG
(Munich, Tây Đức)

(*Tiếp theo P.T 233*)

Cuộc sống hàng ngày :

Các Bà Mẹ luôn luôn được nhắc nhở là thời gian ở Mutterheim để nghỉ và tĩnh dưỡng, do đó không nên làm 1 việc gì, dù là quét dọn ngay chính phòng mình. vì công việc làm giường và dọn phòng đã có người phụ trách. Lệ ở Mutterheim là 8 giờ ăn sáng và trước 10 giờ tối đi ngủ. Dù các Bà Mẹ có dậy sớm cũng nằm trên giường để đừng làm rộn các Bà Mẹ khác, 7 giờ sáng có người mang sữa hoặc súp đến tận giường các Bà Mẹ, 8 giờ sáng các Bà Mẹ mới được ra khỏi phòng và ăn sáng. Sau khi điểm tâm xong các Bà Mẹ rủ nhau đi dạo dưới rừng cây, tới vùng lân cận hoặc đi phố. 12 giờ là bữa ăn trưa, sau khi ăn các Bà Mẹ nhận được thơ của gia đình, từ 1 đến 3 giờ là giờ ngủ trưa, trong nhà yên lặng hoàn toàn, khoảng từ 3 đến 4 giờ các Bà Mẹ uống cà-phê, các Bà có thể uống sớm muộn tùy ý. Thường buổi trưa các Bà ngồi trong phòng khách nói chuyện, đan, khâu, hoặc làm những con búp bê bằng len để mang về tặng các con Bà. Buổi tối là xum họp của Bà Mẹ ở phòng khách, bà «soeur» trưởng trại tổ chức các buổi hòa nhạc, chiếu ảnh màu, nói chuyện hoặc hướng dẫn các trò chơi. Bà trưởng trại có tổ chức vài buổi đi chơi ở vùng lân cận và thăm biên giới giữa Đông và Tây Đức, mời 1

nữ bác sĩ đến nhà nghỉ nói cho các Bà Mẹ biết về phương pháp và lợi hại của việc phòng ngừa sanh đẻ, cách săn sóc con cái. Vì muốn các Bà Mẹ được nghỉ ngơi hoàn toàn nên gia đình chỉ nên thăm các Bà Mẹ vào cuối tuần, tuy nhiên chồng và con Bà có thể điện thoại cho bà mỗi ngày. Các Bà Mẹ tuy mới gặp nhau ít ngày ở Mutterheim, nhưng vì xa gia đình nên dễ thân thiết nhau, các bà đi chơi cùng, đan lát khâu vá cùng, và trao đổi kinh nghiệm về nội trợ, giáo dục con gái.

Trong số gần 60 Bà Mẹ ở Mutterheim, chỉ có 1 Bà mới lập gia đình chưa có con, còn thì ai cũng có con và cả cháu nữa. 1 Bà trên 60 tuổi kể là Bà có nhiều cháu lắm và ở chung với con trai, nhưng mỗi năm Bà đều nghỉ riêng ở các Mutterheim. Bà không muốn đi nghỉ chung với con bà và các cháu vì họ còn trẻ, thích đi biển hoặc những chỗ đông người, còn Bà cần yên tĩnh. Trường hợp nếu Bà đi nghỉ riêng ở các quán trọ, khách sạn, Bà sẽ cô độc biết là chừng nào, nhưng ở Mutterheim sống trong đoàn thể và được quen nhiều Bà Mẹ khác Bà thấy rất vui. 1 bà tỷ phú khác nói là cứ hai năm một, Bà và chồng, 1 năm đi nghỉ chung với các con, 1 năm 2 vợ chồng đi nghỉ riêng và các con gửi ở nhà bà ngoại. Bà muốn cứ 2 năm 2 vợ chồng đi nghỉ riêng để nghĩ về nhau và để khi về sống hạnh phúc thêm, trong thời gian 2 người đi nghỉ hoàn toàn không viết thư cho nhau, vì họ đã hẹn nhau là chỉ viết 1 tấm carte cho biết tin tức là vẫn khỏe mạnh. Mấy Bà Mẹ khác hoặc chồng còn là sinh-viên bận học, hoặc bận đi làm nên bà đi nghỉ một mình. Một Bà mới có 26 tuổi mà đã hai lần đẻ sinh đôi, Bà to và khỏe như đàn ông, bởi vậy chúng ta khi phải buộc hay gói nặng, bà sẵn sàng làm giúp. Nói chung các Bà Mẹ trong những ngày nghỉ ở Mutterheim hoàn toàn thỏa mãn, tuy xa gia đình mà họ vẫn không thấy cô đơn mà còn vui thích vì đã học hỏi trao đổi kinh nghiệm về công việc nội trợ, giáo dục con cái với các Bà Mẹ khác ở khắp

nước Đức.

Đêm tiễn biệt giữa những người đã thành thân mến :

4 tuần lễ ở Mutterheim rồi cũng lướt nhanh đi. Một nhóm Bà Mẹ đứng ra tổ chức buổi giã từ. Họ hoàn toàn giữ bí mật không cho ai biết chương trình ra sao, phòng khách khóa kín để ban tổ chức trang hoàng, các Bà Mẹ chỉ được yêu cầu là lúc 8 giờ tối phải hóa trang, đeo hoa giấy và 1 m các mặt nạ đề-đeo tùy theo ý muốn. Điều tôi không thể ngờ được là trong số 6 Bà Mẹ nhận đứng ra tổ chức, chỉ tập dượt có mấy ngày trước mà họ đã đóng thành cả 1 gánh xiếc làm giả voi, ngựa, trâu v.v.. rất hay, diễn những vở kịch đã làm chúng tôi cười vỡ bụng, cười nghiêng ngả, chảy cả nước mắt. Nhưng đêm xuống dần, sáng mai các Bà Mẹ phải đi tàu về nhà sớm, nên dầu không muốn, chúng tôi cũng phải nắm tay nhau nhảy và hát bài biệt ly, mặc dầu chẳng ai muốn nghĩ và nhắc đến câu đó.

Trước khi về, một lần nữa Bà Mẹ lại được cân (1 bà nặng 80 kí, sau khi nghỉ 4 tuần lại tăng thêm 3 kí là 83 kí) và bác sĩ khám tổng quát, ghi kết quả tình trạng sức khỏe các Bà Mẹ đã thâu lượm được trong những ngày nghỉ, mỗi Bà Mẹ đều có 1 hồ sơ riêng ghi từ khi đến nhà nghỉ mát và khi về, những hồ sơ này đều được báo cáo lên Trung-tâm cơ-quan xã-hội Tin-lành và được lưu giữ lại. Các Bà Mẹ còn được yêu cầu viết trả lời những câu hỏi trắc nghiệm cho biết trong thời gian ở Mutterheim có được ăn uống đầy đủ không, tinh thần thế nào v.v.., và được xin ý kiến để Mutterheim sẽ tổ chức chu đáo hơn. Lúc chia tay các Bà Mẹ trao đổi địa chỉ và hẹn đến chơi hoặc viết thơ liên lạc.

Thời gian 4 tuần chung sống đã đủ tạo nên những kỷ niệm đậm đà, và ở đây, từ những khôn mặt xa lạ lúc đầu nhiều người đã gặp bạn tâm giao.

Bà NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG

(Munich, Tây Đức)

Con cút cụt đuôi

Con Cút cụt đuôi.
Ai nuôi mầy lớn...

□ PHAN-LONG-TƯỜNG

CHƯA gần gũi và thân thuộc nó (con cút), tôi — cũng như các bạn bây chừ — thường thoảng hoặc mới nhớ đến nó qua mùi vị quả trứng nhỏ ở các nhà hàng ăn Tàu Chợ-Lớn, hay mùi thịt thơm thơm ở một vùng quê nào đó mà bạn t inh-cờ ghé ngang.

Con Cút — một con vật nhỏ bằng con gà con độ tháng, mỏ nhỏ, mắt màu thau (con người có con mắt loại nầy, theo ca-dao là loại người ngu : Người khôn con mắt,...,,người dại con mắt có chì lẫn thau), lông như lông công, màu xám pha vàng lốm đốm trắng. Chân ngắn màu lam xám, cánh ngắn, không đuôi, không nhảy được, chỉ chạy và bay được một khoảng ngắn. Kki một con vật hay người đến gần, thường là 2, 3 thước, nó hốt hoảng bay vù một đoạn ngắn, rồi :

Lui lủi như con cút cụt đuôi

Một con vật tầm thường, xấu-xí không làm sao cho ta cảm và yêu được — dù là một tí-ti (như một người con gái xấu), nhưng nếu bạn «can-đảm», «nhắm mắt» yêu thử và tìm hiểu — người đàn-bà xấu, cũng như con cút cụt đuôi có thật nhiều

nét lạ, thi-vị, hay hay và bạn dám bị du vào «mê-hồn trận» lắm lắm.

Thân em dù bé tẻo teo. .

Từ lúc ngoi mỏ ra khỏi cái vỏ màu vân xám, lốm đốm hồng lợt, khoản từ 5, 6 tháng cút mới hưởng mùi «ngọt bùi» của tình-ái. Cút cao từ 7 đến 10 phân, đầu tròn, cổ ngắn, tai chỉ là hai cái lỗ nhỏ ẩn hai bên cổ như tai gà, nghe rất kém. Cút cũng không đánh mùi được thú vật và người, khứu giác dường như «mù đặc» cút trốn tránh được chỉ nhờ cặp mắt sáng tinh anh thấy xa và đôi chân lủi trốn. Toàn thân cút phủ một lớp lông mềm ngắn, dày và nhiều màu sắc.

Cút thích sống ở các động cát khô, lơ thơ vài đám cây nhỏ, lau sậy. Chúng chia nhiều nhóm nhỏ, phân chia ranh-giới vùng kiếm ăn, sống từng cặp ; Đôi khi nằng sung sức, đèo bòng như bà Tảo : Một bà hai ông Nàng điều khiển gia cang rất khéo, sắp xếp «quân công thăng tiến» cho các đấng phu quân mà chẳng bao giờ có việc xào xáo trong gia đình, tiếng bấc tiếng chì. Được thế, có lẽ nhờ nồng-độ ái-ân của nàng quá mạnh, và hai đấng phu quân phải còng lưng, phờ râu mà phục dịch.

Thức ăn khoái khẩu của Cút là mối. Thường cút ăn các loài sâu bọ và một vài loại côn trùng nhỏ. Cút rất ít uống nước. Đặc biệt, Cút thích tắm và sửa sang sắc đẹp bằng cát. Một lần, kẻ viết bài nầy ngày ấy còn ở Vũng Tàu theo chân một anh bạn đi bẫy cút ở Bãi Sau, đã may mắn thấy được cảnh tượng thích thú : Ở một khoảnh đất trống, lơ thơ vài cây cỏ may úa vàng một nàng cút đang say sưa tắm mình trong cát. Nàng lấy chân bới tung cát lên,

đôi cánh xù ra, làm tung vãi từng đợt cát vàng dính trên cánh ngắn màu xám vàng lốm lốm trắng. Đôi mắt thau mơ màng, nét trẻ thơ, tinh nghịch và sung sướng hiện rõ trong dáng điệu và nét mặt...

Nhưng khối tình cũng láng lai nồng đượm

Tình yêu và dục tình của Cút, nhất là cút mái rất mạnh. Tuy yêu và đẻ quanh năm như gà, nhưng mùa «động dực» của nàng bắt đầu vào khoảng 5,6 Dl khi trở trời và có vài đám mưa nhỏ đầu mùa. Ca-dao có câu :

Trời mưa lâm dâm.
Cây trâm có trái,
Con gái có duyên...
. . . . . .

Nàng cút cũng vậy (nàng không phải là con gái sao) ? qua những trận mưa, thức ăn khá nhiều, béo bổ, nàng trở nên đẫy đà, lông láng mướt, má hây hây... Lúc nầy nàng như một «Từ Hy Thái hậu» yêu và ân ái cuồng nhiệt. Tuy thế, nàng cũng rất chung tình miễn là đấng phu quân gối đừng mỏn và chân đừng rạc là được. Một lần, kẻ hèn nầy ra ngoài rừng Chi-Linh ngủ với anh em cán bộ XDNT để học nghề bắt cút, nửa đêm, dật mình thức dậy vì tiếng động lạ trong phòng. Thì ra, nàng không quản đường xa cách trở, tìm đến chàng (chang bị thân cá chậu chim lồng) qua cảm động sao đó, nàng rớt đúng ngay lên mùng kẻ nầy.

Ái ân mạnh như vậy nhưng mà nàng cũng chỉ là một con chim, trời chỉ cho nàng đẻ 1,2 trứng. Nang thường tìm những chỗ cỏ thưa, trống, có cát vàng, nắng ấm để gởi trứng. Nàng tỏ ra chăm chỉ, cùng chàng thay phiên nhau ấp trứng suốt ngày

đêm. Để tự vệ và giữ trứng, nàng và chàng chỉ trông vào kỹ-thuật ngụy-trang và mùi hơi của mình mà thôi.

Thế rồi, hai cô, cậu cút còn vùng dậy, dạp bỏ cái vỏ tù nhỏ xíu, góp mặt trong cõi ta-bà. Chúng ti eo ba mẹ chúng kiếm ăn. Đến tuổi dậy thì chúng xa lìa ba mẹ, lập gia-đình và tạo dựng giang-sơn riêng của chúng, rồi tiếp tục việc nòi giống-dương.

Trên, ba dầu đa khoai bằng thịt cút

Trứng cút nhỏ bằng nửa trứng chim cu, màu sắc trông đẹp mắt, trắng xám lốm đốm vân nâu nhạt. Ở Chợ-lớn, người Tau bắt cút về nuôi, cho đẻ trứng, bán với giá 600đ00 hai chục trứng, đổ đồng 1 trứng 30đ00.

Đắt thế mà bao nhiêu tiêu thụ cũng hết. Trứng cút ăn rất bổ, bổ hơn trứng gà, mát lanh. Đàn bà, khi có thai, ăn trứng cút rất tốt. Trứng cút có thể làm nhiều món ăn như trứng gà.

Cút xương mềm, thịt nhiều, ngon như thịt gà ta, có thể làm nhiều món ăn như gà, nhưng ngon nhất có lẽ là món cút rô-ti.

Muốn cho thịt cút ngon và đậm mùi, khi làm thịt cút, *hãy nhổ lông khi nó còn sống*, xong rồi mới giết chết. Giết chết rồi mới nhổ lông, rất khó, và lớp da mỏng béo bổ bao quanh thịt sẽ bị nhổ lông vừa mất thẩm-mỹ, vừa rất uổng. Còn trụng nước sôi như gà, vịt, thịt cút sẽ nhạt và mất ngon rất nhiều.

Thịt cút còn là một thứ thuốc cường dương, rất tốt những người yếu thận, các ông lão, bà lão, và hơn nữa, một món ăn lý tưởng cho khách yêu hoa sau những phút thả hồn theo khói

phù-dung.

Sau ngày sinh nở, người đàn-bà nếu không đủ sữa cho con bú, ăn từ 5 đến 10 con cút nấu với bắp chuối hoặc đu-đủ, sẽ có đủ sữa ngay.

Săn cút, một nghệ-thuật không kém công phu

Vì điều kiện địa-dư, lối săn cút mỗi nơi một khác. Ngoài Trung cút thường sống trong những đám mía, ven chân các ngọn núi, đồi trọc thưa cây-cối. Giang-sơn của các cặp vợ chồng cút thường bị thu-hẹp lại trong những khoảnh đất nhỏ. Muốn săn cút có hai cách.

— *Cách tài tử* : Lúc nhỏ, khi sống ở ngoài Trung — Tỉnh Bình-định, kẻ viết bài nầy rất mê thịt cút, nhưng họa-hoằn lắm, mới bắt được nó bằng lối săn tài-tử của mình. Gọi là săn cho oai, kỳ thực chúng tôi chừng ba, bốn đứa, ba bốn dàn thun (ná cao-su), luồng tuồng trong khu đất mà cút hay ẩn núp, khi thấy nó, chúng tôi thường vây hãm anh chị trong một bụi rậm và thi nhau bắn. Thiện xạ và lanh mắt lắm, cả chục lần, chúng tôi mới bắn được một con.

— *Cách nhà nghề* :

Những nhà chuyên môn sống về nghề bắn chim, thường bắt cút và những loại chim sống dưới đất trong các đám mía. Cách bắt nầy tốn công và cần nhiều người. Họ dựng mành mành chung quanh một đám mía làm cái rọ như lờ cá ở một đầu đám mía. Xong, từ đầu nầy, đăng hàng ngang, vừa tiến đến, vừa la, vừa dậm chân. Bao nhiêu cút đều chun vào rọ. Cách nầy thường thâu đạt được nhiều kết quả tốt đẹp, nhưng kém thi vị và thua xa cách bắt cút ở trong Nam.

Tại Miền Nam, tôi học được nghề bắt cút của mấy anh bạn ở Tây-Ninh. Nghề nầy thật công phu và cũng lắm cái cái thi-vị. Với địa vị một người mới học nghề và ít có dịp thực tập, tăng tiến nghệ thuật, kỹ-thuật của mình, trong cách trình bày, chắc thế nào cũng có sơ sót, tôi rất mong sự chỉ giáo của những bậc nhà nghề, đầy kinh nghiệm và cũng đầy nghệ-sĩ tính.

Nuôi cút mồi

Mồi là cút do người nuôi dùng để nhử những con cút còn dung-dăng, dung dẻ tự do vào lưới bẫy.

Nuôi cút mồi rất công phu và khó khăn không kém cu mồi. Trước hết là việc lựa chọn. Lựa chọn trong hàng chục con cút mới tìm được một con cút vừa ý để nuôi làm cút mồi. Cút mồi cẳng phải dài, đôm trắng quanh cổ nhiều, cút phải vừa dậy thì, khỏe mạnh. Thường cút mồi là cút mái, cút mái lớn hơn cút đực, hăng hái, khoẻ mạnh và tiếng kêu to hơn, hấp-dẫn hơn.

Khi cút mới bắt về rất nhát, thường tông vào nan lồng, do đó, lồng nuôi cút mồi các nan lồng phải thật dày, lồng hẹp, nhiều khi phải lấy vải che bớt chung quanh lồng để cho cút không thấy quang-cảnh bên ngoài mà dạn lần. Trong lồng phải để một lon cát (để cút tắm), nước, và luôn luôn phải có một mảnh của một ổ mối trắng đầy mối dùng làm thức ăn cho cút mồi. Hằng ngày người nuôi phải tập cút mồi ít nhất là 10 lần, mỗi lần chừng 15 phút hay nửa giờ, nhử và mớm giọng cho nó bằng một tràng tiếng kêu có thanh âm thật trầm : kíp.. kíp.. hay cíp, chíp như tiếng gà con cho nó bắt theo, giống như dạy hát cho mấy nàng ca-sĩ Sài-

gòn. Có điều khác là, các nàng ca-sĩ trả ơn khó nhọc cho thầy trước còn nàng hót sĩ cút thì trả ơn sau.

Cho cút ăn đầy đủ, năng luyện tập cho nó, chỉ độ 1 tuần hoặc lâu lắm là nửa tháng, nàng cút cất giọng «oanh vàng» bắt đầu trả ơn khó nhọc cho thầy, (nghĩa là cút vừa nổi). Khi cút nổi, người nuôi cút bắt giọng là cút đáp ngay, có thể đi bẫy cút được rồi. Một con cút mồi nổi nhất, khách sành điệu đám mua đến 5,10 ngàn đồng...

Không phải như cách bẫy cu mồi, khi mồi cút, săn cút, cút mồi và lưới mồi là hai bộ phận riêng rẽ. Lưới mồi rất dản-dị, một bộ thường có từ 2 đến 5 tay lưới, gồm có : Cộng lưới là một cộng thép cứng, dài độ 6 tấc, uốn cong hình vòng cung. Ngoài cộng lưới, còn gọi là khung lưới, còn có lưới đang tay bằng chỉ may se lại hay nhợ đánh cá, sợi ni lông thành hình miếng chả như lưới cá, dài độ 6 tấc, ngang 3 tấc, hai đầu lưới dùng dây thắt nút như dây rút bị gạo, cột tréo từ chân cọng lưới nầy sang chân cọng lưới khác. Khi cút chạy vào lưới, nó tự làm cho lưới rút lại và bị nhốt vào đó, người mồi cút chỉ có việc gỡ ra bỏ vào lồng, mang về thịt.

Bẫy cút là một nghệ-thuật, ngoài cách xem vùng có cút ở, nhận được nhữ dấu chân còn phải đặt cút mồi và tay lưới thế nào cho bắt được đủ cặp cút (có khi 3 con.) Người bẫy cút ngoài cút mồi tay lưới chỉ cần đem theo một cái liềm nhỏ dùng để cắt cỏ, dọn đường cho cút chạy vào lưới.

Sau khi lựa chọn vị-trí đặt cút mồi, tay lưới, người bẫy cút đặt cút mồi dưới đất, dùng lá cây che kín thân lồng, dọn, cắt những cây nhỏ, cụm cỏ ven theo con đương mòn, cắm tay

lưới thường là hai hoặc ba xuống đất, chặn ngang những con đường mòn nhỏ dẫn đến chỗ đặt cút mồi. Xong, huýt gió, mớm giọng cho cút mồi. Gặp cút mồi hay và đến lúc nổi rộ, nó sẽ kêu ngay, mời gọi, lả-lơi, sàm sỡ, chọc tức, những con cút lần quanh nó. Dường như trời sinh ra hai tai cút chỉ để nghe tiếng kêu mời gọi của ái-tình, cút nghe tiếng kêu, sẽ theo con đường mòn cắm đầu cắm cổ đâm vào lưới, tuy lưới chỉ thấp chừng hai tấc, khỏi đầu cút một chút, nó cũng chả thèm né tránh, thấy lưới sờ sờ trước mắt mà vẫn đâm đầu vào. Có lẽ, nó chỉ cho việc đi tìm tình ái là lẽ sống độc nhất của đời mình, than ôi !

Nếu có một con cút mồi hay, hằng ngày có thể, bắt được từ 40 đến 50 con cút, có thể sinh-nhai thong-thả.

Ngoài nghệ-thuật dùng cút mồi, các bạn chỉ cần một cái gậy «đánh chó» cũng có thể săn được cút. Một bữa, kẻ viết bài nầy đi hành quân thực-tập ven các triền đồi ở Thủ-Đức, đã làm cho các bạn cùng một Trung đội ngẩn ngơ, phục «sát đất» khi dùng «đả cẩu bổng» và tiếng kêu chíp chíp non nớt, tay mơ, không đúng cung, giọng của một nàng cút chính-thống, đập chết được hai con cút béo ngậy. Bữa đó, kẻ viết bài nầy núp trong một bụi rậm, ven một con đường mòn, đưa cây gậy đánh chó — ý quên đánh cút — miệng lải nhải chíp như một tên điên. Khi kẻ này sắp bỏ cuộc, thì than-ôi, hai anh chị cút dẫn xác đến, chị chạy đầu anh «nắm áo» theo sau, hồng hộc chạy đến. Một gậy đang xuống, anh chị quay lơ, chân vẫy chào như rất tiếc vì lỡ cuộc hẹn ái-ân.

Sống trong cái thế-giới

nắng vàng, trơ cây trụi lá của những đồng cỏ lau sậy, ruộng mía, con cút cụt đuôi dường như tự nguyện và tự-đắc với số phần của mình. Không tranh dành, bon chen với ai. Cái khí giới tự-vệ cũng chẳng có, con cút sống và trường-tồn có lẽ nhờ địa-hình, địa-vật nơi vùng chúng sống : cát, trống, ít thú-vật dữ-tợn, và cũng có thể nhờ bẩm sinh cút biết lựa chỗ trống mà ngủ. Thường cút ngủ từ lúc 6, 7 giờ chiều như gà, ngũ quây quần, hợp đan với nhau, có lẽ lúc nầy là lúc chúng không còn kỳ-thị, phân-chia ranh-giới vì một lẽ độc nhất : Sống còn. Kẻ viết bài nầy đã chứng-kiến một bãi ngủ của cút, chúng di-chuyển từ cặp vào vùng trú-quân, sè sẽ nằm xuống các cụm cỏ may thưa, cặp nầy cách cặp kia chừng 6, 7 thước. Tối đến, kẻ nầy đem theo lưới, người đến vây bắt, nhưng không hiểu nhờ đâu chúng thoát vòng vây, chỉ để lại nhiều «của quý» còn nóng hôi-hổi. Có lẽ nhờ giác-quan thứ sáu chăng ? Thật tạo hóa khéo đa-đoan, và cũng khá tài tình !

□●

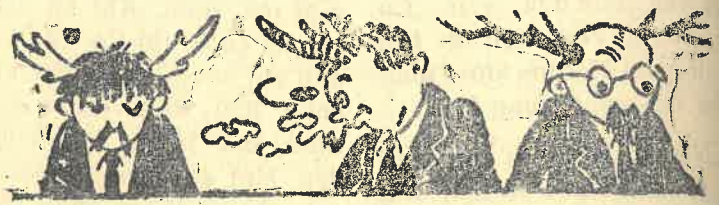

● *Nghe lời chê mà giận, là làm cho người ta dèm pha. Nghe câu ngợi khen mà mừng, là làm cho người ta nịnh hót.*

VĂN-TRUNG-TỬ

Bến Thu

Cây cành ủ-rũ;
Cơn gió đuôi bèo.
Con đò mơ ngủ,
Vắng teo, vắng teo.
Nắng chiều vàng vọt,
Ràn-rụa tuông-sa,
Cành không trơ-trọi,
Lá thu là-đà.
Ngô đồng diệp lạc,
Lữ-khách cô-liêu.
Ơi hồn ngơ-ngác,
Tiếng chim chít-chiu...

NGUYỄN-TẤN-LỘC
KBC 4744

Một vài nhận xét sai lầm về cụ Phan-Bội-Châu

Viết để kỷ niệm năm thứ 29 húy nhật (29-10-1940) Sào-Nam Phan-Bội-Châu Tiên sinh

● ĐÔNG-TÙNG

Cho mãi tới bây giờ nỗi khi người ta nói cũng như khi người ta viết về Cụ Sào Nam Phan bội Châu không ai không công nhận rằng, Phan-Tiên sinh là một nhà Chí sĩ ái quốc, đã hiến cả đời mình cho đại cuộc cách mạng diệt thù cứu nước. Cho tới khi bi Tây bắt tù giam cầm khống chế tới dụ dỗ mua chuộc trước sau tiên sinh vẫn giữ được vuông tròn danh tiết đúng với câu : « Trượng phu tam bất » (I)

Mặc dù vậy, cũng vẫn có một số ít người, vì lẽ nào hay lẽ khác mà họ đã nhận xét vài điểm rất sai lầm về nhà Tiền bối cách mạng núi Hồng sông Lam nầy,

Cách ngôn Đông phương có câu : « *Thái quan hậu hữu thiên thu định luận* ». Nghĩa là sau khi đậy nắp quan tài mới có một định luận nghìn đời cho một nhân vật. Nhưng nắp quan tài của Phan Tiên Sinh được đậy lại tới nay đã gần 1/3 thế kỷ nhưng cái luận vẫn chưa được định.

Nay nhân dịp ngày kỵ của Tiên Sinh (29-10-69) chúng tôi xin nêu lại vấn đề để thương xác lại với một số người đã có những nhận thức sai lầm đối với nhà cách mạng Tiền bối khả kính nầy. Đó là hai vấn đề sau đây :

1/ Chủ trương Pháp-Việt đề huề

2/ Theo thuyết «Tam bất» của Gandhi.

Nhưng rồi để bênh vực cho Phan Tiên-sinh, hay nói một cách khác, để nguyên lượng cái tâm mà không nề hà cái tích «khả-nguyên» cho nhà ái quốc chí sĩ nầy mà những người vừa kể trên đã ví Cụ Phan đối với dân, với nước Việt-Nam có một tấm lòng yêu thương tha thiết, như một bà mẹ thương con, khi thấy con đau yếu bệnh hoạn, thì không quản công lao, không nề tốn kém để rước thầy chạy thuốc.

Nhưng là một bà mẹ thiếu sáng suốt, kém kiến thức khoa-học, cho nên khi thấy con bị bệnh nặng thì ai mách cho thầy nào, thuốc gì bà cũng chạy đi kiếm, đi mời cho bằng được. Có khi bà còn xin cả hương thừa, nước giải của bọn thầy Phù-Thủy, đồng bóng hoặc thế vu dân.

Ý kiến nhận xét trên đây với Phan Tiên-sinh tuy không phải là hoàn toàn sai lạc, nhưng cũng chưa hẳn hoàn toàn đúng hết.

Để đi tới một nhận xét chính xác trước hết ta nên tìm hiểu tới nội dung «*Pháp-Việt đề huề*» và «*Tam bất*».

1/ Pháp-Việt đề huề là gì ?

Nguyên là một văn kiện bằng chữ Hán nhan đề là «*Pháp-Việt đề huề chính kiến thư*» nội dung là một bức thư của cụ Phan gửi cho Toàn-Quyền Đông-dương Albert Sarraut, trong đó Cụ Phan nhân danh là một lãnh tụ cách mạng Việt-Nam ở hải ngoại (Tàu) gửi về cho các nhà đương cục Pháp ở Đông dương những ý kiến đề nghị «Người Pháp với người Việt phải đối xử với nhau cho tử tế, nghĩa là phải đề huề hợp tác với nhau, thì mới hòng giữ nổi hiểm họa Nhật Bản».

Sự thật, chân tâm cụ Phan có ý nghĩa và việc làm như thế chăng ? hay là nhà ái quốc chúng ta mắc gian kế địch ?

Chúng tôi dứt khoát trả lời rằng, đây là một sự mắc gian kế của Marty tên trùm mật thám Đông dương do hai tấu cầu của

hẳn là Nguyễn Thượng Huyền và Trần Đức Quý sang Tàu lừa Cụ

Chúng tôi cần phải nói rõ ràng thêm ở đây rằng : Cuối Đại chiến thứ nhất, Việt Nam Quang phục-hội cố đem hết khả năng hoạt động về chính trị cũng như quân sự, nhưng đều bị Pháp dè bẹp, phong trào cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ lìm và tình trạng thoái trào, Cụ Phan đang lận đận ở đất Tàu, thì 2 tên gián điệp nói trên sang Tàu tìm Cụ, nói ngon nói ngọt với Cụ nên chuyển hướng đấu tranh, theo như cụ Phan Châu Trinh «Ỷ Pháp cầu tiến bộ» (nương tựa vào Pháp để tìm tiến bộ). Thế rồi từ «ỷ Pháp cầu tiến bộ của Phan Châu Trinh» sang «Pháp Việt đề huề của Phan Bội Châu» chỉ có một bước mà cả hai Cụ đều sai lạc.

Chúng tôi nói sai lạc vì : Chính sách ngu dân của Pháp để đâu (?) mà Cụ Tây Hồ bảo nhân dân Việt Nam Ỷ vào Pháp để cầu tiến bộ được (?)

Bảo Pháp đề huề với nhân dân Việt-Nam, cũng như khuyên nhân dân Việt Nam nên đề huề với Thực dân Pháp chẳng khác nào bảo cừu con ở với chó sói phải thương yêu đùm bọc lấy nhau.

Như sau đó được các đồng chí của Cụ giải thích giùm qua các bức thư của các Cụ Đặng-Thúc-Hứa, Võ-Trọng-Đài, Đặng-Tử-Kính ở Xiêm, Cụ Cường-Để ở Nhật thì Phan tiên sinh đã biết là mình đã lầm.

Cho tới năm 1925, Cụ bị Pháp bắt giải về nước, bọn Pháp cứ cố lôi câu chuyện Pháp Việt đề huề ra để ân xá cho Cụ, mà Cụ cứ một mực làm lơ.

Nếu bảo rằng Cụ Phan đã có tư tưởng muốn đề huề với Pháp, thì sau khi bị Pháp bắt về nước, bọn Pháp muốn mời cụ dự một trong hai chức vụ : Thượng-Thơ bộ học, Cố vấn tối cao cho chính phủ Nam triều, mà Cụ cứ vẫn tìm đủ mọi biện pháp để từ chối (?).

Càng rõ ràng hơn nữa thì chúng ta nên đọc lại bài thơ của ông già Bến-Ngự nhan đề :

«Ăn sung nằm gốc cây sung»
«Lấy anh thì lấy, nằm chung không nằm»

Thơ rằng :

«Thời thế xui nên giả vợ chồng,
«Lấy anh chưa dễ đã nằm chung.
«Ở chơi cho nó toi đồng bạc,
«Hà để cho ai nếm má hồng.
«Cười gượng có khi che nửa mặt
«Khóc thầm vì nỗi khác hai lòng.
«Bao giờ duyên mới thay duyên cũ,
«Cùng nhau ra sức tát bể Đông.

Bài thơ trên đã làm nổi bật tư tưởng bất đề huề với Pháp của Cụ Phan-Sào-Nam khí rõ rệt.

Trong khi sống cảnh chim lồng cá chậu rồi mà còn như vậy, không có lý nào khi còn ở hải ngoại lại có tư tưởng muốn đề huề với Pháp được (?).

Chẳng qua là vì một nguyên nhân phức tạp nào đó đã khiến cụ mắc mưu địch. Làm chính trị mắc mưu gian của đối phương không phải là hiếm chứng liệu trong lịch-sử cổ kim.

2l Thuyết «Tambất» của Gandhi.

Gandhi (Tàu gọi là Cam Địa) là một nhà đại cách mạng Ấn Độ chống Thực dân Anh bằng triết thuyết mà tiếng Ấn gọi là «Xa tyga raha» mà người Tàu lý giải ra là : «ba cái không» (tam bất) 3 cái không ấy là : không bạo động chống lại chính quyền thực dân Anh. Không hợp tác với người Anh ở Ấn độ. Không mua, không dùng những hàng hóa mà người Anh đem tới bán ở Ấn.

Điểm qua 3 mục phiêu của một đường lối chính trị đấu tranh giải phóng dân tộc như thế, người ta thấy nổi bật lên, một vú mộng không tưởng. Rõ ràng nhà cách mạng nước Ấn đã khuyên bảo dân mình cứ việc nằm yên để cho Thực dân cai trị.

Vì trong lịch sử cổ kim Đông Tây chưa có một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc nào thành công mà lại không phải dùng vũ lực

để đánh đuổi kẻ thù.

Một nhà thông thái và nhiệt tình yêu nước như Cam địa mà lại có một chủ trương rất hợp với ý muốn của Thực Dân Anh như kia, cho nên bọn Thực dân Anh mới tôn bốc là THÁNH.

Nhưng rồi tới một lúc nào đó mà THÁNH có những hành động rầy rà cho chúng thì chúng sẵn sàng thuê người giết THÁNH đi (2).

Thiệt là lầm lẫn khi đem cái ôn hòa bất bạo động mà nói với bọn người cướp nước, khác nào ngồi tụng kinh Phật trước đàn chó sói.

Trong khi nước Việt Nam đang ở trong gông cùm của Đế quốc Pháp mà nhà Tiền bối cách mạng Phan Bội Châu lại có lúc định áp dụng theo cái triết thuyết «Tam bất» ấy, thì cũng đúng là một điều lầm lẫn vô cùng.

Nhưng nếu chúng ta kê cứu đời sống chính trị của cụ Phan một cách tường tận thì sẽ thấy rằng : trong thời gian mà họ Phan có ý tán dương thuyết «Tam bất» của CAM ĐỊA cũng là lúc cách mạng Việt Nam thoái trào sau những cuộc võ trang khởi nghĩa của Quang phục quân sau đại chiến thứ nhất thất bại, Rồi nhà cách mạng chúng ta đi tìm kiếm một hướng đi, dò dẫm tìm tòi : chỉ có tìm tòi và tán dương chứ sự thực thì Phan Tiên Sinh cũng chưa có hành động gì về chủ thuyết ấy.

Lại có kẻ chỉ thích rằng, Cụ Phan là một chính trị gia thiếu định kiến : đầu hết theo đường lối Cần Vương của Phan Đình Phùng, thất bại, đem Cường Để qua Nhật theo đường lối quân chủ lập hiến, lại thất bại, bỏ chạy về Tàu theo « Tam dân chủ nghĩa » của Tôn Văn. Đời hoạt động chính trị của Phan Tiên Sinh không hoạch định được một đường lối nào nhất định, phải chăng Cụ Phan là một người thiếu định kiến.

Nhưng chúng tôi thì lại nghĩ rằng : Chính sách và đường lối đều do hoàn cảnh cụ thể xây dựng lên. Cho nên đời cách mạng của Cụ Phan là một đời đầy phức tạp, nhiều nhương. Vì vậy, mỗi cụ chuyển hướng lẽ dĩ nhiên cụ cũng tố vận dụng cho sát hoàn cảnh cụ thể. Như thế ta không thể trách cứ Cụ Phan không có một chủ trương nhất định.

Thiệt vậy, trong những lúc chuyển hướng chính trị của nhà cách mạng đất Hồng Lam này đều có những nguyên nhân rất phức tạp và chính đáng cả. Nhất là lần cuối cùng (1923) khi Cụ còn ở Hàng châu (Tàu) đã có một chuyển hướng rất mạnh, chuyển hướng đó đã được thể hiện trong bộ sách «Xã-Hội chủ nghĩa Xã-hội Phan bội Châu»

Như vậy phải nói Cụ là một người rất thức thời và biết tùy thời, không bảo thủ, cố chấp như một nhà NHO nệ cổ. Điều mà hậu thế phải tín ái Phan Tiên sinh là ở chỗ đó.

---

(1) Trượng phu tam bất : xuất phát từ câu sách : *«Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vị trượng phu»* giàu sang không làm hoen ố tâm hồn, nghèo hèn không làm thay đổi chí hướng, không bị khuất phục trước uy vũ đó là người Trượng phu.

(2) Bọn thống trị Anh ở Ấn độ đã thuê người giết THÁNH CAM ĐỊA.

● *Người chồng ở Huế vào Saigon, đánh giây thép ra hỏi vợ :*

— «Anh quên mất địa chỉ của chú Hoàng Em cho anh biết gấp.»

Hai hôm sau, người chồng nhận được điện tín trả lời của vợ :

— «Chú Hoàng ở Chợ lớn.

VIỆT-SỬ

★

Người nữ điệp viên của cụ Phan-Đình-Phùng

PHẠM-VĂN-SƠN

(Tiếp theo P.T. 233)

Rồi hai năm qua và đầu Xuân Kỷ - Dậu (1893) chợ Tràng bỗng vắng cô Tám và cả con thuyền đơn chiếc của cô. Có kẻ nói :

— Chừng cô ả đi theo một thầy quyền nào rồi

Họ đâu có biết bọn lính tập chợ Tràng bị Pháp đổi thì kế hoạch của cô Tám tan vỡ và sau đó cô Tám đã có mặt ở Ngàn-Trươi dưới quyền chỉ huy của vị « *Sơn Trung Tể tướng* » họ Phan rồi. (2)

Từ sáng sớm cụ Phan-đình-Phùng đã ra ngồi trước án, lòng đầy suy tư. Lúc nầy cụ có nhiều mối lo bởi lực lượng Văn-thân Quảng-Bình đã bị địch tiêu diệt gần hết. Vua Hàm-Nghi bị bắt, các nhà ái-quốc bên Vua kẻ tử trận, kẻ tuẫn tiết (anh em ông Tôn thất Đạm) kẻ bị sa lưới (Đề đốc Lê Trực),.. tóm lại mặt trận Quảng bình không còn âm hưởng gì nữa. Nay chỉ còn mặt trận Hà tĩnh tuy lòng người vẫn hăng hai nhưng thực lực của giặc quá phong phú e khó kéo được lâu dài. Điều nguy hiểm nhất là hỏa lực của giặc do những khẩu súng trường (thuở đó là fusil

indochinois) có thể phóng xa ngót ngàn thước mà nghĩa quân chỉ có những vũ khí cổ điển thô sơ là gậy tầy, dáo mác, là những vũ khí dùng cho cận chiến mà thôi, tuy có một số súng điều thương, đạn nạp tiền bắn không lợi hại bao nhiêu. Gần đây cụ Phan đã kinh nghiệm thấy súng của giặc rất lợi hại, nghĩa quân chưa tới gần đã bị hạ thì can đảm cũng bằng thừa, mặc dầu dùng thế du kích là lối đánh bất ngờ cũng nhiều khi thắng lợi, nhưng sao bằng có thêm vũ khí như vũ khí của giặc nghĩa là loại súng «Mút» (mousqueton) bắn xa nạp hậu.

Tưởng Cao-Thắng đã trả lời cho sự thắc mắc của ông già núi Vụ-Quang (Trung tâm kháng chiến của cụ Phan) và đã cho thâu lượm đồng sắt ở các vùng thuộc Hà tĩnh về đúc súng theo đúng kiểu của Tây. Súng của nghĩa quân kém súng địch hai điều : nòng súng không xẻ được rãnh nên đạn không bắn được xa bằng súng địch. Thuốc súng do ta chế ra lại không tốt mấy, thuốc thật tốt phải mua tận Xiêm (Thái lan) rồi trộn 3 phần thuốc ta vào một phần thuốc ngoại quốc, đó cũng là một lý do kém hiệu lực. Đã vậy nghĩa quân mỗi ngày một tăng, súng không chế tạo được kịp theo nhu cầu, việc mua thuốc súng ở Xiêm xa xôi, điệu vợi, trở ngại rất nhiều do tay chân của địch có mặt khắp nơi.

Hai vấn đề được nêu ra : 1) Cướp thêm súng của giặc để giết giặc. 2) Lập ban tiếp tế thuốc súng từ Hà tĩnh qua biên giới để có nguyên liệu một cách đều hòa.

Cao Thắng đưa cô Tám đến ra mắt cụ Đình Nguyên, cô đã được cụ vui vẻ tiếp sau khi biết cô là con gái cụ Hoàng Phúc, thuộc nhóm văn thân cách mạng Quảng

bình trước đây. và cụ cũng nhận thấy cô Tám không phải loại gái tầm thường.

Cụ tin ngay cô có thể làm được việc thứ nhất là cô không đáng nghi ngờ gì về chính trị, sau khi đôi bên trao đổi vài lời thăm viếng xã giao bởi cụ cũng quen cụ Hoàng.

Tại nghị sự đường, ba người thảo luận về công tác phải làm ngay để chống giặc Pháp vì giặc đang phát triển dần lực lượng vào các căn cứ của kháng chiến ta. Sau đó cô Tám lãnh việc dùng mỹ nhân kế chiêu dụ ngụy binh, đặc đường qua Xiêm mua thuốc súng. Hai công tác này tùy thời, tùy thế mà thi hành.

Trong khi bàn việc một tiểu đội trưởng nghĩa quân đi tuần về báo cách sơn trại 30 dặm một toán lính tập khoảng 3o người có Quản cơ chỉ huy đang đóng tại một cái miếu chưa rõ có cử động gì.

Cụ Phan và Cao-Thắng chưa quyết định ra sao thì cô Tám đứng lên, chống tay vào án thư :

— Thưa cụ và quan Đồng nhung, xin cho tôi đi bắt đám ngụy binh đó.

Cao Thắng hỏi với tất cả sự ngạc nhiên :

— Cô có cần gì không ? Một mình cô đi sao ?

— Thưa tôi đi một mình, chỉ ba ngày là bắt được họ và sẽ tịch thu được vũ khí. Chỉ tới ngày thứ ba xin cho tôi 30 kiện tốt giả làm nông dân quanh quẩn gần miếu, hoặc làm những người buôn bán đi qua, thấy tôi ra hiệu thì hãy ra tay giúp tôi. Cụ Phan và tướng Thắng đồng ý rồi cô Tám bước ra chẳng đòi hỏi gì thêm nữa. Sáng hôm sau cô đã có mặt ở gần miếu thổ với một gánh rượu, thịt, hoa quả và bánh trái. Thấy

cô hàng xinh đẹp lại hơi có vẻ lẳng-lơ, mấy ông quyền tiến lại gần tán tỉnh, dần dần cả bọn đều eó mặt chung quanh cô Tám. Rồi anh nào cũng tưởng người đẹp để ý đến mình và một tiệc rượu bất thường bày ra ngay tại hàng hiên của Miếu.

Ai cũng được mời, kẻ có tiền cũng bán, kẻ không sẵn tiền cô cũng không từ chối, cô nói :

— Các thầy cứ việc dùng rượu thịt, quà bánh có tiền thì cho em, chưa có thì để khi khác. Chúng ta còn đi lại nơi này nhiều mà. . em nghèo thật đấy, nhưng có đâu quý của hơn người, Phải không các thầy ?

Nhan sắc của cô Tám đã làm cho các thầy quyền mê mệt rồi, huống hồ cô lại dễ-dãi và ăn nói cởi mở cùng có duyên nữa, Chỉ hơn một tiếng đồng hồ sau đó, gánh rượu thịt của cô Tám hết bay và khi cô sửa-soạn ra về bọn lính tập còn hẹn cô ngày mai lại tới.

Hôm sau cô Tám lại đến Miếu thổ thần. Lần này cô đổi món cho họ và cô kén rượu ngon hơn hôm qua tức là rượu lậu. Đồ ăn cũng khác : cô dọn lòng heo, bún vịt. Món nào cũng sạch-sẽ thơm tho, nhất là món rượu để thú vị hơn món rượu ty của nhà-nước rõ rệt. Hôm nay quan Quản cũng chiếu cố và một mâm đã dọn riêng cho quan và mấy thầy đội. Thế là vui vẻ cả làng. Và người ta hẹn một bữa thịnh-soạn hơn vào ngày thứ ba. Bấy giờ là cuối tháng, các thầy quyền sẵn tiền nên nhậu nhẹt chết thôi, thêm vào đó họ còn muốn làm bảnh với cô hàng nữa.

Một vài kẻ ngồi sát cô Tám, cô liền tỉ-tê hỏi chuyện :

— Các thầy bao giờ mới lên đường về trại ?

Một kẻ có vẻ si tình hơn cả vội nói :

— Về trại thì chưa về, chúng tôi đi hành quân mà... chỉ tiếc mai không còn ở đây để ăn chè uống rượu của cô.

— Sao các thầy không đi luôn hôm qua hay hôm kia mà nấn ná mãi ở đây ?

Kẻ khác đáp :

— Chúng tôi đợi ông quan Ba người Pháp đến nhập bọn rồi cùng đi. Quan Ba sẽ đến với một đại đội mới đủ quân sức chơi nhau với bọn văn thân. Chúng tôi có vài chục mạng đâu dám xông vào sào huyệt của ông Phan.

Một anh tó mò hơn hỏi :

— Chúng tôi đi thì cô còn đến đây không ?

Cô Tám trả lời :

— Các thầy đi thì em đến đây làm gì nữa em sẽ vào bán trong phố chợ cách đây vài cây số...

Đến ngày thứ ba, bọn lính ăn uống vui vẻ say sưa hơn hôm trước. Cô Tám ra sức mời mọc anh nào anh nấy uống đến mờ cả mắt rồi nằm lăn ra ngủ đầy cả nơi hàng hiên. rượn ngon lại có pha thuốc mê dĩ nhiên bọn lính ngã hết. Cô Tám ra hiệu. Tức thì hai chục nghĩa binh lẫng vẫng bên ngoài Miếu xông vào trói nghiến bọn lính tập, tước hết súng ống đạn dược rồi đem nhốt hết họ vào một góc tường bên trong miếu. Cô Tám và các đồng chí rút lui về Đại đồn trong khi một đạo nghĩa quân khac đã bố trí ở phía bìa rừng là nơi quan Ba người Pháp sắp đi tới.

Vào khoảng trưa, giặc tới bị đánh bất ngờ, chết gần nửa và một nửa chạy thoát. Viên quan Ba chỉ ngã gục ngay vào phút đầu của cuộc giao-tranh.

Trước sau nghĩa-quân cướp được của giặc 72 khẩu súng trường và trên 5000 viên đạn. Trên Đại-đồn mở tiệc khao quân và cụ Phan đã tuyên-dương công-trạng cô Tám trước ba quân. Ai ai cũng ngợi khen cô Tám là người nhiều mưu trí. Từ bốn năm nghĩa-quân phất cờ chống Pháp, đây là lần đầu ta cướp được vũ-khí nhiều nhất, giết được chủ tướng của địch và không bị một tổn thất nào hết.

Nghỉ ngơi được vài ngày, cô Tám được cụ Phan mời đến bàn việc. Cụ nhắc điều đã nêu ra mấy hôm trước, nghĩa là công tác qua Xiêm. Cụ nói :

— Hiện nay nghĩa-quân đang có một việc rất khó, nhờ cô tính hộ. Đó là việc qua Xiêm mua thuốc đạn như cô đã biết. Từ trước đến giờ chúng ta vẫn đặt riêng một số người tâm-phúc ở luôn bên Xiêm để chuyên mua thuốc đạn, quân dụng rồi có người mang về. Ngặt một nỗi đường xa xôi, hiểm trở, đàn ông đi không tiện bằng đàn bà.

Nếu là đàn bà thì địch ít nghi ngờ và xét hỏi, vậy cô có thể đảm nhận việc này chăng? Ngoài ra còn nhờ cô liên-lạc với một số anh em cách-mạng ở bên ấy nữa.

Cô Tám đáp lời ngay :

— Thưa cụ, vì đại nghĩa tôi không ngại gì hết, dầu phải nhảy vào chông gai hay lửa đỏ.

Từ đấy nghĩa-quân không còn thiếu thuốc đạn ngặt-nghèo như trước. Việc pha trộn thuốc ngoại-quốc được nhiều quả nửa nên đạn không thua sút đạn của địch là bao nhiêu. Ta lại đặt

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU BAO TỬ. Bào chế theo công thức Hòa-Lan

được cơ sở ở Xiêm (tại miền Đông Bắc) vận động được số đồng bào của ta đã tới đây từ thời Gia-long thua Tây-sơn chạy qua tị nạn. Các đồng bào bảo nhau đóng góp và tiếp vận cho cách mạng Việt Nam khá nhiều. Họ còn mướn người địa phương mỗi lần vài chục người gánh hàng cho cô Tám, nhờ vậy mỗi chuyến cô có thể mang Ngàn Trươi tới năm bảy ngàn cân thuốc đạn. Họ chia nhau từng chặn đường, đi qua những lối bí mật tránh được sự kiểm soát của địch. Mọi việc đều thành thỏa vì cô Tám có tài sắp đặt và can đảm. Nhưng vào năm 1889 Kháng chiến Hương Khê đi đến tàn cục sau 10 năm oanh liệt thì người ta không còn thấy cô Tám đi về nữa.

Có người nói cô đã ở luôn bên Xiêm hoặc đã bị địch đón được ở giữa đường giết đi. Sự thực về người nữ chiến sĩ và điệp viên đến nay còn bị chìm trong bóng tối, nhưng tiếng tăm của người nữ anh hùng ấy còn được những nhà cách mạng và dân chúng vùng Nghệ-Tĩnh ca ngợi không dứt tới ngày nay.

P.V-S

(1) Hoàng Phúc là một văn thân cách mạng ở Quảng bình nổi tiếng về lòng ái quốc không mấy người không biết thời bấy giờ.

(2) Cụ Phan Đình Phùng được giới văn thân kháng chiến suy tôn như vậy-

(Bài này Viết theo tài liệu của Đào Trinh Nhất trong tác phẩm «Phan Đình Phùng» do nhà Tân Việt xuất bản)

PENI-V 200.000 đv 400.000 đv 500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

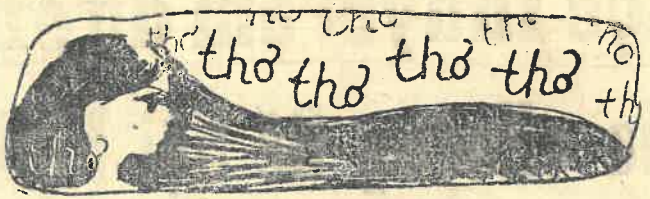

Gọi gió

Chiều mưa quên gọi gió về
Nên đêm mưa đó ước thề vỡ tan
Bừng thu run rẩy khôn hàn
Trên không xao xác một vầng mộng mơ
Từ trong nguyên ủy mịt mờ
Sa trên đỉnh núi vật vờ chim khuyên
Hoang sơ một bãi im lìm
Sạn tuông khe thác rong tìm bể khơi
Bước khuya lạo xạo trên đồi
Ô hô một vũng tuyệt vời là đâu !
Vật mình khắc khoải canh thâu.
Chợt nghe nhung nhớ nhức sâu thêm gầy
Ngửa đầu gọi gió đêm nay
Lắng trong mưa buốt rảo về bước chân
Thời gian vút cánh mây tầng
Tròn mang nhung nhớ vào lòng mộ khuya.

PHONG-KIÊ
Trên đỉnh đồi thành phố
Nha Trang

Học thuyết âm dương của «Hoàng-Đế Nội-Kinh»

● NGUYỄN-ĐỒNG-DI
Đông-Y-Sĩ

SÁCH «HOÀNG-ĐẾ NỘI-KINH» nói : Cái lý âm dương rất bao la và tinh mật, lớn không chi bao trùm ra ngoài được, nhỏ không chi chen nhét vào trong được, vạn vật trong vũ trụ từ lớn đến nhỏ, đều do sự điều khắc của âm dương mà hình thành, không thể đếm kể hết được. Song hễn hợp lại thì có một. (âm dương giả, sổ chi khả thập thôi chi khả bách, sổ chi khả thiên, thôi chi khả vạn vạn chi đại, bất khả thăng sổ. Nhiên kỳ yếu nhứt giã.)

Ông Diệp-Kỉnh-Thu nói : Học thuyết Âm Dương của Hoàng-Đế Nội-Kinh không thể cho là sai được. Dã sử có người vùi đầu mười năm chuyên về việc nghiên cứu cho học thuyết nay, may ra mới có thể ổn định được một cơ sở tối hậu cho nhơn thuật Đông-Y Dược-Học,

Bởi lẽ đầy dẫy trong vũ trụ, tràn trề ngoài lục hợp đều là điện, động thì biến sấm thành lửa, tỉnh thì thu tàng vào nơi mật. Vã lại hai tính âm điện và dương điện, dung hòa lẫn nhau, rất đúng với đạo Trung-Dung của tạo hóa. Con người ở trong hai khí âm dương giao hòa lẫn nhau, lúc nào cũng phải nhờ sự lưu thông của hai khí ấy mà được sống còn. Thế nên trong thân thể con người có liên quan với điện khí rất mật thiết. Nên lấy sự biến hóa của điện khí,để giải thích cho sinh lý và bịnh lý trong thân thể con người, mới có thể gọi là phương tắc chí cực của Y-Học vậy. Như mọi người đều biết : Nước rông thì mực nước dâng cao lên, nước kém thì mực nước hạ thấp xuống.là do sức hấp dẫn của mặt trời và mặt trăng. Thế thì chất huyết dịch lưu hành trong thân thể con người, lại có lý nào, không nhờ sự liên quan với tác dụng của điện lực.

Đọc qua sách Vật-Lý-Học, thiên Điện-Chi Yếu-Tính-Luận nói : Quả Địa-Cầu là một khối Từ Thạch thiên nhiên, hai khí âm điện và dương điện cùng một lúc sanh sản. Vã lại sự cùng một lúc sanh sản của hai loại điện ấy, số lượng của nó cũng đồng đều nhau.Dầu cho một vật thể rất nhỏ nhặt (nguyên lử) cũng phải kiêm có đầy đủ hai loại âm điện và dương điện mới cấu tạo được thành phần. Âm điện thì gọi là điện tử, luôn luôn đoàn tụ ở chung quanh dương điện, lấy dương điện làm hạc tâm. Đa số phần âm điện của điện tử, với số lượng phần dương điện của hạch tâm vẫn bằng nhau. Cho nên lúc bình thường hai loạt âm điện và dương điện này, chỉ có tác dụng trong sự hỗ tương hấp dẫn, mà không phát hiện ra ngoài. Thử lấy một khúc từ châm bẻ ra, thì mỗi đoạn, đều trở nên một khối từ thạch nguyên vẹn, mà đầu mới bẻ kia hiện lên một tân cực, như : Đầu nguyên hữu là nam cực, thị đầu tân cực là bắc cực ; đầu

ANACINE
TRỊ PHONG NGỨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

ngnyên hữu là bắc cực, thì đầu tận cực là nam cực. Cứ như vậy mà bẻ ra, rồi lại bẻ ra nữa cho đến vô cùng vô tận, mà hiệu quả thì vẫn như nhau.

Nói cách khác, nay lấy một vật kia hàm có chất âm điện, để gần một vật thể này thì phần điện tử của âm điện ở trong vật thể này, bị lùa đi đến một đầu mối cách biệt khá xa, chỉ còn phần hạch tâm hàm có dương điện ở lại mà thôi. Nếu đem cái vật hàm có chất âm điện kia vất đi, thì phần âm điện tử trong ấy, mới có cơ hội hấp thụ được tác dụng của dẫn lực dương điện tử, mà trở lại vị trí cũ của nó, đồng thời khí tượng âm dương xung hòa, cũng được phục sinh trở lại. Trái lại, nếu lấy một vật kia hàm có chất dương điện, để gần một vật thể này, thì phần âm điện tử của vật thể này, cũng chịu ảnh hưởng của dẫn lực, dẫn đến một đầu rất gần, còn phần nằm y nguyên vị trí cũ, không thể tự do hoạt động được, đều là phần nguyên tử của dương điện vậy,

Suy gẫm kỹ lại, sự tác dụng của hai loại âm điện và dương điện trên đây, có thể thấy rõ chỗ quan hệ giữa âm dương với vạn vật không bao giờ rời nhau được. Con người cũng là một vật trong vạn vật, thì có lý nào rời âm dương mà sống còn riêng biệt được. Thế thì luận thuyết âm dương của Sách HOÀNG-ĐẾ NỘI-KINH có một căn bản rất sâu xa, mà giới Đông-Y-Học chúng ta cần phải nghiên cứu tinh tường vậy.

MIDOL
TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

người hút máu

(Tiếp theo P.T 232)

✱ RAYMONDE PLION
RENÉ VIRARD
● GIANG-TÂN (dịch)

«... (1) Sự tin tưởng đó đã lan tràn, tuy có vài sự khác biệt nho nhỏ, khắp các quốc gia Hung-Gia-Lợi, Ba-Lan, Áo và Lorraine, dân chúng ở những

quốc gia này tin rằng những con người hút máu, thừa lúc đêm xuống hút một số máu nào đó của các nạn nhân. Những con người đó sau này trở nên mỗi ngày mỗi tiều tụy, mất hết sức lực và một ngày ngã quị. Trái lại, bọn người hút máu mỗi ngày mỗi béo tốt ra, những mạch máu của họ như rộng thêm ra, lớn cho đến nỗi lan ra khắp mình, máu tìm lối thoát khắp mọi nơi, máu rỉ ra ở cả những lỗ chân lông».

Tôi đập trong tất cả mọi ý nghĩ và bỗng nhiên tôi nhớ tới con bệnh kỳ quái của tôi cách đây nhiều năm qua. Chính lúc này tôi muốn gạt qua ý nghĩ đen tối đó đang ám ảnh tôi. Không rõ anh chàng này còn sống hay đã chết. Nhưng còn nhân vật trong truyện tôi đọc thì còn sống. Và cũng theo truyện tôi đọc thì số người mắc bệnh hút máu đó hiện không phải ít. Và tất cả lại còn sống !

Tôi cố đọc tiếp cuốn sách để tìm những lời giải ích lợi hơn hầu làm cho tôi yên trí hơn một chút.

Đây lại một câu chuyện người hút máu có vẻ đặc biệt hơn. Câu chuyện này do nhựt báo *The London journal* phát hành năm 1732 thuật lại. Câu chuyện xảy ra ở Madreygga thuộc Hung-Gia-Lợi. Có một anh chàng nọ tên là Arnold Paul. Anh thường bị một người hút máu khuấy rầy anh hoài. Nhưng anh chàng may mắn tìm ra cách thoát khỏi sự khuấy phá đó. Người ta dạy anh phải tìm đất lấy trong mồ của người hút máu mà ăn và lấy máu của hắn thoa lên khắp mình.

Nhưng rồi cuốn sách lại tiếp.

«This precaution however did not prevent him from becoming a vampyre himself, for, about twenty or thirty days after his death and burial, many persons complaised of having been tormented by him, and a deposition was made, that four persons had been deprived of life by his attacks».

«Tuy nhiên sự đề phòng đó cũng không ngăn chận nổi sự kiện làm cho anh chàng trở thành một người hút máu. Bởi vì sau một thời gian lối 20 hoặc 30 ngày khi anh đã chết và đã được chôn cất thì có rất nhiều người than phiền rằng chính họ đã bị anh chàng khuấy rầy rất nhiều. Theo lời chứng thì có 4 người là nạn nhân của hắn vì họ đã bị hắn tấn công.»

Tôi đọc tiếp. Chính câu văn sau này đã trùng hợp với những điều tôi đang suy nghĩ trong trí.

«(2) In many parts of Greece, it is considered as a sort of punishment after death for some heinous crime committed whilst in existence...»

(2) «Ở một vài địa phương ở Hy lạp sự việc đó được coi như một lối hình phạt sau lúc chết vì một tội ác ghê gớm đã phạm phải lúc còn sống»...

*

Những trường hợp lạ lùng do thanh niên lạ mặt năm nào in sâu vào trí óc tôi. tôi bỗng nhớ lại một cách rất rõ ràng về câu chuyện hắn kể tôi nghe, về tất cả những sự việc được xem như hắn là nạn nhân của người hút máu.

...«Khi đến sở Cảnh sát, tôi được biết hắn đã phạm vào một tội ác ghê tởm...»

*

Riêng tôi thì luôn luôn tỏ ra nghi ngờ về tất cả những câu chuyện kỳ lạ do các bạn bè hoặc các con bệnh kể lại tôi nghe và tôi ít nghĩ đến những sức mạnh huyền bí nào. Do đó, tôi ít quan tâm đến câu chuyện do chàng thanh niên lạ mặt kể tôi nghe mà lại chắc rằng con bệnh của tôi chỉ là một người yếu thần kinh, gần đi đến chỗ mất trí.

Nhưng những sự trùng hợp giữa câu chuyện và sự việc kể lại trong sách làm cho tâm trí của tôi đảo lộn...

Tôi cố tìm cách phản ứng. Nhưng vô ích. Câu chuyện của

người thanh niên lạ mặt kể tôi nghe, mãi cứ ám ảnh trong óc tôi. Và luôn luôn tôi có cảm giác như nghe văng vẳng cả lời nói của hắn :

« — Không ai muốn cứu giúp tôi. Họ tưởng tôi điên. Tuy nhiên, tôi cảm thấy tự tin hơn lúc nào hết...»

★

Thế là... luôn luôn tôi sống trong thắc mắc, lo âu. Tôi quyết định,, bằng mọi giá, mọi cách tìm gặp chàng thanh niên lạ mặt, hỏi hắn thêm vài câu chuyện... nếu hắn còn sống.

Tôi cũng còn nhớ tên kẻ sát nhơn : Ga-Ru. Với tư cách là một bác sĩ, tôi có thể tìm biết lai lịch của hắn. tìm biết nơi an táng thể xác của hắn.

Chiều hôm đó, tôi trở lại Ba Lê. Vì tôi nóng lòng muốn biết những điều trên đây. Tôi quyết đưa ra ánh sáng mọi ám ảnh đen tối trong óc tôi.

III

« Ga-Ru, sinh ngày 15 tháng Hai năm 1893 đã tự tử ở trong khám ngày 23 tháng Ba năm 1919. Theo lời yêu cầu của thân mẫu hắn, xác hắn được chôn ở..., chính nơi sinh quán của hắn. Xác hắn đã không được khám nghiệm»,

Chính một đồng nghiệp của tôi giúp việc ở Pháp đình đã giúp tôi những tin tức cần thiết trên đây.

★

Tôi từ giã Balê đi tới một làng nhỏ ở Normandie, Tôi trọ lại một khách sạn duy nhất trong xứ và lo tìm tin tức để đi tới nghĩa địa.

Tại đó, tôi chẳng mất công gì cho lắm trong việc điều tra tin tức. Trong một góc hẻo lánh của khu đất rộng, tôi nhận thấy một mô đất thấp lè tè, phía đầu có cắm một cây thập tự giá bằng gỗ đen. Từ lúc cái chết đau thương xảy đến cho người mẹ đau khổ kia thì nấm mồ này cũng trở nên vắng lạnh hương khói vì không còn có ai lưu ý đến nữa. Những bông hoa đã héo tàn tự bao giờ.

những cành hoa đó do chính tay người mẹ đau khổ cắm lên mộ con không biết tự lúc nào.

Tôi rất cảm động khi nghĩ đến bao nhiêu khổ đau của người đàn bà trong những lần bà ra thăm mộ con. Nghĩ đến đây, tự nhiên lòng tôi cảm động đến muốn nghẹ ngào.

Đêm đến, với ý chí cương quyết muốn soi sáng màn bí mật, tôi lại tìm tới nghĩa trang. Lối vào nghĩa trang không khó khăn gì. Hàng rào kẽm gai bao quanh đã xiêu vẹo. Vai mang cuốc, tay cầm xuống, tôi can đảm bước vào.

Vành trăng lưỡi liềm tỏa ra một thứ ánh sáng mờ mờ lạt lạt trên các phần mộ màu trắng. Thật ra, trong lúc này tôi lại có ước ao là bóng đêm dày đặc thêm hơn vì lòng tôi ngại người ngoài bắt gặp việc làm của tôi. Tuy nhiên, tôi vững bụng ngay trở lại vì nghĩ rằng có ai dại dột, khờ khạo và lại có đủ can đảm đến nơi đây vào giờ giấc này ?

Tôi nhổ cây thập tự giá lên, đặt nằm cạnh những bó hoa héo tàn. Tôi bắt đầu dùng cuốc xẻng đào nấm mồ. Lớp đất phía dưới rắn chắc hơn. Hết sử dụng đến xẻng, tôi lại dùng đến cuốc, luôn luôn cố ý tránh lưỡi cuốc va vào những tảng đá.

Thình lình, một nỗi lo lắng vô cớ ngự trị lên trí óc tôi, vì cứ mỗi phút, tôi nhận thấy cái lỗ tôi đào bới cứ sâu dần. Lưỡi xẻng đó vào lòng đất tạo thành âm thanh ghê rợn. Tôi đứng lặng im để tai nghe ngóng, tim đập dồn dập.

Sau một phút tỉnh trí, tôi cố lấy lại can đảm làm việc một cách hăng hái hơn vì tính tò mò thúc giục tôi cần phải mau mau tìm biết sự thật. Lúc lưỡi xẻng dụng đến quan tài, tôi mạnh dạn cúi xuống đưa day mò mẫm và lấy hết sức bình sinh nâng một đầu quan tài lên khỏi mặt đất. Cái quan tài bằng gỗ lâu ngày đã mục nát. Hai nắm tay tôi nắm đầy gỗ mục nát. Chính vào giờ phút này tôi mới bắt đầu cảm thấy lo sợ. Những gì ghê gớm sẽ diễn ra trước mắt tôi. Nhưng

lúc này tôi không thể nào lùi bước nữa. Tôi nhẹ nhàng đưa lưỡi xẻng cậy nắp quan tài ra. Lạ lùng là không có mùi hôi gì bốc lên cả. Tay tôi run run kéo tấm vải bao cái thây ra. Xác nạn nhân hiện ra trước mặt tôi.

★

Dường như cái xác ấy không rã nhưng có vẻ phồng to lên. Một giòng máu đỏ từ mũi và miệng rỉ ra.

Lúc này tôi cảm thấy bớt sợ hãi hơn vì tôi thấy rằng tôi đã không lầm. Rõ ràng là cái xác nguyên hình mà không phải là một bộ xương người.

Trước sự thật hiển nhiên đó, lúc này tôi mới cảm thông về tất cả những dày vò, đau đớn của nạn nhân, khi hắn ta đến xin khám bệnh ở phòng mạch của tôi. Lúc đó, tôi cứ đinh ninh là con bệnh bị bệnh thần kinh mà thôi. Tôi sực nhớ lại câu nói liên hồi của hắn lúc trước.

«... Không ai đến cứu giúp tôi cả. Mọi người cứ tưởng tôi điên. Thật ra thì tôi tỉnh táo hơn lúc nào hết.»

Câu nói ấy cứ ám ảnh tôi mãi. Nó như một lời quở trách lương tâm tôi. Tôi phải làm cái gì để chuộc tội lòng thơ ngây của tôi. Xác nạn nhân hiện nằm trước mặt tôi. Tôi có cảm tưởng như cái xác ấy căng phồng đầy máu, trông nước da vẫn hồng hào. Lòng căm giận bỗng ngự trị lấy hồn tôi. Tôi cầm chặt lấy cán cuốc, đưa thẳng tay lên trời và với tất cả sức lực còn lại, tôi bổ mạnh lưỡi cuốc vào ngực của nạn nhân.

Bỗng một tiếng hú ghê rợn phát ra, rồi máu từ vết lưỡi cuốc bắt đầu ồng ộc phun lên có vòi.

Tôi choáng váng mặt mày, bất tỉnh, cả thân hình của tôi ngã xuống như một thân cây chết nằm xuống bên cạnh lưỡi cuốc còn đẫm máu. Sau khi tỉnh dậy, tôi vội cầm lấy xẻng hối hả lấy mộ lại, đóng cây thánh giá lên như cũ.

Công việc xong xuôi, tôi vất

cuốc xẻng lại hớt hải chạy ra khỏi nghĩa trang, trí óc tôi lúc nàn như còn nghe văng vẳng tiếng hú rợn người lúc nãy, tiếng hú phát giác tội ác của tôi.

Tôi đã phạm phải một tội ác !..

Tôi đã giết chết một mạng người ?..

★

Trở về Ba Lê, phải đợi đến sau nhiều ngày, tâm thần tôi mới trở lại yên tĩnh. Trong những ngày dồn dập lo âu sợ hãi đó, cứ mỗi ngày tôi lại nhận thêm những tin tức kỳ lạ về người thanh niên xấu số kia.

Có người kể lại tôi hay là nạn nhân đã chết hẻo mòn trong lúc nằm dưỡng bệnh ở nhà thương. Tất cả người trong bệnh viện đều lắc đầu vì không thể tìm ra căn bệnh. Cuối cùng, các bác sĩ đều đưa ra một kết luận giống nhau. Họ đổ tội cho nạn nhân mắc chứng rối loạn thần kinh !

Cũng từ giờ phút đó, tôi tự coi tôi chịu một phần trách nhiệm về cái chết của người thanh niên ấy.

Việc đó, chỉ một mình tôi biết, một mình tôi hay. Nếu tôi nói rõ hết cả ra thì trường hợp của người thanh niên kia cũng có thể xảy đến cho tôi. Có thể mọi người bảo tôi mắc bệnh điên, thần kinh bị rối loạn, biết đâu, người ta sẽ lấy cớ đó mà nhốt tôi vào một nơi để khỏi phải nghe tôi phát ngôn những điều vô lý, chướng tai, phản khoa học...

IV

Một mình, tôi sống với bí mật đó. Tôi bỏ tất cả công việc và rút về sống yên tĩnh ở đồng quê. Ở nơi đây, tôi hy vọng quên hết chuyện cũ trong công việc nghiên cứu sách vở và cũng để quên tội lỗi của mình.

★

«Không ai muốn cứu giúp tôi. Người ta cứ ngỡ tôi điên rồ. Tuy nhiên, không lúc nào tôi tự tin tôi như lúc này...»

Trong vòng vài ngày nay, chính câu nói ấy cứ mãi ám ảnh tôi, đeo đuổi tôi.

Về ban đêm, tôi có cảm tưởng như có người nói nho nhỏ câu nói ấy bên tai tôi. Câu nói ấy được lặp đi lặp lại nhiều lần, được lập lại trong tiếng gió gào trong rặng cây, được lặp lại trong tiếng chó sủa trăng, trong tiếng gõ đều đều của chiếc đồng hồ treo ở vách...

Đôi khi, tôi trải qua những giấc mộng hãi hùng. Tôi có cảm giác như có một viên đá lớn rơi xuống ngực tôi, hoặc tôi đang bị một con mực khổng lồ đưa râu cuốn lấy mình tôi và con vật cứ từ từ hút lấy máu tôi...

Rồi tôi thức dậy, đầu óc nặng trĩu, mình mẩy đầy mồ hôi.

Muốn tránh khỏi những cơn ác mộng đó, tôi không dám chợp mắt. Nhưng rồi có những tiếng động không biết từ đâu đến làm rối loạn căn phòng của tôi. Tôi nghe như có tiếng chân người lạ bước vào phòng và con người ấy đang tiến về chiếc giường của tôi. Một sự va chạm lạnh giá, một cảm giác tê cóng, rồi thì... một cảm giác chóng mặt... và tôi bỗng bất tỉnh thình lình.

Sáng mai dậy, tôi nhận ra rằng, tôi gầy đi nhiều. Làn da của tôi không còn thắm tươi như xưa, cái mũi của tôi như nhọn thêm, đôi môi tôi trắng nhợt, đặc biệt nhất là cặp mắt. cặp mắt tôi như sâu thêm, đôi tròng mắt trông sáng chói một cách nan rợ.

Tôi bắt đầu lo sợ khi nhìn thấy trong cặp mắt tôi, đúng là cặp của chàng thanh niên khốn khổ năm nào.

Thiên hạ cũng bắt đầu nhỏ to mỗi lần họ bắt gặp tôi. Họ thấy tôi cứ mỗi ngày thêm tiều tụy, gầy mòn, ai ai cũng lo lắng sức khỏe của tôi Một đôi khi, tôi có ý định muốn kể hết câu chuyện của tôi cho nghe. Nhưng nếu tôi có kể ra thì thiên hạ lại tưởng tôi đã điên rồi...

Thật đó là một hình phạt...

✶

Lúc này, bọn trẻ có ý sợ sệt tôi. Chúng cố tránh gặp mặt tôi. Dưới con mắt thơ ngây của chúng tôi giống như một con quái vật.

✶

Đã nhiều ngày rồi, tôi không dám ra khỏi nhà. Tôi không ăn uống gì mà cũng không chợp mắt được một giây phút nào. Tôi can đảm, kiên trì chịu đựng với số phận. Phải chăng đây là một sự báo thù hợp lý của chàng thanh niên lạ mặt vì chính tôi đã từ chối cứu sống mạng cho hắn đúng vào lúc hắn đến nhờ cậy tôi ?

Không kể lại cho ai nghe, nhưng tôi ghi câu chuyện lại trên giấy và luôn luôn tôi mang bên mình, tôi muốn rằng một mai đây khi tôi nằm xuống, người ta sẽ đọc chuyện câu chuyện đó và thiên hạ sẽ rõ cái chết đau đớn của tôi. Tôi cũng cầu khẩn tất cả những ai đọc đến đừng có ý nghĩ đó là sản phẩm của tưởng tượng của một con người mất trí.

Họ hay chịu khó đến phần đất chôn thi hài người khách xấu số của tôi. Hắn ta tên là Ăng Toan. Rồi họ cũng như tôi, họ phải nhận ra sự thật của câu chuyện. Và họ hãy làm cái việc mà tôi đã làm đối với ga Ru.

Và sau đây là niềm ước vọng chót của tôi là xin ai đó hãy cầm một cây sắt nhọn chọc thủng xác tôi rồi hãy chôn tôi xuống lòng đất, một khi tôi đã từ giã cõi đời này. Vì chính đó là cách duy nhất người ta muốn cứu sống tôi để tôi khỏi trở thành xấu số như chàng thanh niên lạ mặt của tôi.

Chỉ với việc làm đó, tôi mới thật sự được yên ổn nơi suối vàng.

Bây giờ đã vào hoàng hôn.

Rồi đêm xuống dần...

Đã đến giờ của tử thần. Đến giờ tôi phải làm mồi cho ma hút máu người :

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM ✶ NGON ✶ NGỌT

Một bài thơ trào phúng, hai làng suýt đánh nhau.

● Bà ÁI-LAN

LÀNG Thạnh Mỹ thuộc hạt Tam Kỳ, có cất một trường tiểu học đã xong. Ban hội tề của làng nầy định ăn khánh thành trường ấy linh đình; nhưng tiền công nho đã bỏ ra cất trường, không còn đủ để chi tiêu cho cuộc lễ.

Ban hội tề mới họp lại bàn tính kiếm tiền ăn lễ khánh thành bằng cách mời quan khách đến dự lễ, và ăn uống một bữa để khách hảo tâm chung đậu ít nhiều để trang trải phí tổn cho bửa tiệc.

Bàn định xong, các vị hương chức hội tề sắp đặt người trong làng, kẻ thì dựng rạp, người lo trang hoàng, mượn ghế bàn, người thì làm heo, mấy bà phụ nữ thì lo nấu nướng các thức nhậu, còn hương tuần hương biện thì viết giấy mời. Chú Mõ của làng thì đi đánh mõ truyền miệng từ làng trên xóm dưới, cho dân chúng biết có cuộc lễ khánh thành trường học mới, để kêu gọi dân đóng góp công của và chuẩn bị đem con đến nhập học. Làng Thạnh mỹ cũng không quên mời hương chức các làng lân cận đến tham dự bửa tiệc nầy.

Một làng gần bên, được thơ mời của làng Thạnh mỹ,

Ban hội tề họp lại, bàn việc đi dự lễ khánh thành trường làng Thạnh mỹ. Các ông họp mặt có những ông Xã, thầy Phó, ông Hương, chú Trùm, ông Lý... tất cả là bảy người, họ chung đậu nhau được ba quan tiền kẽm. (chưa đầy năm cắc bạc thời đó) rồi cùng đến làng Thạnh mỹ dự tiệc.

Bảy ông làng đậu vào buổi xôi thịt nầy chỉ có ba quan, tiền, mà nhậu nhẹt ăn uống no nê đến bảy cái bụng bự! Dân làng Thạnh mỹ thấy thế đều thất vọng, lấy làm bất mãn nên ngồi đâu cũng xầm xì chê trách, phê bình về bảy ông hội tề của làng bên.

Khi ấy, có một ông thầy thuốc Đông y ở một làng khác cũng kế cận đó, thường tới hốt thuốc cho dân làng Thạnh mỹ, được nghe người ta nói chuyện nầy. Vì vui tính, ông thầy-thuốc mới làm một bài thơ hài hước như sau :

Bánh đúc trả đi, lại bánh chì!
Khen ai khéo tính lại già suy.
Thịt đầy bẩy bụng, bao nhiêu đó,
Tiền có ba quan đủ thiếu gì?
Thầy Phó, bác Hương tay biết cả,
Ăn trên ngồi trước bạn to hì!
Đem ba với bảy chia nhau thử,
Gặp mối [illegible] vầy, tổ trặc ky!

Bài thơ nầy làm cốt ý đọc chơi cho vui thôi. Nhưng không ngờ thầy giáo làng Thạnh mỹ đem ra bảo học trò chép đem về mà đọc. Mấy người ở bên làng Đa. Phước (tức làng của bẩy ông hội tế nọ) nghe được bài thơ, tức giận lắm, bèn họa lại một bài, chép làm nhiều bổn, rãi khắp nơi, đại ý nói xấu và nhiếc mắng người làng Thạnh-mỹ. (Rất tiếc, bài thơ họa vận của

làng Đa-phước thất truyền nên không có mà chép vào đây)

Vì thế mà hai làng thành ra xung đột nhau cải vã nhau rất kịch liệt, xuýt đánh nhau và lôi vào cuộc chiến cả làng thứ ba là làng của Đông-y-sĩ, tác giả bài thơ trào lộng trên đây. May nhờ có làng thứ tư, cũng lân-cận quanh đó, thấy tình thế khẩn trương giữa ba làng, bèn đứng ra hòa giải.

Từ đó, ba làng lân-cận không còn thù hằn nhau đến đỗi phải đánh nhau. Nhưng giữa ba ban hội tề của ba làng đó vẫn còn ngấm ngầm ghét oán nhau, thường dân chúng làng nầy qua địa phận làng khác (trong ba làng đó) thì hương chức hội tề làm khó dễ cho họ.

Tuy nhiên, dân chúng giữa ba làng nầy không vì các ông hội tề mà ghét thù nhau. Họ vẫn thân-thiện nhau như bao giờ. □●

● *Những người thật có tư tưởng tiến bộ đều là những người rất kính trọng dĩ vãng trước nhất.*

(Les Vrais hommes du progrès sont ceux qui ont pour point de départ un profond respect du passé).

Nhà Văn Pháp Anatole France

Người đẹp sông Châu

● *CAO-NGUYÊN-LANG*

VẪN cái tỉnh lỵ nhỏ bé, nhưng đầy thơ mộng nằm bên bờ sông Châu Giang, có cây cầu ba nhịp, bắc ngang qua bờ bên kia, làng Lạc Tràng.

Con đường Quốc Lộ số 1 chạy qua thành phố. Từ nhà ga trông sang mé bên kia, khu của người Pháp, có hoa viên tráng lệ. Kế bên là nhà «Xẹc Tây». Một con đường nhựa, hai bên trồng soan tây vào những mùa hoa đỏ rực, chạy dài vào đến Tòa Công Sứ.

Mé bên này nhà ga, quẹo vào phố Chính là khu thị

tứ. Những cửa hàng san sát. Cuối phố Chính là chợ, nằm áp đờ sông—trên bến dưới thuyền.

Các dinh Thự, và Công Ốc, của Chính quyền Việt gần như biệt lập vào một khu, khá xa với khu của người Pháp, rải rác từ đầu đường Tân Khai đến phố nhà thương như : dinh Tuần Phủ, dinh Án sát, Ty Lãnh Binh, Trường Công Lập, Bệnh viện Thành phố,v.v...

Kế bên trường Phủ lý, và bên hông dinh Tuần Phủ nhìn sang, có một ngôi đền nổi tiếng, kiến trúc cổ sơ. Những cây si cổ thụ phủ kín sân đền. Trước cửa đền có cây cau «*chửa*», được coi như một hiện tượng lạ lùng — Cây cau này quả có khác thường, chỉ cao chừng không đầy một thước tây. Bụng nó là những bẹ cau, ngay sát mặt đất, phình ra như bụng một người đàn bà chửa. Không phải đây là lần đầu tiên cây cau chửa. Mà nó đã chửa ba lần.., «sinh hạ» ba cây cau con xum-xuê, vây quanh cây cau mẹ. Hàng ngày, ngoài giờ học, lũ học sinh thường tụ-tập chơi đùa dưới bóng mát của những cây si ngoài sân đền. nhưng không đứa nào dám phá-phách, vì nghe nói «*Đền linh lắm*» — Nhất là, ngoài cửa đền, có hai bức tượng «Ông Thiện», «ông Ác» đứng sừng-sững — «Ông Thiện» tay cầm cuốn sách, mặt mũi hiền khô, nhưng «Ông Ác», trông mũi rất dễ sợ, tay cầm cây long-đao — Mặc dù ông chỉ là pho-tượng bất-động, lũ trẻ nhìn ông ngán lắm !

Phố Tân-khai, tuy có nhiều dinh-thự, công ốc, nhưng lại không bằng phố Châu Cầu. Con đường ngắn nhưng đẹp. Có những ngôi biệt-thự cổ kính — như dinh-cơ bá Tuần T.. — Khuôn cổng lớn, như cổng thành, trông ra mặt đường.

Từ cổng vào, là con đường lát toàn đá tảng xanh, hai bên là hồ sen. Dinh-cơ của bà Tuần T... kiến trúc theo lối cổ, những gẫy nhà san-sát ven hồ, nguy-nga như cung điện. Cuối phố, rải rác một vài ngôi biệt-thự khác xây cất theo kiểu Tây-Phương.

Phố Châu-Cầu, cũng là làng Châu-Cầu, của giòng họ quý-tộc nổi tiếng, con cháu Cụ Nghè Bùi-Dị — thường gọi là họ Bùi Châu-Cầu — Giòng họ phần lớn là những bậc khoa bảng, quan lại, giàu có nhất trong tỉnh.

Danh-sĩ Bắc-Hà Bùi-Kỷ, là một trong những nhân vật tiếng tăm của giòng họ này, thời bấy giờ.

Phía Nam Thành-phố, tiếp giáp với Hồng-Phú là Chùa Bầu, — được kể như thắng-cảnh đẹp nhất. Trước Chùa Bầu, có một vực nước lớn, rộng 5, 6 mẫu Tây. Tục-truyền, trong hậu-cung Chùa Bầu có một cây cột quý bằng gỗ «trò». Thủy Thần Vực Bầu đã mấy lần dâng nước cướp cây «trò», Nhưng vị Thổ Thần trông coi chùa, đã dùng phép : Nước càng dâng cao bao nhiêu thì khuôn nền chùa lại nổi cao lên bấy nhiêu. Khiến Thủy Thần chịu phép, không làm gì được.

Những người Công-giáo ở Phủ-Lý rất ít, ở gom vào một khu cuối phố Tân khai, gọi là phố Nhà Thờ. Ngôi giáo đường ở đây, tuy không lấy gì làm lớn lắm. nhưng vị Linh mục cai quản nhà Thờ, được rất nhiều người biết đến, kể cả những người ngoại đạo. Ông là người Y-Pha-Nho, nhưng mang tên Việt, tục gọi là Cố Thi. Cố Thi không những nói rất rõ tiếng Việt, Ông còn thông thạo chữ Hán. Điểm đặc biệt, ông không giống những vị Linh mục ngoại quốc khác, nhất là

những linh mục người Pháp, thường hách dịch, phách lối. Ngược lại, Cố Thi bình dị, vui tính với tất cả mọi người. Ngoài những ngày lễ, hoặc bận việc ông phải ở nhà thờ, Ông dành khá nhiều thì giờ đi thăm viếng các ngôi chùa lân cận, đàm bạo với các vị Sư. Hồi bấy giờ, Cố Thị đã sáu, bảy chục tuổi, nhưng ông rất khỏe.

Cả tỉnh Phủ-Lý,chỉ có một Khách sạn lớn duy nhất là Khách sạn Tân Lợi. Cũng như chỉ có một nhà sách lớn duy nhất là nhà sách Anh-Đỗ, cho mướn truyện, và bán các loại sách học. Còn những nhà khác, như Bazar Việt Dân, hay tiệm sách ông Giáo Điều — *Bọn học sinh thường gọi nhại theo tiếng Tây Bồi là Mét tờ Dui (Maitre-Rouge)* — Bán lẫn lộn các đồ dùng học sinh và nhiều thứ tạp hóa khác

Phía trên phố Bờ Hồ, có một Hội Quán Khai Trí Tiến Đức, do sự sáng lập của Học-giả Ưu-Thiện Bùi Kỷ, làm nơi họp mặt của các bậc Thượng lưu Tri Thức trong tỉnh Trong hội quán, cũng có tổ chức những món giải trí như : Cờ tướng, Tổ tôm, Tài bàn, Mạt chược,v.v....

Về khoản Cô đầu, thuốc phiện, thì Phủ Lý có cả một *khu Khâm-Thiên «thu hẹp»* phía cuối phố Bờ-Hồ. Đêm-đêm đi qua đây, tiếng «tom-chát» tiếng «sênh-phách», hòa trong những điệu ca trầm bổng của các nàng ca-nhi, nghe thật vui tai. Có điều, các em «Nhà Tơ» Bờ Hồ — Phủ-Lý, không mấy «loạn» như Khâm-Thiên Hanoi, vì ít khi xảy ra cái cảnh lôi kéo tranh khách. Tuy nhiên, cứ chiều chiều, các em «cô-đầu rượu» cũng tô-điểm phấn son lòe-loẹt, ngồi từng giẫy ở trước cửa «chiêu hàng».

Một thành-phố nhỏ bé, nhưng thơ-mộng, và đủ mùi thanh-lịch như thế, tất nhiên, những «giai-nhân» của Phủ-Lý cũng phải là những «bông-hoa» thanh-sắc, đầy thơ mộng, không thua gì màu xanh mạ-non của giòng nước sông Châu.

Nói đến giai nhân Phủ-Lý lúc bấy giờ, trước tiên phải kể đến những «bông hoa học-trò» chị em cô Linh, cô Sơ. Sau cô Linh, cô Sơ là các cô Hinh, cô Mai, cô Đan.v...v... Nhưng phần lớn các cô này là những «bông hoa kín cổng cao tường», do đó nhiều anh thanh-niên mê các cô, chỉ đứng mà ngắm, để rồi ca-tụng xuông, chứ không một anh nào chàng-màng theo kiểu xé rào được.

Ngoài những «bông hoa học-trò», ở Phố Chính còn một *«bông hoa cửa tiệm»* là cô Tuyết, được «ái mộ» nhiều nhất. Tôi nhớ, những kẻ ái-mộ cô Tuyết lúc bấy giờ có một ông nhà Thơ, người làng Lạc-Tràng, và một ông nhà báo cộng tác với «Trung-Bắc Tân-Văn». Nhưng cả hai ông đều bị cô Tuyết cho «Cái số de», mặc dù những ông nhà Thơ nhà báo thời bấy giờ cũng có giá lắm. Nhưng cái «kiếp nghèo» của các ông đã khiến «người đẹp» không kham nổi, đù chỉ kham bằng mối tình cao thượng tiểu thuyết ba xu : *«một túp lều tranh hai trái tim vàng»!...*

Bên cạnh những «bông hoa đài các» trên, còn có một bông hoa thường, thuộc loại *«Cỏ nội hoa hèn»*, nhưng đã gây chấn động dư luận trong tỉnh một thời. Đó là «cô Xôi Chè» và chuyện «ông Phán Xôi Chè».

Không ai biết tên thật cô «Sôi chè» là gì, chỉ biết cô từ Dốc Mè — một vùng ngoại ô — hàng ngày quẫy xôi chè vào tỉnh bán. Cô «xôi chè» đẹp lắm, khuôn mặt bầu lĩnh, nước da trắng hồng như trứng gà bóc. Tuy nhiên, cặp mắt cô như lúc nào cũng phảng phất một cái gì u-buồn khó tả. — Lẽ

cố nhiên tên thật của cô đã chẳng ai biết, thì cuộc đời riêng tư của cô, ai biết nổi ? Ngay cả những khách hàng đan bà, ăn hàng của cô hàng ngày, cũng chẳng bao giờ cô tâm sự. Người ta chỉ đoán cô có thể bị trắc trở tình duyên, hay vì, một hoàn cảnh không may nào đó, đã đến với gia đình cô.

Cũng trong thời gian đó, có một ông «Phán đầu tòa Sứ» — *Chân Phán Đầu Tòa Công Sứ lúc bấy giờ kể như lớn lắm, có thể đi Tri Huyện được rồi* — Ông Phán Đầu Tòa này, khoảng ngoài ba mươi tuổi. Không biết ông đã có gia đình chưa. Nhưng từ khi đổi về Phủ-Lý, ông sống độc-thân trong một căn nhà mướn phố Bờ-Hồ.

Thế rồi, do một sự tình cờ nào đó, cô «Xôi Chè» bỗng lọt vào «mắt xanh» ông Phán. Và, cũng từ đấy, ít khi người ta thấy ông Phán đi ăn cơm trưa ở tiệm. Mà mỗi buổi trưa, ông về nhà chờ cô Xôi chè quảy gánh hàng đến. Ông «ăn chè» ngay tại nhà.

Chỉ ít ngày sau, cái chuyện ông đầu Tòa «ăn chè» của cô Xôi chè, tràn lan ra khắp tỉnh.

Bọn trẻ con trong thành phố cứ mỗi lần thấy ông Phán, là chỉ trỏ, vỗ tay hát rầm rĩ :

Ai bánh trôi, bánh chay, sôi chè !...

Ông Phán sôi chè !...

Hai câu này dựa theo điệu một bai hát Tây thông dụng thời bấy giờ : «*Sous le ciel de Pékin, Dès le matin...*»

PENI-V 200.000 đv 400.000 đv 500 000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

PHONG-HÓA MIỀN NAM

★

300 năm biến hóa dưới vòm trời

Đông Phố

Chế tạo dân

● BÌNH-NGUYÊN-LỘC

L.T.S — *Đáng lý là* **Giản Phố**, *nhưng thường quen kêu là* **Đông Phố**, *một địa danh sai chính tả trót vào Văn-chương Việt-Nam, thì nên cứ để vậy. Đó là tên cũ nhứt của miền Nam.*

THÁNG rồi, các báo loan tin rằng các bản thống kê ở nhà hộ sinh Từ Dủ cho biết tỷ số trẻ con vô thừa nhận lên quá cao.

Thế rồi thiên hạ bi quan, và có nhà từ tâm nghĩ ra sáng kiến lập những nhà kín đáo để giúp đỡ những cô gái lỡ lầm.

Sự thật có đúng như vậy phần nào về sáng kiến trên cũng hay. Nhưng chắc không phải là sáng kiến. Những nhà kín đáo ấy, ở Âu-Châu đã có từ lâu, mà Pháp gọi là REFUGE-OUVROIR.

Nhưng trên thực tế thì không đúng hẳn và không có gì mà bi quan và hoảng hốt.

Thống kê, luôn luôn phải lập theo các văn kiện chánh thức mà văn kiện ở đây là

tờ khai sinh, Hễ cứ trẻ nào mà trong cái ô tên họ, ghi rằng **con không cha, chỉ kể theo họ mẹ** là người ta cho rằng đó là những đứa trẻ vô thừa nhận.

Nhưng chúng không có vô thừa nhận đâu. Chúng có cha hẳn hòi, thường có cả ông bà nữa. Chỉ vì đôi trai gái, cha mẹ chúng, lấy nhau không có đám cưới và không làm giá thú mà thôi.

Đó là cái tục của thời khẩn hoang năm 1658 còn rơi rớt lại cho tới ngày nay.

Các bạn cứ tưởng tượng một vùng Đồng-Phố rộng mênh mông mà chỉ có lối 50 ngàn dân thôi. Sử ta chép rằng chúa Nguyễn đã mộ dân Bắc Bố-Chính cho vào nhưng chắc chắn là vừa mộ, vừa đàn áp, bắt bớ, và đưa luôn tội-đồ đi, cũng chẳng đào đâu cho ra con số trên 50 ngàn là con số mà chúng tôi có lẽ đã ước đoán quá lố, bởi dân ta khác dân Trung-Hoa, họ mến thương chơn trời quen thuộc quá lắm, chết đói ở quê nhà, họ vẫn thích hơn là đi xa

Dân mộ, dân bị bắt ép, tội đồ, cả ba thứ ấy toàn là dân không tiền.

Tới nơi xong, bọn tiền-phuông đó được cấp đất, nhưng hẳn họ phải ở xa nhau, chòi này cách chòi khác ít lắm là một ngày đường bộ.

Trong tình cảnh đó, họ rất cần người, mà cái người dễ cho nhứt, và chắc chắn ở gần họ nhứt, mãi mãi, là người hôn phối.

Có lẽ chưa bao giờ trong Lịch-sử ta mà người dân lại ham lấy vợ lấy chồng đến thế.

Nhưng là dân không tiền đính túi, chắc họ không chịu nổi các món xa xỉ năm bảy lễ theo phong tục tổ tiên, và họ cũng không đợi được vài năm, cũng cứ theo phong

tục đó. Hễ nhìn nhau mà hơi vừa mắt một chút là a-lê thành hôn, thành hôn âm thầm khỏi phải tốn đồng xu nào hết, những đồng xu mà họ không làm sao mà có được.

Hơn một trăm năm sau, tình trạng nầy vẫn còn, thế nên miền Nam mới có một câu ca-dao rất là tố-cáo sự bê bối đó, câu ca dao ấy không cũ hơn một trăm năm đâu :

Thương nhau, lấy cẳng ta quèo,
Thiên hạ nhạo báng, ta nói bạn nghèo với nhau.

Chính câu ca dao cũng đã bê bối rồi. Đó là lục thập, chớ không phải lục bát. Họ nghèo dốt, có biết chữ nghĩa, thi phú gì đâu nên họ phải tái tạo lại thể lục bát cố hữu bằng cách dò-dẫm, chập chững. Họ bập bẹ như vậy hằng trăm năm, mới thêm bớt chữ cho thành lục bát hẳn. Chúng tôi có bắt được ca dao lục cửu, lục thất, loạn xà ngầu.

Con gái có cha có mẹ, cũng không làm khó làm dễ con trai được trong cái cảnh bần cùng toàn thể nầy mà bên nào cũng không có tiền.

Còn các quan ? Chánh quyền ta xưa, rất trọng lễ giáo, trọng hơn cả pháp luật nữa, nhưng các ông cũng kẹt. Các ông cũng thấy là phải có dân cấp tốc, bởi Cao Miên có thể giựt mình chợt thấy rằng cái hiệp-ước mà Nặc-Ông-Chăn ký với chúa Nguyễn cho dân ta đi cư vào đây rất là bất lợi. Họ có thể phản ứng sớm và cả quan quân lẫn dân đều không đủ đông để mà đương đầu lại.

Dân số trở thành bài toán then chốt và phải được khẩn cấp giải quyết. Như vậy để cho dân chúng tự do phạm thuần phong mỹ tục còn hơn là bị tàn sát hết.

Phải chế tạo dân tại chỗ và mau lẹ, bất cứ với giá nào, và kỷ nghệ ấy, chỉ có một cách thôi, là hôn nhơn, bê bối thế nào cũng được.

Tuy nhiên thật ra thì không hề có phạm thuần phong mỹ tục như chúng tôi nói. Mặc dầu không có nghi lễ, họ vẫn là vợ chồng, ăn đời ở kiếp với nhau, chớ không phải qua đường theo thói dâm phong thì chính nghi lễ mới là bậy bạ, trong trường hợp nầy.

Có bê bối hay không là tánh cách ăn ở với nhau về sau, chứ không phải nghi lễ, mà cũng không phải tờ hôn thú.

Hoàn cảnh đã bắt buộc dân nông miền Nam làm như vậy suốt hai trăm năm trời, nên một dân tộc vốn biết trọng lễ nghi, lại quen được với sự kiện thương nhau lấy nhau, không cần bất kỳ món phụ thuộc giả dối nào khác nữa.

Sự quen với một tình trạng đó cứ tồn tại hoài, khi dân miền Nam đã khá giả hơn đã làm giàu làm có, bởi nhứt là ở lưu vực Cửu Long là nơi tài sản chênh lệch quá nhiều, hạng bần nông cứ còn hoài hoài cho tới năm 1967 số phận của họ vẫn chưa được cải thiện.

Vì vậy mà dư luận của chính ngay giới có của, cũng dễ dãi cho những cuộc ăn ở theo lối đó, không ai cười chê gì ai hết, mà hễ dư luận dễ dãi được thì tình trạng đó lại còn cứ kéo dài, cho dầu ngày kia không còn bần nông nữa.

Năm luật gia đình gắt gao của «bà Cố» được ban hành, một nhân viên cảnh sát tâm sự cho chúng tôi biết rằng nếu làm đúng y theo luật bà cố, tức không có hôn thú mà sống chung nhau thì đưa ra tòa, thì 4 phần 5 gia đình ở Saigon sẽ bị đưa ra tòa.

Nhưng những ông thừa hành rất hiểu biết, họ cứ lơ đi, vì các lẽ rằng mặc dầu

họ không có hôn thú, họ vẫn ăn ở với nhau đúng đạo vợ chồng, chớ không phải là mèo chuột với nhau.

Nhờ nỗ lực tự động chế tạo dân của bọn tiên phuông, tổ tiên của chúng tôi, mà cho tới năm 1945, phố phường miền Nam mới đông đúc, làng mạc mới sầm uất, chớ nếu bọn tiên phuông mà làm theo lễ giáo Khổng Mạnh, chắc vào năm 1969 nầy, tỉnh Cần Thơ chỉ có non một trăm ngàn dân là tối đa.

Giờ thì ở nông thôn, đã hết quèo cẳng nhau, vì họ đã khá giả cả rồi. Nhưng tình trạng đó lại xảy ra ở Saigon. Một bữa ăn Đồng Khánh phải mất bao nhiêu tiền, bốn chiếc ô tô kết hoa mã bao nhiêu tiền nữa mà bắt người ta làm đám cưới?

Còn lập hôn thú ư ? Năm ngoái, một công chức cao cấp cưới vợ, tâm sự cho tôi biết rằng họ vào đơn xin lập hôn thú cho một đám cưới xảy ra 15 hôm sau, nhưng quận cho biết rằng phải một tháng mới lập được, vì đơn thì nhiều, nhân viên lại quá ít. Công chức cần cái hôn thú nên mới bền chí nhẫn nại cuốc theo tấm giấy đó, chớ anh thợ sửa xe máy đâu có cần. Thế nên họ cứ lấy nhau, không nghi lễ, không hôn thú. Giờ làm thế nào mà ai xin lập hôn thú cũng được lập đúng ngày xin, chừng đó mới biết sự thật là có bao nhiêu đứa trẻ vô thừa nhận.

Kỳ sau : Bánh tét rừng.

Bốn phương

Đêm lặng lẽ chết dần vào khuya vắng
Gió núi buồn khơi dậy nỗi lòng ta
Đêm cao nguyên tha thết nhớ quê nhà
Nơi vườn cũ có còn xanh tốt nữa ?
Hay đã chết, đã tàn theo binh lửa
Để mắt nhòa, bạc tóc mẹ già ta
Để lưng còng thương nhớ đứa con xa
Rời cánh mẹ bay ra ngoài sương gió.
Bạn bè hỡi biết bây giờ rơi đó
Còn đứa nào như thuở trước hay không
Giữ yêu thương tình bạn hữu trong lòng
Hay đã nhạt như nắng chiều nương nhỏ
Hay hết khóc lúc đến hè, hoa đỗ
Để nơi nầy nức nở kẻ ly hương
Để nơi nầy ta gửi trọn niềm thương
Về phương nớ, có mẹ hiền, bạn cũ
Về Mỹ-Lợi có xuân về ấp ủ
Những tâm hồn bình dị của ngày xưa
Khóc đêm nay, lệ chảy mấy cho vừa
Gửi quê mẹ mấy vần thơ vụng dại
Đê phương ni, đêm nay và mãi mãi
Xin nguyện cầu quê hết phải đau thương.

PHAN THỤY MAI
Cao nguyên 10-69

Bang giao giữa Cao-Miên và Việt-Nam Từ ngày tiên khởi đến ngày Pháp đô hộ

LÊ-HƯƠNG

(Tiếp theo P.T. 233)

Chey Chetta IV lên ngôi lần thứ tư (1702-1706

QUỐC vương Chey Chetta IV ở ngôi lần thứ tư đến năm 1706. thì Hoàng tử được 17 tuổi, Ngài thoái vị hẳn nhường cho con.

Quốc vương THOMMO RÉACHÉA I (đệ nhất) ở ngôi lần thứ nhì từ năm 1706 đến 1710.

Năm 1708, nhóm kiều dân Lào do Tiên Vương CHEY CHETTA IV cho định cư vài năm trước ở tỉnh BATI nổi loạn chống chánh quyền địa phương. Chính Hoàng thân ANG EM, sau khi bị bắt buộc phải thoái vị năm 1701 đã rời triều đình đi cầm đầu cuộc tạo phản nầy. Hoàng thân kêu gọi người SAMRÈ và người KOUY là hai sắc dân thiểu số ở miền Bắc tỉnh Angkor và Kompong Thom, đồng thời được một lực lượng Việt-Nam ở miền Nam ủng hộ. (1) Ngài chỉ huy người Lào, Samrè và Kouy tiến xuống thủ đô OUDONG, toán quân Việt-Nam chiếm các Tỉnh miền Đông Quốc vương THOMMO RÉACHÉA bị vây ở giữa suốt ba tháng mới thoát được giữa đêm với người em ANG TONG chạy qua Xiêm.

Năm 1710, sau khi Quốc vương THOMMO RÉACHÉA bỏ thủ đô ANG EM lên ngôi (1710-1722). Đây là lần thứ nhì Ngài trị nước. Trong 3 năm 1711, 1716, và 1722,

(1) Việc này Việt-Nam Sử Lược không có ghi.

Ngài đẩy lui được 2 lần tấn công của Thommo Réachéa nhờ quân Xiêm trợ giúp. Ngài nhờ Triều đình Huế che chở và giúp về mặt quân sự. Ngài phú thác việc phòng thủ các tỉnh PEAM (Hà Tiên), KAMPOT và KOMPONG SOM cả cù lao Phú Quốc cho một người Trung Hoa tên Mạc Cửu. Họ Mạc gốc ở Quảng Đông di cư sang Cao Miên sau khi nhà Minh bị nhà Thanh lật đổ. Ông gây dựng được một sự nghiệp to tát nhờ mở sòng cờ bạc. Ông xây một cái pháo đài ở PEAM, tuyển mộ quân sĩ và thủy thủ. Có lần một hạm đội Xiêm đến gần thị trấn định đổ bộ giúp Thommo Réachéa bị Mạc Cửu tiêu diệt gần hết. Tuy nhiên, đến năm 1725, Mạc Cửu qui phục Chúa Nguyễn. Quốc vương ANG EM thuận cho người Việt-Nam kiểm soát bờ biển từ miền Nam đến Xiêm. Về sau, Hoàng Triều Cao Miên lấy lại quyền hành trực tiếp hai tỉnh Kampot và Kompongsom, nhưng tỉnh PEAM và Cù lao Phú Quốc đến năm 1867 vẫn còn bị hậu duệ của Mạc Cửu «cai trị» cho Vua Việt Nam. (1)

Để tránh cuộc tấn công của người Xiêm, Quốc vương ANG EM điều đình với vị Đại tướng Xiêm, chịu thần phục nước Xiêm nếu Vua Xiêm loại trừ các vị Hoàng thân vừa mất ngôi. Vị Đại tướng Xiêm chấp thuận. Đây là một hành động có ảnh hưởng rất tai hại cho Vương quyền Cao Miên. Người Xiêm từ ngày ấy có quyền can thiệp vào việc Quốc sự. Chỉ vì tham vọng cá nhân mà Quốc vương ANG Em đã chánh thức làm mất nền độc lập của Cao Miên.

(1) — Về điểm Mạc Cửu qui phục Chúa Nguyễn, Ông Trần-trọng-Kim viết trong năm Mậu Tí (1708).
— Về sự can thiệp của ta thì trong Việt Nam Sử Lược ghi có 1 lần như sau: «.. Nam Giáp Ngọ (1711), quân của NẶC ÔNG THÀM về lấy thành La-Bích và vây đánh NẶC ÔNG YÊM nguy cấp lắm. Nặc Ông Yêm sai người sang Gia định cầu cứu Quan Đô Đốc Phiên trấn (Gia Định) là Trần-thượng-Xuyên và quan Phó tướng Trấn biên (Biên-Hòa) là Nguyễn-cửu-Phú phát binh sang đánh, vây Nặc Ông Thu và Nặc Ông Thâm ở trong thành La Bích. Nặc Ông Thu và Nặc Ông Thâm sợ hãi bỏ thành chạy sang Tiên La. Bọn ông trần Thượng Duyên lập Nặc Ông Yêm lên làm Vua Chân Lạp.

Năm 1722, Ngài thoái vị, nhường ngôi cho con.

Thái tử PRAH SOTCA lên ngôi tức là Quốc vương SOTHA II (đệ nhị) (1722-1736). Ngài vừa được 20 tuổi. Tình hình rối loạn trong nước là một gánh nặng cho Ông Vua còn trẻ. Nước Cao Miên bấy giờ có bốn vì Quốc vương cấu kết và cấu xé lẫn nhau, vị thì nhờ người Xiêm, vị nhờ người Việt giúp đỡ để đạt ý muốn của mình mà không cần phân điều lợi, hại. Đó là CHEY CHETTA II đến năm 1725 thì thăng hà, THOMMO bị ANG EM cướp ngôi và SOTHA II.

Năm 1730, một người Lào tị nạn tự xưng là tiên-tri xúi dục một nhóm người Miên cuồng tín hạ sát tất cả Việt-Kiều nào chúng bắt gặp trong vùng Banam. Quốc vương SOTHA II phải quan quân đánh dẹp nhưng không có kết quả. Chúa Nguyễn hay tin, nắm lấy cơ hội cho rằng để sắp xếp trật tự, gọi một đạo binh tiến đến Phnom Penh (1). Quốc vương SOTHA II bỏ kinh thành chạy trốn ở tỉnh SÂNTOUK. Năm 1741, Ngài chịu nhượng cho người bảo hộ mình hai tỉnh ở miền Nam: Mésa (Mỹ-Tho) và LONG HÔR (Vĩnh Long).

Năm 1736, Một cuộc nội loạn trong Hoàng Cung lật đổ Quốc vương SOTHA II. Nguyên do Ngài nghi Hoàng hậu và mấy người em con chú âm mưu hại Ngài mất ngôi. Ngài định bắt giết. Được mật tin, Hoàng hậu

(1) Việt-Nam Sử Lược không có ghi biến cố này chỉ có đoạn: «Năm Tân Hợi (1729), quân Chân Lạp sang quấy nhiều ở hạt Gia Định. Chúa Nguyễn bèn đặt Sở Điều Khiển để thống nhiếp việc binh ở mạn ấy.

và mấy vị Hoàng thân chạy tìm Cựu vương THOMMO RÉACHÉA và nhờ quân Xiêm đánh SOTHA. binh từ tỉnh KORAT ở miền Bắc chiếm vùng Angkor, một đạo khác do THOMMO RÉACHÉA chỉ huy đổ bộ ở Kampot. Quốc vương SOTHA II chỉ còn một ngả đường : trốn về Việt-Nam. THOMMO RÉACHÉA làm chủ tình hình, lên ngôi Vua. (1)

Quốc vương THOMMO RÉACHÉA (1738-1748) đóng đô ở KAMPOT, còn người trai trưởng và người em con Chú là ANG TONG chiếm Miền Tây nước Cao Miên nhờ quân của Xiêm. năm 1738, Quốc vương THOMMO RÉACHÉA làm lễ đăng quang lần thứ ba. Hoàng thân ANG TONG làm Phụ chính. Quốc vương cố gắng tái lập trật tự trong nước và ngăn ngừa sự xâm chiếm của người Việt-Nam. Trong tỉnh SROK TRANG, người Việ nổi dậy Nhiều cuộc dụng độ quan trọng xảy ra giữa người Việt và người Miên Nhóm người Việt thua trận chạy trốn trên một cù lao giữa MÉ KONG tên là HONG PEMA MISA và đặt cơ cấu cai trị luôn, bất chấp sự phản kháng của Quốc vương Cao Miên (2).

Quốc vương THOMMO RÉACHÉA không thể lấy lại quyền kiểm soát trực tiếp vùng PEAN. Nguyên vào năm 1735, Mạc Cửu chết. Quốc vương SOTHA II nhân cơ hội đòi lại quyền hành thì con Mạc Cửu là MẠC THIÊN TỨ cho biết đã chịu lịnh Chúa NGUYỄN MINH VƯƠNG cai trị đất này. Chúa Nguyễn phái quan văn và võ tướng, quân sĩ đến tổ chức cơ cấu hành chánh và quân sự.

(1) Về biến cố này Việt Nam Sử Lược ghi khác ngày tháng : ...« Năm Bính Thìn (1736) NẶC ÔNG YÊM mất, con là NẶC ÔNG THA lên làm Vua. Đến năm Mậu Thìn (1747) NẶC ÔNG THÊM lại ở bên Tiêm La về, cử binh đánh đuổi NẶC ÔNG THA đi, rồi chiếm lấy ngôi làm Vua. NẶC ÔNG THA phải bỏ chạy sang GiaĐịnh.

(2) Việt Nam Sử Lược không ghi rõ.

Năm 1739 Quốc vương THOMMO RÉACHÉA thân chinh đánh chiếm vùng PEAM bị Mạc Thiên Tứ đẩy lui. Chúa Nguyễn ban khen họ Mạc và phong chức Đại Tướng.

Năm 1747, Quốc vương ngã bịnh thăng hà. Sau đó nhiều vụ thanh toán gia tăng trong Hoàng tộc.

Vị Thái Tử bấy giờ được 42 tuổi nối ngôi cha, tức là Quốc vương THOMMO RÉACHÉA II (đệ nhị) (1747). Sau khi tức vị, Ngài bị người em tên ANG HING ám sát chết. Triều đình bất mãn trước hành động vô nhân đạo này không đồng ý cử kẻ giết anh lên ngôi và chọn một người em khác của Nhà Vua xấu số tên ANG TONG.

Quốc vương ANG TONG lên ngôi lần thứ nhất, trị vì đến năm 1749.

Năm 1748, Cựu vương SOTHA II tị nạn ở Việt-Nam 10 năm trước, chỉ huy một đạo binh người Việt tấn công Cao Miên, chiếm thủ đô OUDONG. SOTHA II ngự trong Hoàng cung Quốc vương ANG TONG và vài vị Hoàng thân tín cẩn chạy trốn ở Xiêm. Bây giờ các Tướng lãnh Việt-Nam dưới sự che chở của SOTHA II, cầm quyền trong Triều, ấn định các sắc thuế để cử và thay đổ các quan Chủ Tỉnh, áp dụng đường lối cai trị của Triều Đình Huế.

Một vị quan đại thần Cao Miên phụ trách về về chuyển vận, tên OK, không bằng lòng, bèn võ trang nông dân trong Tỉnh PURSAT kéo về thủ đô đánh đuổi SOTHA II và quân Việt-Nam khỏi lãnh thổ. OK tái lập trật tự, đoạn tôn vị Hoàng tử con vua CHEY CHETTA II lên ngôi. Ông không mời Quốc vương ANG TONG về nước

REGAST. T
TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU BAO TỬ. Bào chế theo công thức Hòa-Lan

vì Ông trách nhà Vua không thẳng đối phương vội bỏ thành chạy trốn. (1)

Vị Hoàng tử lên ngôi là CHEY CHETTA V (đệ ngũ) (1749-1755) Suốt 7 năm ở ngôi, Ngài phải dàn xếp hoặc phá vỡ những cuộc mưu toan ám hại Ngài do những vị Hoàng thân trong gia đình Ngài. Ngoài ra, Ngài còn phải ngăn ngừa những cuộc thanh toán giữa những vị Hoàng thân con cháu Vua Thommo Téachéa II và Ang Em.

Năm 1755, Ngài thăng hà. ANG TONG lại lên ngôi.

Quốc vương ANG TONG lên ngôi lần thứ nhì (1755-1757). Triều đại của Ngài còn thảm hại hơn trước rất nhiều. Những sự xung đột trong Hoàng cung gia tăng đến mức khủng khiếp chưa bao giờ có từ xưa đến nay.

Hoàng thân OUTEY cháu nội của Ngài bắt Hoàng thân ANG HING (2) và người em là ANG DƯƠNG đang tu trong chùa đem đi cắt cổ. Outey lại giết bà

vợ của ANG HING và đứa con lớn, lại ra lịnh bắt hai đứa cháu nội của Quốc vương Thommo Réachéa II nhốt trong cũi sắt. Đứa nhỏ bị giết chết, còn đứa lớn tên ANG NON nhờ một viên quan cứu thoát trong lúc giải về OUDONG rồi cùng chạy trốn ở Xiêm.

(Còn nữa)

(1) về việc này; Việt-Nam Sử Lược ghi :...» Được ít lâu, NẶC ÔNG THÀM mất, con là NẶC ĐÔN, NẶC HIÊN và NẶC YÊM tranh nhau. Chúa Nguyễn bèn sai quan Điều Khiển là Nguyễn hữu Doãn đem quân sang đánh bọn NẶC ĐÔN và đem NẶC ÔNG THA về nước.

(2) Người đã ám sát Quốc Vương THOMMO REACHEA II trong năm 1.747.

Đứa con thứ bảy

● ĐẶNG-DOANH

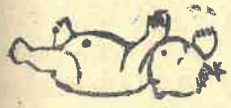

TẤT cả những việc chuẩn bị như tiền nằm nhà hộ sanh, quần áo và ngay cả đến tên gọi cho đứa con thứ bảy của tôi đã xong. Tôi chỉ còn hồi hộp đợi ngày con tôi mở mắt chào đời.

Nỗi lo ngại thầm kín nhất của tôi là không hiểu con tôi sẽ giống ai ? Thực ngộ nghĩnh và điên rồ khi tôi đặt ra câu hỏi này. Ờ, tại sao con tôi lại không giống tôi ? Giả như nó hơi đen một chút như thằng Quang, nó hơi lé một chút như thằng Quảng, nó hơi mập một chút như con Quyên thì cũng hãnh diện đi. Vì dù sao chúng nó còn mang một ít hình dáng của bố nó.

Mà nó không giống tôi thì nó sẽ giống ai ? Tôi ngồi suốt cả buổi chiều nghĩ ngợi. Cầm tờ báo trên tay, tôi đọc chữ nọ hóa ra chữ kia. Điếu thuốc là cháy dở, thay vì gõ vào chiếc gạt tàn, tôi lại cứ nhằm ly nước mà «gõ», khiến vợ tôi la lên :

— Kìa, anh điên hả, Tại sao lại cứ vẩy tàn thuốc vào ly nước ?

Tôi buông choàng tờ báo, ngơ ngác. Thoáng bắt gặp ánh mắt ngạc nhiên của vợ tôi, tự nhiên tôi thấy vợ tôi có cái gì khác lạ với ngày xưa. Nàng có vẻ khó chịu lắm thì phải. Không phải sự mệt mỏi vì mang nặng đã làm cho nàng khó chịu nhưng nàng khó chịu vì một lý do khác : khó chịu vì không được đi làm để sống thoải mái, tự do như ở sở.

Vợ tôi ngồi trên ghế ny-lông, chăm chú đánh móng tay. Tôi chợt nhận ra nàng đẹp hơn trước, người mập ra, nước da trắng trở lại, mái tóc dài được bím lại phía sau trông giản dị nhưng không kém vẻ duyên dáng. Bàn tay nàng cầm cây cọ phết sơn lên móng tay một cách thành thạo, nhanh nhẹn hơn. Ngay đến mẫu sơn cũng trang nhã và thuộc loại đắt tiền chứ không như mấy loại nàng đã mua trước khi đi làm.

Tôi lần thần tự hỏi tại sao nàng đẹp vậy ? Nàng được ăn uống no đủ mà có sắc đẹp đó, hay được một người tình chiều chuộng ? Chính vì vậy nên nàng mới trưng diện trang điểm cho đẹp lòng người yêu. Còn tôi, tôi như cái áo cũ đơ bẩn, nàng thấy nó treo trên mắc nhưng nàng không còn ham thích nữa.

Tôi lại ân hận đã cho vợ tôi đi làm.

Tất cả khởi đầu từ thảm họa chiến tranh và sự nghèo đói trong gia đình tôi. Trước

kia, với lương tháng bốn ngàn đồng, vợ chồng tôi sống tương đối dư giả, đôi khi còn có tiền cho vay kiếm lời, Ngày nay sinh hoạt đắt đỏ, cuộc sống khó khăn, nhân công thiếu, người làm đòi phụ cấp cao, vợ chồng tôi bỗng dưng trở thành những kẻ nghèo đói nhất trong xã hội.

Vợ chồng tôi phải đầu tắt mặt tối chạy ăn từng bữa mà các con tôi đâu hiểu. Nay thằng Quang báo tin nhà anh Tư đạp xe ba gác mới mua ti-vi 19 inh. Mai con Quyên về khoe với tôi nhà chú Sửng làm bánh phở mới mua tủ lạnh 150 lít. Thế rồi, thay vì mỗi buổi tối chăm chỉ học bài, các con tôi lại hớt hả chạy đi sục sạo khắp hang cùng ngõ hẻm để xem «Cọp» ti-vi, nhà này đóng cửa đuổi đi thì chạy sang nhà khác.

Tội nghiệp lũ con tôi, có một lần, giữa trời mưa tầm tã, tôi đi tìm thấy chúng đang đứng chầu đầu trước hiên nhà anh Tư, quần áo ướt sũng mà vẫn mải mê xem cải lương. Tôi giận quá, bạt tai cho mỗi đứa một cái và đuổi về.

Vốn sợ tính nghiêm khắc của tôi, lại biết nhận lỗi trốn học đi chơi nên chẳng những các con tôi không tỏ vẻ bực tức mà còn ngoan ngoãn nghe theo lời tôi. Như vậy cũng chưa hả giận, tôi bắt các con tôi đưa sách vở ra cho tôi khảo bài, đứa nào không thuộc thì tôi phạt quỳ.

Nửa đêm hôm ấy, sau khi các con tôi đã ngủ yên với nét kinh hoàng còn hiện rõ trên gương mặt ngây thơ vô tội của chúng, tôi ngồi yên trên ghế xích đu, ôm mặt khóc.

Tôi tự thấy mình bất lực. Các con tôi trông đợi gì ở tôi nếu không phải là hai bữa cơm no đủ và một chút thoải mái trong tâm hồn.

Tôi có lỗi, cái lỗi đã không đem lại nguồn vui cho các con mà còn ngăn cấm chúng hưởng thú vui tuổi trẻ. Học để sung sướng, để có tiền ư ? Làm sao các con tôi hiểu được những gì sẽ xảy đến mười hay hai mươi năm sau. Thực tế trước mắt vẫn là những đối tượng thích hợp nhất đối với nhãn quan của chúng. Chúng chỉ có thể phân biệt được cái gì chúng thích và cái gì chúng không thích mà thôi.

Từ lâu tôi vẫn tự nhủ sẽ không cho vợ đi làm sở Mỹ, tuy trong gia đình có chật vật nhưng được vui vẻ hòa thuận. Bây giờ tôi phải xét lại chủ trương đó. Do hạnh phúc của các con tôi, tôi phải hy sinh đôi chút hạnh phúc của riêng tôi. Tuy nhiên tôi vẫn tin tưởng nơi vợ tôi và nhủ thầm tốt xấu chẳng qua là do bản tính con người, ai làm sao ngăn cấm được. Tôi gọi vợ tôi dậy, quyết định :

— Thôi, hay mình đi làm vậy nhé.

Vợ tôi ngạc nhiên :

— Sao bây giờ mình lại bảo em đi làm ?

— Mình nên đi làm để có thêm tiền mua ti-vi cho các con. Anh thấy chúng nó đi xem nhờ hàng xóm, anh thương quá.

Thế là ngày hôm sau tôi vội đưa nhà tôi đến phòng nhân viên để xem còn chỗ trống nào không. May mắn trên tấm bảng người ta cho biết đang cần một số nam nữ thư ký. Nhà tôi, trước khi lấy tôi, cũng là một thư ký kế toán nên tôi không ngần ngại nạp đơn xin việc cho nàng.

Khi bước vào phòng đợi, tôi đã thấy người ta ngồi chật cả hai hàng ghế. Ai cũng quay nhìn vợ chồng tôi bằng ánh mắt nghi ngờ tuồng như họ sợ chúng tôi tranh mất việc làm của họ.

Tôi hỏi người tùy phái, anh đưa cho tôi một cái thẻ mang số 20, vài tờ mẫu đơn và bảo ngồi đợi. Cả đời tôi, tôi sợ nhất phải ngồi đợi một kết quả mà mình thấy không có hy vọng thành tựu. Có lúc tôi đã toan nói với vợ tôi : «Thôi mình về đi, mai đến sớm.» nhưng bản tính do dự khiến tôi vẫn ngồi yên.

Buổi sáng hôm đó qua đi, rồi buổi chiều và buổi sáng hôm sau nữa. Cuối cùng nhà tôi cũng được gọi vào bàn giấy để xác định những lời đã khai trong mẫu đơn. Đơn được nhận cũng chưa hẳn là có việc làm bởi vì còn phải đợi kết quả điều tra an ninh. Chính trên chặng đường gai góc hiểm trở này khiến tôi nảy sinh ý nghĩ nếu biết chắc người nào có đủ thẩm quyền lo giấy tờ cho mình mà phải hối lộ năm mười ngàn cũng đành nhịn ăn mà lo cho được việc. Cứ phải nhìn nhận, nịnh bợ từ anh gác cổng, người tùy phái đến cô thư ký cũng làm tôi bực mình không ít.

Dù sao thì kết quả cũng không đến nỗi bi đát như tôi tưởng.

Vợ tôi đã đi làm. Đó cũng là một nỗi buồn riêng đối với tôi khi thấy mỗi buổi sáng nàng phải dậy sớm, ăn vội mấy miếng xôi rồi tất tưởi theo chân mấy bà bạn cùng lứa tuổi, ra đón xe đưa tới sở làm ở phi trường.

Ban đầu vợ tôi có vẻ bận rộn vì chưa quen với cuộc sống mới. Nhất là buổi trưa không có giờ nghỉ ngơi cũng khiến nàng sút đi trông thấy. Lâu dần nàng đã thấy dễ chịu và còn ham thích đi làm nữa. Mỗi lần nhìn các con tôi hớn hở tranh nhau mấy hộp nước ngọt hoặc mấy quả cam mà vợ tôi đã khổ công dấu diếm để mang về, lòng tôi

cũng dịu bớt nỗi chua xót của người dân thời chiến, phải gánh chịu đủ thứ nhục nhã cơ cực.

Sau hơn nửa năm trời tần tiện, vợ chồng tôi đã trang trải được một số nợ nần. Ngoài ra chúng tôi còn mua được một chiếc ti-vi 16 inh. Các con tôi cũng được thoải mái ngồi xem cải lương mà không sợ bị mất chỗ như những lúc đi xem nhờ hàng xóm.

Bây giờ, khi đứa con thứ bảy sắp chào đời, tôi lại bắt đầu lo. Câu hỏi vẫn xoay quanh trong đầu là các con tôi sẽ giống ai ?

Tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại quá quan tâm về vấn đề này. Hình như có một lúc nào đó tôi chợt hỏi : «Nếu con mình không giống mình thì sao ? » Ý nghĩ bất chợt đó in sâu vào trí não tôi khiến bây giờ nó trở thành một hoài nghi ám ảnh tôi đêm ngày.

Tôi nhớ đến chuyện chàng trung úy phi công tài hoa kia có người vợ trẻ xinh như mộng. Hai người yêu nhau khăng khít không gì có thể ngăn cách họ được. Chàng vẫn hào hùng, say sưa chiến đấu trên vòm trời tự do, tìm kẻ thù để tiêu diệt, còn nàng ngày hai buổi tới làm nhiệm vụ thông dịch trong một cơ sở ngoại quốc. Những ngày nghỉ, đôi vợ chồng trẻ đèo nhau Vespa đi xa lộ, đi Thủ-Đức ăn nem. Cuộc sống thật hạnh phúc.

Thế rồi một ngày kia chàng nhận được tin mừng nàng vừa sanh một cậu trai khâu khỉnh. Mặc dù bận công tác tại miền Trung xa xôi, chàng cũng nài nỉ xin cho được mấy ngày phép để về thăm vợ. Chàng lại không quên vào chợ Saigon mua cho con những chiếc mũ, những chiếc áo, những đôi bí tất thật xinh.

Tội nghiệp chàng phi công tài hoa kia, khi nhìn thấy cậu con trai đầu lòng với mái tóc rậu ngô và cặp mắt xanh lơ mầu da trời miền Viễn-Tây của xứ Hoa-Kỳ thơ mộng, chàng lẳng lặng ôm gói quần áo ra đi giữa giấc ngủ yên lành của vợ. Chàng đi điệt tăm từ đấy, đôi cánh đại bàng không biết phiêu bạt nơi đâu. Có người bảo chàng đã tử nạn trong một phi vụ, có người bảo chàng buồn tình mà mất cả khí thế hào hùng, suốt ngày la cà nhậu nhẹt.

Tôi đã nghe, đã thấy nhiều chuyện thương tâm như vậy. Những chuyện đó bây giờ sống lại trong tiềm thức. Tôi nhìn thấy những bộ mặt lạnh lùng, xa vắng. Tôi nghe thấy tiếng cười ngạo nghễ, khinh miệt của những người trong truyện. Hình như họ đều muốn nói với tôi một câu : «Mày, rồi đến lượt mày cũng sẽ có đứa con khâu khỉnh như vậy.»

★

Chiều đã nhạt nắng. Tôi đi lại trong hành lang căn nhà hộ sanh không biết bao nhiêu lần rồi. Trời bên ngoài vần vũ chuyển mưa mà mồ hôi vẫn chạy xuống nhỏ giọt trên má, thần kinh căng thẳng đến tột độ.

Tôi nghe người ta nói đứa con thứ bảy rất khó sanh. Có người sanh sáu đứa trước không sao, tới đứa thứ bảy phải mổ. Tôi nhớ đến một lần đụng xe sưng đầu gối, một lần bị cành cây rơi trúng bả vai. Trời ơi, không lẽ tai họa đến với tôi vì đứa con thứ bảy này.

Thấy Quyên, con gái lớn của tôi mở cửa bước ra, tôi chạy lại hỏi :

— Sao, mẹ sanh chưa con ?

Quyên lắc đầu :

— Chưa ba ạ. Người ta bảo có thì cũng nửa đêm. Hay ba về đi, sáng mai ba tới.

Tôi lầm lũi quay về. Về thì về chứ làm sao tôi ngủ yên được. Nhiều lúc như quẫn trí, tôi nhủ thầm : «Mẹ kiếp, thà đừng có đẻ đái mẹ gì nữa cho mình đỡ lo».

Tôi lại nghĩ nếu vô phúc con tôi cũng có mái tóc râu ngô và đôi mắt xanh thì sao nhỉ ? Không lẽ tôi giết nó hay mang nó đi thật xa để không bao giờ nhìn thấy nó.

«Tôi lạy chúa ! Nếu vì vinh danh Chúa mà Chúa dựng nên con người thì trái lại, niềm tủi nhục của con người chính là mang thân phận con người trên trái đất nhơ nhuốc tội lỗi này».

11 giờ đêm tôi lại đạp xe đến nhà hộ sanh tôi vừa bước lên thềm thì gặp Quyên từ nhà hộ sanh đi ra. Thấy tôi, Quyên reo lên :

— Mẹ sanh em trai, ba ơi.

Tôi run run hỏi :

— Em trai hả. Nó giống... giống thằng Quang hay thằng Quảng ?

— Nó chẳng giống ai hết. Nó giống... giống ba.

Tôi thở phào, nhẹ hẳn người. Nếu con tôi kéo dài những tiếng «giống... giống» vài giây nữa chắc tôi ngất sỉu quá.

Tôi đứng chắp tay trước hàng hiên, ngửa mặt lên trời, thì thầm : «Lạy Chúa, cảm tạ Chúa đã cho tôi đứa con giống... tôi.» □●

Đồng hồ đeo tay

● CHU-MINH-THỤY

MỖI chiếc đồng hồ đeo tay sản xuất ra một năng lực 1/100 triệu mã lực, tức là phải có 100 triệu chiếc mới tạo ra nổi một mã lực. Kể từ khi còn là nguyên liệu cho tới lúc hoàn thành, mỗi chiếc đồng hồ phải trải qua trên dưới 3 500 công việc khác nhau. Có những giai đoạn cần mức tinh vi 1/100 ly nghĩa là 1/50 của bề ngang sợi tóc.

Nếu để chiếc đồng hồ chạy liên tục, thì trong 25 năm, các bộ phận di động của nó xê dịch cỡ 125 ngàn cây số

Mỗi năm, có khoảng 35 triệu chiếc được tiêu thụ trên thị trường, từ cái rẻ nhứt (độ 75 quan Pháp) tới cái mắc nhứt (125 ngàn quan Pháp). Về căn bản thì chúng giống nhau, chỉ khác ở phần chi tiết, nhưng chính xác tinh vi, mỹ thuật hơn...

Những chiếc đồng hồ cỡ nhỏ xuất hiện lần đầu tiên ở Âu Châu cách đây độ 500 năm. Lúc đó người ta để nó trong túi, hoặc đeo bằng sợi dây chuyền. Vào thế kỷ 16, hoàn hậu Elisabeth của Anh lần đầu tiên cột một chiếc nơi cườm tay, nhưng chẳng ai bắt chước «mốt» đó vì người ta cho vậy là ẻo lả.

Trong thế-chiến thứ nhứt, hoàn cảnh làm thay đổi lịch sử chiếc đồng hồ. Các sĩ quan bộ binh, thấy mỗi khi rút chiếc đồng hồ trái quí trong áo ra là cả một sự khó khăn, nên cột nó quanh cổ tay, và «mốt» đeo đồng hồ ngày càng trở nên thịnh hành từ đó chỉ trong vài năm, chiếc đồng hồ đeo tay được biến thể từ một hình thù kịch cợm thành một bộ máy tinh xảo, nhỏ nhắn và mỏng như đồng tiền.

Hiện nay, mỗi chiếc đồng hồ đeo tay gồm khoảng 125 bộ phận, mà món nhỏ nhứt là một đinh ốc

có đường kính 1/10 ly.

Chiếc đồng hồ chạy được là nhờ 3 phần căn bản :

— giây thiều hoặc bộ máy

— bộ bánh xe có răng-cưa (bánh xe chạy mau điều khiển kim chỉ giây, bánh xe chạy trung bình điều khiển kim chỉ phút, bánh xe chạy chậm điều khiển kim chỉ giờ)

— bộ phận kiểm soát có nhiệm vụ điều hành cho đồng hồ chạy đúng.

● Mấy hột «rubis», và «ngừa va chạm».

Chạy lâu ngày, các bộ phận bị mòn, đó là lý do chánh khiến đồng hồ đi sai. Để tránh việc đó, người ta dùng các loại đá quí, như *saphir* (ngọc xa phia) hay *rubis* (hồng ngọc) «đệm» các nơi dễ mòn, như chưn bánh xe hoặc chưn mấy cây kim.

Lúc đầu, người ta dùng rubis thiên nhiên, nên chỉ có những loại đồng hồ mắc tiền mới có nổi. Hiện nay rubis và Saphir nhơn tạo được sản xuất nhiều, giá rẻ, nên hầu hết đồng hồ đeo tay điều có chúng. Số rubis trong mỗi chiếc đồng hồ là từ 7 đến 23 hột. Trung bình, số rubis cần thiết là 17 (gồm 10 hột cho 5 bánh xe chánh, 7 cho bộ phận kiểm soát «échappement.»)

Ngoài số 23 hột, chỉ những đồng hồ công dụng đặc biệt mới cần phải thêm. Trước kia, các nhà chế tạo gắn thêm rubis để bán chiếc đồng hồ mắc hơn, nhưng hiện nay, luật lệ ở Thụy Sĩ và Mỹ quốc cấm việc đó.

Nhiều nhà chế tạo không đồng ý về việc dùng rubis, chẳng hạn như hiệu Timex. Hãng nầy chú trọng vào tiêu chuẩn chế tạo và sắp đặt sao cho các bộ phận ít cọ sát và hao mòn, hơn là lót các chỗ cọ xát bằng rubis.

Ngoài ra, nếu một chiếc đồng hồ chạy tốt trong vòng 5 hay 10 năm, mà giá chỉ có 75 quan, thì không có lý do lại lót rubis (tức nhiên nếu có rubis, giá phải mắc hơn), để nó chạy thêm được vài năm nữa, thay vì quăng đi để mua cái khác.

Tuy được sản xuất đồng loạt, và có kiểm soát chặt chẽ, nhưng giá trị của chiếc đồng hồ có thể khác với một chiếc cùng hiệu, cùng loại. Tuy nhiên, chiếc đồng hồ mắc tiền vẫn có nhiều hy vọng chạy tốt hơn chiếc rẻ tiền.

Khuôn khổ cũng là một yếu tố quan trọng. Càng nhỏ, chiếc đồng hồ càng khó đi đúng, do đó, nếu cùng có những tiêu chuẩn chế tạo như nhau, thì chiếc đồng hồ trái quít chạy tốt hơn chiếc đeo tay đàn ông, và chiếc nầy chỉ giờ chính xác hơn chiếc của đàn bà: Không hiểu đồng hồ nào chịu đựng được khi bị đập bằng búa hay quăng mạnh xuống gạch. Nhưng các sự va chạm thông thường có thể được giảm thiểu tai hại nếu cây cốt chánh được bảo vệ. Các đồng hồ loại tốt đều có bộ phận nhún nơi giây thiều, người ta gọi nó là bộ phận « antichoc ».

● Không thấm nước và ngừa từ điện

Kẻ thù số một của đồng hồ không phải là nước mà là bụi. Một cái vỏ «kín» là sự bảo đảm tốt nhứt đối với nước và bụi. Chiếc đồng hồ mệnh danh không vô nước thường chỉ chịu đựng đối với trường hợp bị nước văng lên hoặc nhúng vô nước một thời gian thật ngắn. Muốn đeo đồng hồ trong khi bơi, lặn, phải dùng loại đồng hồ được chế tạo đặc biệt.

Khi phía trong mặt kiếng có chứa hơi nước thì chiếc đồng hồ đã bị hở. Trong điều kiện chế tạo bình thường, không khí trong chiếc đồng hồ không dủ mức ẩm ướt để đọng thành hơi nước được.

Để chiếc đồng hồ gần một từ trường (như máy vô tuyến thu hình, máy ghi âm, tủ lạnh v.v..) có thể làm cho đồng hồ ngưng chạy hoặc đi trễ, đi sớm, tới 15 phút mỗi ngày. Để tránh tai hại đó, người ta có 2 cách : dùng thứ nguyên liệu không bị từ điện ảnh hưởng để làm các bộ phận mỏng manh (như giây thiều, con

lắc. .) hoặc bọc cái vỏ bằng một lớp sắt non để hút từ điện từ bên ngoài tới.

Loại vỏ đồng hồ bằng thép không sét thường được dùng nhiều nhứt và tốt nhứt trong việc ngừa thấm nước. Nhưng nhiều người lại thích vỏ vàng hoặc bọc vàng. Loại vàng xám tương đối mắc hơn vàng 18 carats, còn nếu bọc vàng thì thứ 20 microns (20 lo ly) lâu phai hơn loại 10 hoặc 15 microns.

● Tùy theo công dụng và nhìn về tương lai.

Các hiệu đồng hồ trên thế giới nhiều không đếm xuể. Có tiếng và bán chạy nhứt là các hiệu sản xuất tại Thụy-sĩ, Pháp.

Ngoài thứ phải vặn giây thiều bằng tay, còn có loại lên giây nhờ các cử động tự nhiên của người đeo, có tên là « đồng hồ tự động ».

Từ mươi năm nay, trên thị trường có xuất hiện một loại chạy bằng pin. Cục pin nhỏ xíu, đặt trong ruột đồng hồ, nhưng đủ sức cung cấp điện cho chiếc đồng hồ chạy 1 năm. Hiệu Bulova thì chế ra một loại dùng nguyên tắc từ điện và đặt tên là «*accutron*» chạy bằng pin nhỏ chứa *mercure* (thủy ngân).

So sánh một cách tổng quát, chiếc đồng hồ tự động chạy chính xác hơn loại lên giây bằng tay, vì giây thiều luôn luôn căng thẳng. Chiếc chạy bằng pin chính xác hơn loại tự động vì luôn luôn được cung cấp điện. Loại điện tử «accutron» lại chính xác hơn thứ chạy pin.

Một ngày không xa, chúng ta sẽ đeo những chiếc đồng hồ tương tự như nguyên tắc của máy thu thanh Transistor, hoặc các đồng hồ nguyên tử, chỉ sai độ 1 giây trong suốt 30 ngàn năm. □●

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ✶ NGON ✶ NGỌT

BỨC THƯ MỸ QUỐC

từ Texas

thư cho em gái ở quê nhà

HỒ-TỊCH-TỊNH

LỜI TÒA SOẠN.— HỒ-TỊCH-TỊNH là bút hiệu của một nhà văn của giới trẻ Việt-Nam, hiện là sinh-viên Phi-công đang học ở Trung-tâm Huấn-luyện ở Texas, Mỹ-quốc. Dưới hình-thức một bức thư «gởi về em gái ở Quê-Nhà», Hồ-Tịch-Tịnh kể lại đời sống của sinh-viên V.N. ở Mỹ và một vài khía-cạnh về đời sống của thanh-niên Mỹ.

KYM YẾN,

Vừa nhận được hai thư của em. Ở đây mỗi lần nhận được thư, bất cứ ai từ quê nhà đều mừng đến khóc; huống hồ một lúc hai thư của em phải không Yến. Thư em thật dễ thương. Không những anh mà Serwin — bạn anh vừa là một Thi sĩ trẻ của Mỹ cũng bảo thế.

Đã là em gái của anh, Yến không được buồn bao giờ đó. Vâng từ thơ này anh sẽ kể cho em những gì anh đã sống đang thấy và sẽ đi qua ở Mỹ,

● Tự dọn lấy mà ăn

Yến, lẽ ra thư cho em từ lúc chiều nhưng vừa bải học đến «Dining hall» nối đuôi theo dàn chờ cơm sắp hàng đôi hằng 50 thước. Khác với Phạn xá và quán ăn bên mình, ở «dining

hall» và «cafeteria» bên này mỗi người phải tự dọn lấy mà ăn (self service). Những khay, muỗng, nĩa, đĩa, bát, dao cùng các món ăn đã có sẵn trên quày. Yến đẩy khay trên những thanh nhôm dọc theo mép quày qua những món ăn, Yến cố thể không dừng lại những nơi không thích. Và được quyền làm lại từ đầu nếu ăn xong vẫn thấy đói nhưng tiền vẫn một lần trả theo giá đã định chung cho bửa ăn. Nhưng cũng có «cafeteria» sau quày đã có một vài anh chị bếp giúp hộ cắt hoặc lấy thịt, cho soup ra bát hoặc cơm vào đĩa mỗi người và tiền sẽ phải trả tùy từng món ăn đã được ghi sẵn.

Riêng «dining hall» trong căn cứ của anh, lúc khay đã đầy Yến tự chọn cho mình một chỗ ngồi gần suốt 100 bàn ăn chia hai dãy. À một góc cuối. Mỗi bàn bốn người nhưng với góc cuối này Yến có thể ngồi mỗi mình nhìn hạt cơm Mỹ «nhạt nhẻo» và «to béo» để nhớ đến giờ này ở Việt Nam, Yến đang ngồi ăn cùng ba mẹ, cùng gia đình — có thể cùng người yêu — với những hạt cơm tuy bé nhỏ nhưng đậm đà. Sau bửa ăn, Yến sẽ tự mang khay đến quày nhà bếp. Sau quày đã có các anh bếp Mỹ, đồng phục trắng, calô trắng thu dọn. Những bát đĩa bằng sứ được thổ như kính vỡ trên nắp lỗ hổng giữa quày chứa thức ăn thừa.

Yến, đôi lúc — chiều nay chẳng hạn — không những anh nối đuôi «dân chờ cơm» hằng 50 thước sắp hàng đôi mà lúc ăn xong lại phải sắp hàng đợi hằng 5 phút chờ lượt mình vào đặt khay

Rời «dining-hall», đáng lẽ tạt vào B.X đọc cọp vài trang báo, mua gói kẹo, xem cái gì đó xong lang thang một lúc rồi về phòng, nhưng chiều nay phải về

ngay. Anh nợ những mấy thư của Kym Yến ở VN thêm hai thư ở Mỹ. Anh không muốn cô em gái của anh dài ra đâu, xấu lắm.

● Một thi sĩ 19 tuổi của Mỹ

Yến em, hiện anh ở cùng phòng với 3 tên Mỹ trạc tuổi anh. Trong đó có SERWIN, bạn anh 19 tuổi — một thi sĩ của Mỹ. Mỗi ngày ngoài giờ học SERWIN chỉ biết đọc sách, làm làm thơ và viết thư cho người yêu. SERWIN nhớ người yêu đến nỗi khóc sướt mướt lúc viết thư cho người yêu sáng hôm kia đó Yến. Đôi lúc 11 giờ khuya đã lao vào giường, SERWIN còn dựng đầu trao một hai bài thơ vừa làm bảo đọc và cho ý kiến. Đôi lúc đang ngồi học, SERWIN vùng dậy mặc quần áo tươm tất, đi. Đố Yến SERWIN đi đâu ? Nó đi chơi bách bộ một mình đó. Và nhiều đêm anh mất ngủ, dậy bao nhiêu lần nó cũng biết. Trong ngày tháng lạc loài ở đây SERWIN gần như một người bạn duy nhất của anh. Chơi với SERWIN anh không nghĩ nó là một người Mỹ. Một người Mỹ trăm ngàn người Mỹ khác. Trái lại SERWIN là một thi sĩ. Một thi sĩ trong trăm ngàn thi sĩ sống lên trên tầm thường và nhận biết những cùng khổ của kẻ khác. Thơ SERWIN bát ngát những hào khí của một thi sĩ trong khổ đau :

No Dream Is Impossible
If within Your Heart Is A
Strong will
And A Mountain Of Faith,
For You' ll Be Able To
Pass Through
A Stormy Cold Night,
With A Strong warm Heart
Follow And Hold On To
Sober Dreams,
(A Dream)

Giấc mộng trong «A Dre-

am» của Serwin là giấc mộng của những người Việt nam yêu nước đã và đang tự nối tay trong đêm đặc lạnh của quê hương. Và em sẽ thấy những mặt nạ trong «Self Realization» của Serwin phải chăng là những mặt nạ mà người Mỹ phải tự tháo bỏ trong cuộc chiến này :

True Self Realization Can Only Be.
When One Is Most Honest With Self,
Casting Off All Masks,
Viewing The Naked You
With Your Own Sincere Eyes,
To See And Attempt
To Correct Those Faults
In Your nature
And Strive For The Fullness
Of Your Values
(Self RealiZation)

Serwin đã viết cho chính hắn, cho những người Mỹ hay cho những người Việt Nam cùng khổ — không đáng kể ! Cái đáng kể là thơ Serwin là thơ có lửa. Lửa đã bốc lên tự lòng thiết tha của một người. Ước chi «giấc mộng» của Serwin là giấc mộng của 25 triệu người Việt Nam và ước chi mặt nạ của Serwin là mặt nạ của những người phải «tự nhận thức» và tháo bỏ trong cuộc chiến này. Từ thiết tha đó, quê hương VN trong thanh bình chắc không xa, phải không Yến ?

● Những người Việt-Nam chơi trò hú tim

Thư sau anh sẽ gởi một số thơ của Serwin cho em đọc nghe. À hai tên Mỹ cùng phòng với anh vừa về. Cũng đở, hai tên này ít ồn. Yến biết cách đây nửa tháng vì không chịu nổi sự ồn ào của hai tên Mỹ phòng cũ, anh và SERWIN đã vác lều chõng đến «ORDER Y ROOM» xin đổi đến phòng này. Sống chung với người Mỹ, Yến

sẽ quý mến nhưng cũng nhiều bực bội. Đôi thằng lịch sự đến nỗi đi khuya về, cởi giày trước khi vào phòng nhưng đôi thằng hết chịu nổi. Về phòng bật đèn, văn tivi, ăn uống bỏ rào suốt đêm. Chúng cũng như các anh, nói đúng hơn «American Students» từ 50 tiểu bang lại cũng như «Foreign Students» từ mấy mươi quốc gia xa xôi, đến «Sheppard — Technical Training center» này hầu như không hề biết trước, chưa hề quen nhau. Một người Mỹ tận tiểu bang Alaska hay Hawaii...đến «Sheppard Afb, Texas» này họ cũng cảm thấy xa lạ và buồn như một người Việt Nam, người Thái Lan, người Lào, người Nam Tư, người Marocco hay bất cứ một người từ nước nào đến. Lẽ ấy, không cần theo học một lớp, một ngành, chỉ cần sống chung một phòng họ vẫn có thể thân nhau thật lòng Nói vậy, không có nghĩa tất cả đều thật lòng đâu Yến. Vẫn có những kỳ thị trầm lặng dấy lên khi một phòng hoặc cùng một «Barrak» có nhiều màu da.

Vui mọi điều, người Thái Lan, người Lào — nhất là Lào giống người Việt Nam lạ. Những hôm đầu tiên không riêng anh mà phần lớn anh em vừa qua, đã đi một số đàn anh học trước tự nhận là Lào nói toàn «Enghlish», chơi trò hú tim với các anh. Đến một lúc gặp một «người anh em thật» muốn mừng nhưng không dám, chờ mãi khi họ tự nhận là người VN mình mới dám tay bắt mặt mừng. Khổ Yến nhỉ !

● Những ngày tháng mười ở Wichitafalls

Này Yến, em phải nghĩ anh đang run lên vì lạnh mặc dầu trong phòng đã được tỏa hơi ấm bởi máy điều hòa. Những hôm nay lạnh mỗi lúc một lên ở «She-

ppard. Afb». Đã 33 độ F khoảng 1 độ C bên mình rồi. Không biết cuối tháng sau, anh tiếp tục khăn gói qua «OHIO». một tiểu bang quanh năm tuyết phủ, anh có đông lại thành đá không ?

Lạnh quá nhưng chả lẽ ngồi nhìn qua cửa kính mãi sao? Tội chết. Nên nếu không viết lách nếu không đi học anh lại vừa chạy hoặc vừa nhảy cho đỡ lạnh chứ không dám đi đến rạp chớp bóng. Một căn cứ thường như «Sheppard» nhưng có đến 3 rạp đẹp hơn «Kim Châu» Đà Nẵng trăm lần đó Yến. nếu không xem chớp bóng. anh chui vào Club, nhất là «AIRMENSCLUB» xem trình diễn nhạc và nhìn các anh chị Mỹ TWIST. Họ «TWIST» từ phòng vệ sinh từ quày rượu từ bước đi từ chỗ ngồi... thật tự nhiên và say sưa khi tiếng hát như trống dồn của những chàng ca sĩ tóc dài lượn ngã trên bục nhạc. Không vào các «Club» trong căn cứ anh có thể đáp bus xuống «Wichista falls» — một thành phố nhỏ cạnh căn cứ «Wichita Falls» nhỏ thua Đà Nẵng nhưng duyên dáng hơn Sài-gòn và buồn cở Huế. Yến có thể tưởng tượng «WICHITA FALLS» giống như một thiếu phụ không quá 20 nhưng quá buồn. Buồn nhất là đôi mắt. Mắt «Wichita Falls sáng chi lạ nhưng cũng buồn chi lạ.

Thật lấy, trong một đêm nào đó mỗi mình giữa «Wichita Falls», giữa những cửa hàng toàn kính sáng lóa bởi ánh đèn màu nối đuôi quanh Yến. Ở đó Yến có thể nhìn mọi vật bày biện bên trong. Ở đó những tĩnh vật ngồi đứng nằm không nói không nghe Yến không còn nhìn thấy một ai, ngoài một góc phố nào đó một cặp tình nhân đang co ro hôn nhau, ngoài một hai quán rượu năm sáu anh chàng «Cowboy» già đang chụm lại đánh bài hoặc đang từ đấy bước ra say ngất ngưởng....

«Wichita falls» chỉ là một thành phố nhỏ. Ban ngày phần lớn đi làm ăn xa nên phố đã vắng, đêm lại càng vắng hơn. Nhất là những đêm tháng mười này. Lẽ ấy, anh làm sao nói cho nghe hết những vẻ đẹp nhưng thật buồn của Wichita falls. Anh làm sao viết cho em những building toàn đá hoa, và anh phải so sánh sự tráng lệ thế nào cho em được biết, giữa một thành phố bé nhỏ như Wichita Falls, với những thành phố rộng lớn ở quê nhà.

Yến, và mỗi lần xuống Wichita Falls rồi thế nào anh cũng chui vào xem chớp bóng. Nhất là cuối tuần, anh thường kéo chân từ rạp này qua rạp khác suốt trưa đến nửa khuya. Khổ một nỗi ở Mỹ cái gì cũng sắp hàng : lên xe, xuống ve, vào ăn, vô cổng, mua vé... Đôi lúc trời đã lạnh lại mưa nhưng muốn xem cứ phải đứng sắp hàng nửa tiếng, lạnh muốn teo người lại đó Yến. Buồn cười, đôi lúc người đông quá sắp hàng đôi, ba, bốn nhưng dài hằng trăm thước và cái hàng cứ vòng qua vòng về, khi mắc đường đi hoặc nhà cửa, trông thật ngộ nghĩnh.

○ Hai ngày cuối tuần ở căn cứ

Yến, em biết ở Mỹ mỗi tuần chỉ «quần quật» 5 ngày về nghỉ trọn hai ngày cuối tuần. Cuối tuần mỗi người Mỹ hầu như đều có một dự định về cuộc vui của họ. Trong căn cứ anh, những người có gia đình ở các thành phố gần, đã khăn gói từ chiều thứ sáu,

những người Mỹ có gia đình xa cũng như các anh bạn Lào, Thái Lan, Đại Hàn, Congo... có thể tự tổ chức những cuộc vui riêng hoặc gì đó của họ. Riêng các anh, đố Yến phải làm gì trong cuối tuần ? Ngoài một vài anh có hẹn với instructor, hoặc bè bạn người Mỹ, người nước nào đó hay một hiệp hội nào của họ — còn lại chỉ biết đọc sách, nghe nhạc, tán gẫu, viết thư cho người tình Mỹ, thư về quê nhà, vào B.X xuống Wichita Falls hoặc một nơi nào đó trong căn cứ. Riêng anh lúc nào buồn hay nhớ nhà là chui vào «chớp bóng». Xem không cần tên tuổng và tên tài tử miền sôi động và chóng quên. Mỗi vé ở phố từ 70 cents đến một dollar (ở các thành phố lớn sẽ đắc hơn), trong lúc ở căn cứ đắc nhất là 50 cents. Yến ơi, những phim về hippy và làm ái tình như ăn thở ngủ ở đây chắc không thể chiếu ở Việt Nam.

Nói đến cuối tuần, anh chợt nhớ đến tuần trước «FOREIGN TRAINING DIVISION» cho đi xem «RODEO» ở sân ngựa thuộc ngoại ô Wichita Falls. Một đêm dành riêng cho các tay nữ «cowboy» Texas» trình bày. Em không thể nào tưởng tượng nổi những em bé gái Mỹ không quá 12 tuổi, cởi ngựa như tên bắn. Hoặc từ trên mình ngựa đuổi và ném dây tròng cổ một con bò, xong nhảy xuống cột chân trước chân sau của bò không quá 7 giây. Đặc biệt hơn, các em đã dự thi điều khiển bò chứng khi bò đã được xiết chặc hai vòng dây một bụng và một hông. Bò càng nhảy càng bị tức, càng bị tức lại càng nhảy. Nhưng ngoài một vài em bị bò hất ngay xuống đất khi vừa thảo chuồng, vẫn có em điều khiển được bò lâu hằng 5 phút và lúc bị bò hất

đã nhảy xuống một cách thất vọng nhẹ nhàng. Và Yến của không thể nào tưởng tượng thân bò chứng các em đã nhảy qua mình ngựa quá lẹ làng.

Lời cuối một lá thư

Cũng vui ở VN con gái «sợ ngựa» nhưng ở Texas, gái Mỹ lại «khoái ngựa». Trông các nàng cởi ngựa, tay cầm roi cứ vút vào mông ngựa, hoặc ném giây, hoặc lật ngửa chú bò và có thể nằm chồng lên lúc buộc giây trông thật dễ thương và ngộ nghĩnh. Nhưng cái dễ thương và ngộ nghĩnh chỉ có ở Mỹ, chắc hẳn nó sẽ mất ý nghĩa nếu con gái VN cũng «khoái ngựa» và làm như vậy, phải không Yến ?

Yến rất thương, chưa hết đâu nghe Yến. Anh còn quá nhiều chuyện «người Mỹ trên đất Mỹ» để kể cho em. Nhưng lật qua lật về thấy thư sao dài quá. Này, thư dài đắt Yến đọc hoài quên thở, chết em gái của anh mất. Cho anh dành lại thư sau. A, thư sau anh sẽ kể cho em về những ngày anh sống ở San Francisco với Hippy với con gái Mỹ, ở Dallas với Statefair — hội Chợ hằng năm của Texas, với Six Flags — linh hồn của Texas đó Yến.

Ngược lại, Yến ơi, em phải kể cho anh thật nhiều chuyện quê nhà cùng riêng em đó. Em đã trở lại «Tàu bệnh» hay vẫn ngồi viết nhật ký hằng ngày cho qua buồn hở Yến ? Á, sao lại qua buồn ? Anh nói bậy đáng đánh đòn quá. Em gái của anh đã bảo không «cần» buồn kia mà.

Anh ngừng viết đây. Rất mong thư em. Thương em gái của anh vô cùng.

Anh trai của Yến.
HỒ TỊCH TỊNH
(Texas tháng mười, sau chín)

Việt-Nam tại Hội Nghị Văn-Bút Quốc-Tế lần thứ 36 ở Menton (Pháp) (14 – 20 tháng chín 1969)

Bút ký của BÀNG-BÁ-LÂN
(*Hội Văn-Bút Việt-Nam*)

(*Tiếp theo kỳ trước*)

CHÚNG tôi trở lại Hội-trường (Palais de l'Europe) lúc 9giờ45 và được biết mỗi đại biểu (délégué) cũng như mọi người tham dự Hội-nghị (participant) đều phải đóng một số tiền là 82 francs 50 hay 15 đô-la. Sau đó, mỗi người nhận được một sấp tài liệu và một dấu hiệu để dự Hội-nghị : mầu da cam xẫm cho đại biểu chính thức, mầu trắng cho đại biểu thường.

Tại Hội-trường có chỗ đổi tiền, có cả chỗ gửi thư và nhận thư. Rất tiện.

Có tất cả hơn 50 quốc gia ghi tên tham dự Hội nghị :

Đông-Đức cử 4 người (nhưng đến phút chót lại không dự).

Tây-Đức cử 14 người (đại biểu chính thức là Dolf Sternberger và Hans Schwal-Felisch).

Trung-tâm Văn-Bút Đức ở ngoại quốc cử 5 người (đại biểu chính thức là Will-Schaber).

Á căn Đình (Argentine) cử một đại biểu là Patricio Gannon.

Úc (Australie) có hai Trung-tâm Văn-Bút thì Trung-tâm Sydney cử một đại biểu là Betty Roland và Trung-tâm Melbourne cử 4 người (đại biểu chính thức là Frank Doczy).

Áo (Autriche) cử 6 người (đại biểu chính thức là Alexandre Ler..

...el-Holenia và Hilde Spiel).

Bỉ (Belgique) có hai Trung-Tâm Văn-Bút : một gồm các nhà văn xử dụng tiếng Pháp và một gồm các nhà văn xử dụng tiếng Flamad (tiếng miền Flandre). Trung-tâm tiên cử 23 người (đại-biểu chính thức là Carlo Bronne và Nam-tước Carlos de Radgitsky). Trung-tâm dưới cử 2 người (đại-biểu chính thức là Albe).

Ba-tây (Brésil) cử một đại-biểu là Jorge Amado.

Bảo-gia-lợi (Bulgarie) cử 3 người (đại-biểu chính thức là Leda Mileva).

Gia-nã-đại (Canada) cử một đại-biểu là Clayton Gray,

Nam-Hàn (Corée du Sud) cử 18 người (đại-biểu chính thức là Youn Sook Moh và Chull Paik). Phái-đoàn Nam-Hàn lần này đi đông là để quan sát và nghiên-cứu đặng tổ-chức Hội-Nghị Văn-Bút Quốc-Tế tại Séoul vào năm tới (1970).

Côte d' Ivoire (Phi-châu) cử 5 người (đại-biểu chính thức là Bernard Dadié và Duprey de la Rupinière).

Tô-cách-lan (Écosse) cử 8 người (đại-biểu chính thức là Alister Mair và Mary Baxter).

Esthonie cử 8 người (đại-biểu chính thức là Gert Helbemae và Pr. Alexis Rannit).

Hoa-Kỳ (États-Unis) có hai Trung-tâm Văn-Bút : Trung tâm New-York cử 23 người. Trung-tâm Los-Angelès cử một đại-biểu là Leland Frederick Cooley.

Đài-Loan (Formose) cử ba người (đại-biểu chính thức là Lâm ngữ-Đường).

Pháp (France) cử 16 người (đại-biểu chính thức là Yves Gandon, chủ-tịch Trung-tâm Văn-Bút Pháp và là chủ-tịch Hội-Nghị, Jean de Beer, Jean Fougère, René Tavernier, Max Rouquette).

Anh (Grande-Bretagne) cử 61 người (đại-biểu chính thức là Maurice Cranston và Kathleen Nott).

Hi-lạp (Grèce) cử một đại-

biểu là Vassili Vasslikos.

Hung-gia-lợi (Hongrie) cử 4 người (đại-biểu chính thức là Ivan Boldigsar và Laszlo Kery).

Ấn-độ (Inde) cử 2 người (đại-biểu chính thức là Lila Ray).

Iran cử 4 người (đại biểu chính thức là N. Nategu).

Ái-nhĩ-Lan (Irlande) có hai Trung-tâm Văn-Bút : Trung-tâm Dublin cử 5 người (đại biểu chính thức là Desmond Clarke và Petronella O'Flanagan). Trung-tâm Belfast cử một đại biểu là Jeanne Cooper Foster.

Do-Thái (Israel) cử 3 người (đại biểu chính thức là Haim Guri và Ahram Megged).

Ý (Italie) cử 3 người (đại biểu chính thức là Paolo Milano).

Nhật bản cử 4 người (đại biểu chính thức là Saburo Ota và cô Tomoko Ohara).

Lettonie cử hai đại biểu là Margarita Anna Ansala và Venonika Strelerte.

Liban cử một đại biểu là Camille Aboussouan.

Mễ-Tây-Cơ (Mexique) cử 2 đại biểu là Marco Antonio Montes de Oca và Marco Glantz.

Monaco cử 12 người (đại biểu chính thức là Auguste Bernard).

Na Uy (Norvège) cử 2 người (đại biểu chính thức là Sissel Lange-Nielsen).

Nouvelle-Zélande cử 4 người (đại biểu chính thức là Cécilia-Evelyn Manson và Fréderick-John Foot).

Hòa-Lan cử 6 người (đại biểu chính thức là Jules Carel Dinaux và Simon Koster).

Ba-Lan (Pologne) cử 4 đại biểu.

Lỗ-ma-ni (Roumanie) cử 1 đại biểu là Eugen Jebeleanu và Radu Popescu.

Sénégal (Phi-châu) cử 2 đại-biểu là André Guillabert và Thomas Diop.

Thụy-điển (Suède) cử một đại-biểu là Per Wastberg.

Thụy-sĩ (Suisse) cử 9 người (đại-biểu chính thức là Jean Théodore Brutsch, Simone Cuendet, Gertrud Von Wiese và André Peer).

Tiệp-Khắc (Tchécoslovaquie) cử 2 người (nhưng đến phút chót lại vắng mặt).

Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) cử 2 đại-biểu là Oktay Akbal và Yasar Nayid.

Trung-tâm Văn-Bút Yiddisch cử 3 người (đại-biểu chính là Samson Apter và Samuel Singer).

Nam-tư (Yougoslavie) có bốn Trung-tâm Văn-Bút : Trung-tâm Croate cử 7 người (đại-biểu chính thức là Sonja Basic và Marijan Matkovic) ; Trung-tâm Macédoine cử 2 đại-biểu chính thức Blagoya Ivanov và Tome Momirovski ; Trung-tâm Belgrade cử 2 đại-biểu là Dgadzic và Jana Ribnikar ; Trung-tâm Slovène cử 4 người (đại-biểu chính-thức là Ciril Kosmac và Mira Mihelic).

Trung-tâm những nhà văn di cư (Centre des écrivains en exil) cử 16 người (đại-biểu chính thức là Pavel Tigrid và Kasimir Werner).

Việt-Nam có 5 đại-biểu đã nói ở trên, nhưng đến phút chót lại được tăng cường thêm một người nữa là cô Minh-Đức tức Võ-thị Hoài-Trinh (hội-viên Văn-Bút Việt-Nam, sang Pháp đã lâu) từ Paris xuống dự Hội-Nghị.

Ngoài ra, Hội-nghị còn mời một số quan khách như Robert Neumann (Áo), Robert Goffin (Bỉ), Anna Kamenova (Bảo), Thống-Đốc Guy Nairay (Côte d' Ivoire), Charles Flood, Lewis Galantiere, Julius Isaacs (Hoa-Kỳ), Rosamond Lehmann (Anh), Gyula Illyes (Hung), Sophia Wadia (Ấn-độ), Zaim Rahnema (Iran), Ignagio Silone (Ý), Armand Lunel (Monaco), Jan Parandowski (Ba-lan), Victor Eftimiu (Lỗ), Gabriel d'Arboussier (Sénégal), S.E. Miguel Angel Asturias (giải thưởng văn-chương Nobel), Roger Caillois (đại diện UNESCO), André Chamson (Hàn-lâm-

viện Pháp), Pierre Emmanuel (H.L.V. Pháp), Maurice Genevoix (H.L.V. Pháp), Jules Romains (H.L.V. Pháp), Armand Lanoux (H.L.V. Goncourt), v.v...

Ban Chấp-Hành Văn-Bút Quốc-Tế nhóm họp lúc 10 g. 30 ngày chủ-nhật 14-9-69 dưới quyền chủ tọa của chủ-tịch Arthur Miller (văn-hào Mỹ).

Hai ngôn-ngữ được xử dụng để tường trình và thảo luận là Anh ngữ và Pháp-ngữ. Tại Hội-Nghị Menton năm nay, cứ hai người nói tiếng Pháp thì có một người nói tiếng Anh.

Thông-dịch-viên là bà Conty và cô Jeanne Olivier.

Như đã nói ở trên hôm nay là buổi họp của Ban Chấp-Hành chỉ có đại-biểu chính thức tham dự, nên phái-đoàn Việt-Nam chỉ có tôi và bạn Phạm-việt-Tuyền dự mà thôi. Và hai chúng tôi đã phân công như sau :

Văn-hữu Phạm-việt-Tuyền đảm nhiệm việc giao-tế, nghĩa là giao dịch với đại-biểu các phái-đoàn khác trong Hội-Nghị. Còn tôi thì theo dõi cuộc họp để làm bản tường trình.

Dưới đây là bản dịch biên-bản bằng Pháp-văn của tôi về buổi họp hôm đó :

Biên-bản buổi họp đầu tiên của Ban Chấp-Hành Văn-Bút Quốc-Tế tại Palais De l' Europe (Menton).

● *10 giờ 30* : Ban Chấp-Hành Văn-Bút Quốc-Tế nhóm họp dưới dự chủ tọa của chủ-tịch Arthur Miller.

● *10 giờ 40* : Bàn cãi về sự vắng mặt của đại-diện Nga-Xô : Nga-Xô không có Hội Văn-Bút, nhưng cho biết sẽ gửi tới Hội-Nghị 3 hoặc 5 quan-sát viên. Cuối cùng, nước này đánh điện cho hay rằng cuộc giao thiệp giữa Nga-Xô và các nước Tây-phương càng ngày càng tỏ ra không mấy tốt đẹp, nên từ chối không dự Hội-Nghị nữa.

Trung-tâm Văn-Bút Đông-Đức cũng vắng mặt, mặc dầu đã

báo trước sẽ gửi một phái-đoàn 4 người.

● *10 giờ 55* : Tuyên dương các hội-viên :

Nhà văn Ý *Ignagio Silone*, Phó chủ-tịch Văn-Bút Quốc-Tế : Được Giải thưởng Văn-chương Jérusalem năm 1968.

Nữ văn-sĩ *Veronica Wedgood*, nguyên Chủ-tịch Trung tâm Văn-Bút Anh :

Được huy-chương Ordre de Mérite (O.M.)

Nhà văn *Pierre Emmanuel* : Được bầu vào Hàn-Lâm-Viện Pháp (1968).

● *11 giờ* : Báo cáo về các hội-viên từ trần : Một số hội-viên đã khuất tại các Trung-tâm Anh, Hung và Đức.

Phái-đoàn Việt-Nam long-trọng báo tin từ trần của nhà văn Đái-đức-Tuấn (bút hiệu *Tchya*) năm 1968 và nhà thơ Lâm-tấn-Phác (bút hiệu Đông-Hồ) năm 1969.

● *11 giờ 15* : Bầu Chủ-tịch Văn-Bút Quốc-Tế thay thế ông Arthur Miller đã mãn nhiệm-kỳ.

Có ba người được đề cử ;

Nhà văn Pierre Emmanuel được Trung-Tâm Văn-Bút Anh đề cử.

Nhà văn Josué de Castro được Trung-Tâm Pháp đề cử.

Nhà văn Ignagio Silone được Trung-Tâm Hòa-lan đề cử.

Nhưng Hội-Nghị dường như chỉ chú trọng đến một mình Pierre Emmanuel do sự vận động khéo léo của Trung-Tâm Anh từ trước, nên đã gây bất mãn cho một số đại-biểu, tạo nên nhiều điều qua tiếng lại.

Đại biểu Bảo, là Leda Mileva, lên tiếng phản đối về tính-cách thiếu dân-chủ trong sự đề cử của Trung-Tâm Anh *(được cử tọa vỗ tay)*.

Một đại-biểu trong Chủ-tọa-đoàn đáp lại, bác ý kiến của đại-biểu Bảo và xin bầu ngay *(cũng được vỗ tay)*.

Một đại-biểu khác nhấn mạnh về nhà văn cũng được đề cử Ign-

agio Silone mà không được đề cập tới.

Một đại biểu thứ ba sốt ruột lên tiếng than phiền là Hội-Nghị đã mất khá nhiều thì giờ và yêu cầu phải có lời tuyên bố ứng cử của ông Pierre Emmanuel, nhiên hậu mới có thể «bầu bán» được! (Vỗ tay).

Đại biểu Hung, Wojcech Natanson, đứng lên hòa giải, chấp thuận sự đề cử của Trung Tâm Anh và mong rằng cuộc bầu cử được tiếp diễn trong tinh thần bằng hữu và thông cảm.

Đến đây, ông Arthur Miller lên tiếng và nhấn mạnh vào một phương pháp bầu cử hoàn toàn dân chủ.

Đại biểu Bảo lại lên tiếng và nhấn mạnh rằng bà thực tâm không muốn làm khó dễ mà chỉ xin lưu ý Hội Nghị về những cuộc bầu cử sau này sao cho có tính cách dân chủ.

Hội Nghị tạm nghỉ 5 phút (tuy nói là 5 nhưng đã kéo dài đến 10 phút).

Hội Nghị tái nhóm lúc 12 giờ 15. Ông Arthur Miller hỏi các đại biểu xem còn ai phản đối về việc đề cử ông Pierre Emmanuel; nếu không, xin bầu cử bằng cách biểu quyết.

Chỉ còn một mình phái-đoàn Bảo phản đối, không biểu quyết. Kết quả ông Pierre Emmanuel đắc cử Chủ tịch Văn Bút Quốc Tế.

Ông Arthur Miller, nguyên chủ tịch, được bầu làm Phó chủ tịch.

● *12 giờ 30* : Các đại biểu chính thức đi dự bữa ăn trưa tại tiệm ăn «La Frégate» ở đường bờ biển (Promenade George V).

● *15 giờ 25* : Hội Nghị nhóm họp. Ông Yves Gamdon, chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Pháp và cũng là chủ tịch Hội Nghị, đọc bức điện tín của nhà văn lão thành 85 tuổi Jules Romains (có chân trong Hàn-Lâm-Viện Pháp) xin lỗi không đến dự Hội Nghị được vì bị ảnh hưởng cuộc tổng đình công của nhân-viên Hỏa xa và xin Hội Nghị bầu ông này làm Phó

chủ-tịch Văn Bút Quốc-Tế.

Hội-Nghị buổi quyết định ưng thuận (Tuy nhiên cũng có một số người phản đối).

Sau đó Hội-Nghị thảo luận về bản thỉnh-nguyện của Trung-Tâm Văn-Bút Hi-lạp yêu-cầu can thiệp với Liên-Hiệp-Quốc, với Hội-Đồng Bảo An Âu-châu hay dùng ngay mọi quyền lực để bảo vệ quyền sống của con người và nhất là của những nhà văn đang bị khủng bố vì tư-tưởng tự do của họ.

Kế đến vụ lôi-thôi ở Mễ-tây-cơ: Trước đây, Trung-Tâm Văn Bút Mễ-tây-cơ có báo cáo với Văn-Bút Quốc-tế về việc chính quyền Mễ-tây-cơ đã dùng cảnh-sát và quân-đội đàn áp sinh-viên, xâm phạm các trường Đại-Học, v.v.., Văn-Bút Quốc-tế can thiệp: nhưng chánh phủ Mễ trả lời là «những tin tức mà Văn-Bút Quốc-Tế nhận được hoàn toàn không đúng và có tính-cách vu cáo (l' information recue par le P.E.N. International est complètement fausse et calomnieuse), quyền tự trị của Đại-Học tại Mễ-tây-cơ không hề bị xâm phạm và sự tự-do tư tưởng ngôn luận không hề bị hạn chế».

Trung-Tâm Văn-Bút Mễ-tây-cơ tố lại nhấn mạnh rằng đó chỉ là những lời lẽ đỡ đòn của chính-quyền, rằng sự xâm phạm các trường Đại-Học có bằng-chứng rõ ràng, nhiều sinh-viên, nhà văn, nhà báo đã bị bắt giữ; tóm lại giữa các nhà văn và chính quyền Mễ hiện vẫn hoàn toàn không có một sự giao-cảm nào hết (absence complète de communication).

Sau một hồi bàn cãi Hội-Nghị tạm gác lại và sẽ có thái độ.

Tiếp theo là bản thỉnh-nguyện của Trung-Tâm Văn-Bút Liban tố cáo chính quyền Do-Thái mấy năm gần đây đã đàn áp dữ dội các nhà văn ở Palestine bằng nhiều biện-pháp dã-man như: kiểm duyệt quá gắt gao, cấm xê dịch, an trí, trục xuất, tù đày... và yêu-cầu Văn Bút Quốc-Tế can thiệp.

Hội-Nghị hứa sẽ xét kỹ vấn-đề và sẽ có quyết định.

● *16 giờ 35* : Bàn về Hội-

Nghị Văn-Bút Quốc-Tế năm 1970 tại Hán-Thành do lời mời của Trung-tâm Văn-Bút Đại-Hàn. Đại-Hàn đưa ra lý-do như sau: Để đại-biểu Văn-Bút các quốc-gia tây-phương có dịp thăm viếng Đông phương đặng hiểu biết rõ ràng hơn và, do đó, có một ý thức đúng về Á Đông (Pour que les délégués des pays occidentaux aient l'occasion de visiter l Orient, en avoir une idée nette et, de là une opinion juste sur l'e Asie).

Lời mời của Đại Hàn được phái-đoàn Nhật-Bản tán thành.

Nhưng ông David Carver, tổng thư ký Văn-Bút Quốc-Tế, nêu ra những khó khăn có thể xảy ra cho những đại biểu các nước ở Đông Âu, khiến họ không thể tham dự Hội Nghị được.

Phái đoàn Trung-Hoa Quốc-Gia bác những lý lẽ của ông Cerver và hoan nghênh lời mời của Đại Hàn.

Phái đoàn Việt Nam cũng nhiệt liệt ủng hộ Đại-Hàn.

Kết quả: Hội Nghị chấp thuận lời mời của Đại-Hàn, và Hội Nghị Văn-Bút Quốc-Tế lần thứ 37 sẽ họp tại Hán Thành vào khoảng tháng sáu hoặc tháng bảy năm 1970.

(Còn tiếp)

Đã có bán tại các hiệu sách:

Bội Lan Hành

Thi phẩm của Đông-Hồ, 4 phụ bản, bút tích và họa phẩm của Tác giả, gói ghém 20 năm tâm sự của Thi nhân...

Thư giấy xin đề:

Bà ĐÔNG-HỒ

Quỳnh Lâm Thư Thất

14 Lam Sơn — Gia định

Đ.T 25.861

phát hành cùng 1 lượt:

Úc viên thi thoại

Thi thoại của Đông-Hồ

Dưới mái trăng non

Tùy bút của Mộng-Tuyết

SINH HOẠT TRẺ

Phong-trào DU-CA Việt-Nam

✻ PHAN-THỊ THU-MAI

TRONG mấy số báo trước, chúng tôi đã viết về những quán cà-phê Văn nghệ. Lần nầy, chúng tôi sẽ giới thiệu những sinh hoạt của các hội đoàn thanh thiếu niên. Đầu tiên, chúng tôi xin viết về: *Phong Trào Du Ca Việt Nam.*

Phong Trào Du Ca Việt Nam được thành lập từ năm 1966, do các anh Hoang ngọc Tuệ, Nguyễn gia Lập, Nguyễn đức Quang và một số các anh em trong ban Trầm Ca. Từ ngày bắt đầu hoạt động đến nay, Phong trào có tất cả hơn 300 đoàn viên, gồm các toán:

Toán Mùa Xuân
Toán Áo Nâu
Toán Gió Mới
Toán Nhận Thức
Toán Hồ Gươm
Toán Tân-Định,
Liên-toán Vượt-Sóng
Toán Viễn-Du,
Toán Đất-Sống.

Các toán nầy thuộc Trung-ương (Sà gòn), và hơn 20 đơn-vị khac ở các tỉnh.

Trong năm 1968, Phong-trào đã phối-hợp với các hội-đoàn bạn, tham-gia công-tác cứu-trợ đồng-bào chiến-nạn trong những ngày biến-cố Tết Mậu-Thân. Phong-trào cũng đã tham-dự và tác-động hầu hết các Trại công-tác, Trại xây-dựng trên toàn quốc do các Ty Thanh-Niên và hội-đoàn tổ-chức. Ngoài ra, Phong-trào thường-xuyên tổ-chức những khóa huấn-luyện cho các đoàn-viên mới gia-nhập, cũng như các lớp nhạc miễn-phí.

Mới đây, trong «Tuần Lễ Văn-Hóa» do Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa thực-hiện, Phong-trào đã tổ-chức một đêm Đại-Hội Du Ca, đo Phủ-Quốc Vụ khanh và các Dân-Biểu bảo-trợ. Nhưng số tiền bảo-trợ chỉ có 156 500, đồng mà số phải chi ra là 254 584, đồng. (Theo bản tổng kết chi thu của Phong trào về việc tổ chức Đại Hội).

Phong trào cũng là một trong những Hội đoàn hợp tác thường xuyên với PCS. Ban chấp hành Trung Ương của Phong Trào gồm có Anh Dược sĩ Hoàng ngọc Tuệ Chủ tịch, Anh Nguyễn Đức Quang, Trưởng Xưởng Du Ca. Trụ sở của Phong trào : 114 Sương Nguyệt Ánh Saigon,

Trong bản điều lệ của Phong trào, điều 3, Mục đích và tôn chỉ, có ghi :

A) gây tinh thần cộng đồng bằng tính chất hòa hợp của văn nghệ để giúp thanh niên hăng hái dấn thân vào công cuộc phục vụ xã hội ;

B) Huấn luyện và phát triển khả năng lãnh đạo của thanh niên bằng sinh hoạt tập thể,

Tôi có đến tham dự một đêm sinh hoạt nội bộ tại trụ sở của Phong trào.

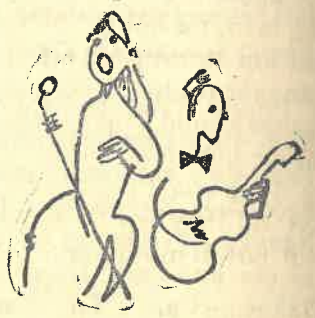

Đêm sinh hoạt nầy có ý nghĩa mừng anh Trưởng xưởng Du Ca Nguyễn Đức Quang và các chị Khánh Ly, Phương Oanh, Ngọc Dung, vừa ở Âu Châu về, sau 2 tháng đi trình diễn Phái đoàn Văn Nghệ Việt Nam, do Thiếu Tướng Phát hướng dẫn.

Trụ sở của Phong trào là căn nhà riêng của gia đình anh Tuệ cho mượn phía trước, không rộng lắm, nên đoàn viên phải ngồi chen chúc với nhau. Có lẽ nhờ vậy mà không khí đêm sinh hoạt vô cùng ấm cúng cởi mở, thân ái, lành mạnh, sôi động. Và rất trẻ. Trẻ ở đây không có ý nghĩa trẻ hippy, trẻ cuồng loạn, hư hỏng. Những người lớn thường ưu tư và kết-án tuổi-trẻ hiện-đại, tuổi trẻ thành phố, hãy đến tham dự một đêm sinh hoạt cộng đồng của Phong trào, các vị sẽ thấy sự bi quan ấy vơi bớt đi một phần nào.

Xin chọn nơi nầy làm quê hương, dẫu cho khó thương...
Xin chọn nơi nầy làm quê hương dẫu đang khó khăn
. . . . . .
«Ta còn kiêu hùng vì đi xa vẫn chưa thấy xa..»
«Chúng con xin được gêu xóm làng...
Chúng con xin kính mẹ già nua...
. . . . . .
«Ai đếm con sáo tình bạn sang sông»
(ư ư ư) làm răng...
Để cho con sao (ưứư) sổ lồng bay xa...»
. . . . . .
«Kêu cái mà quạ kêu, kêu cái mà quạ kêu. Quạ kêu Nam bắc, tắt đáo nữ phòng...»

Tiếng hát cộng-đồng hùng-tráng vang lên cùng tiếng đàn Guitare Espagnole giữa khi radio hàng xóm nheo-nhéo những bài ca ủy mị anh yêu em, em yêu anh» !

Tôi hỏi anh Tuệ về ý-nghĩa chữ «*Du-ca*», anh bảo :

— «Du-ca là một phòng-trào thanh-niên, chuyên-môn Văn-nghệ tác-động và kỹ-thuật hoạt-động thanh-niên.

Hỏi về những ước-vọng tương-lai của Phong-trào :

— «Chúng tôi mong đào-tạo thanh-niên từ chỗ có khả-năng tác-động đến chỗ trao-dồi kỹ-thuật lãnh-đạo xã-hội, để sau nầy ra đời, mỗi người sẽ là một tác-động viên xã-hội.

Du-Ca lấy văn-nghệ phục-vụ cộng-đồng.»

Muốn gia-nhập Phong-trào, chỉ có một điều-kiện là tuổi từ 13 đến 35, không cần phải biết hát. vì phong-trào chủ-trương «hát hay, không bằng hay hát». Nhưng triệt-để tuân theo kỷ-luật của Du-Ca. Đầu-tiên, đoàn-viên mới phải gia-nhập trong một Toán, Toán là đơn-vị nhỏ nhất Du-Ca.

*

Buổi họp mặt đêm ấy có khoảng hơn 100 người, đoàn viên, phần đông là thanh niên dưới 20 tuổi, thanh thiếu nữ chiếm thiểu số. Mở đầu buổi sinh hoạt là những

bài hát cộng đồng, do anh Ngô mạnh Thu hướng dẫn. Sau đó, anh Nguyễn Đức Quang kể lại cho anh chị em đoàn viên Du ca nghe về chuyến đi Âu Châu của anh. Với một lối kể duyên dáng cùng những câu góp chuyện vui vẻ của các chị Khánh Ly, Phương Oanh, Ngọc Dung, đã làm cho người nghe thích thú theo dõi chuyện của những người Việt Nam sống tha hương tận trời Âu.

Anh kết thúc rằng đấy là một chuyến đi thật cảm động và hoàn toàn thành công về mọi phương diện. Sinh viên Việt Nam và Kiều bào đã đón phái đoàn bằng nước mắt và những nụ-hôn nồng-nàn đến... móp má. Những kiều-bào khóc nhiều nhất khi nghe phái-đoàn hát là những cụ già, trong đó có cụ Nguyễn-tiến-Lãng.

Có đi tha-hương mới càng yêu và càng thấy quê-hương mình đẹp. Vì vậy mà vừa về tới Saigòn, Nguyễn-Đức-Quang,Phương-Oanh,Khánh Ly, Ngọc-Dung đã chạy đi ăn phở, nem, bún bò.

Trước khi chấm dứt buổi sinh-hoạt, Khánh-Ly hát : «*những đóm mắt trần-gian*», và Nguyễn-đức-Quang cũng hát cộng-đồng : «*Xin nhận nơi đây làm quê hương*» Tôi quên ghi rằng trong buổi sinh-hoạt nầy, ai muốn giải-khát phải trả 20 đồng chỉ có vài đoàn-viên, còn bao nhiêu bảo không đem theo tiền. Trước khi về, anh Tuệ bỏ ra 20 đồng đãi tôi một chai Bireley' s...

THU-MAI

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU BAO TỬ. Bào chế theo công thức Hòa-Lan

● HOÀNG-THẮNG

● Nhà văn Lê Hương mới cho ra lò cuốn *Người Việt gốc Miên*. Đây là quyển đầu tiên nói về người Việt gốc Miên gồm tất cả các tiết mục về sinh hoạt của 600.000 đồng bào (phong tục tập quán, xã hội. giáo dục, tôn giáo, kinh tế. mỹ nghệ..v.v,.)

● *Một cuộc phỏng vấn*

Tuần báo Văn học, Nghệ Thuật *Khởi Hành* có mở một cuộc phỏng vấn các nhà văn viết truyện từng kỳ đăng báo vì nghề văn,, về sự khác biệt giữa lối văn truyện dài và truyện ngắn, về sự đọc sách của họ và sự viết của họ.

Trả lời 5 câu hỏi của KH. đã có các nhà văn Bình Nguyên Lộc. Thảo Trường, Lê Xuyên, Thanh Nam. Văn Quang, Nguyên thụy Long, Sơn Nam, Nguyên Vũ, Bà Tung Long. Viên Linh, Mai thảo, Túy Hồng.

● *Một buổi nói chuyện về Văn chương*

● Trung Tâm Văn Bút Việt Nam đã tổ chức một buổi nói chuyện về *Đề tài Văn Chương* đã thảo luận ở Hội Nghị Văn Bút quốc Tế lần thứ 36 tại Mea-ton, tại trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ, đường Nguyễn Du vào cuối tháng 10-69.

Các diễn giả gồm có các ông : Linh Mục Thanh Lãng, ông

Nghiêm xuân Việt, Bàng bá Lân. Thanh Vân và Phạm-việt-Tuyền.

● Cũng lại thính đường này, một buổi thuyết trình về *Hòa Tấu Âm Nhạc cổ truyền* đã diễn ra do sự đảm trách của nhạc sĩ Nguyễn vĩnh Bảo với sự góp mặt của các nhạc sĩ Võ văn Tiếng, Trương văn Đệ tự Bảy Hàm' Văn Lựa, Văn Chổ, Văn Hai.

● *Một lối quảng cáo*

Truyện dài *th, trăm* của Thảo Trường đã được giáo sư Triết Nguyễn nhật Duật phê bình trên tờ Khởi Hành số 4 và bị «chê». Nhà xuất bản Tổ Hợp Gió liền quảng cáo ngay với lời lẽ của chính nhà phê bình ! «Một thế giới ly tán, những tình cờ phi lý ngăn cấm ngôn ngữ Văn chương», «đây là một cốt truyện hỏng và «đọc th. trăm để chứng kiến sự nhục nhã của con người ở đây và cũng để chứng kiến sự thê thảm của công Phê Bình Văn Học hiện nay».

● Cuốn *Dấu Binh Lửa* của Phan Nhật Nam, tả về thế giới những người lính Nhẩy dù. đã .. quảng cáo như sau :

— Đầu tháng lương này lính làm gì ?

— Nhậu nhẹt ? cờ bịch ? chị em ta ?

Nhưng hãy cố bỏ ra 2 «bớp» tìm mua, đừng thuê, một ký sự chiến tranh hách nhất từ trước tới nay.

● *Xuất bản*

Hai nhà văn Thanh Nam và Sĩ Trung chung lưng góp sức đã tạo nên một nhà xuất bản lấy tên *nhà Xuất Bản Nghệ Thuật* và đã phát hành hai cuốn : *Linh Thành Phố* của Dương Hùng Cường về *Khuôn Mặt Sau Lưng* của Trần-Thanh.

● Vũ trường Kỳ tức Johnny Kỳ thuộc loại« Người biết quá nhiều» về Nhạc Trẻ, Nhạc Kịch Động, về Giới Hippies Saigon đã xuất bản cuốn *Mặt Trái Nữ Sinh Saigon*, và trong tháng 11 này, anh sẽ xuất bản tập phóng

sự *Saigon Choai Choai* (nói về giới trẻ) và một tuyển tập Nhạc Trẻ gồm những lời ca của những nhạc phẩm đặc sắc được giới trẻ ưa thích vậy mà Trường Kỳ mới có 23 tuổi và vẫn còn đang cắp sách tới trường : Đại Học Luật Khoa Saigon.

● Nhà văn Vũ Bằng cho hay, ông rất ngạc nhiên khi đọc thấy trong thư mục của nhà K.T. xuất bản có ghi tên cuốn sách *Khảo về tiểu thuyết* của ông (trước đã đăng trong tờ báo Trung Bắc Chủ nhật ở Hànội) mà ông không hiểu «ai» đã nhờ nhà Khai Trí xuất bản ?

● Đạo diễn Lê Hoàng Hoa đã cho ra mắt tuyển tập *Lúc không Giờ* gồm 14 truyện... nghẹt thở, và do Nhà Phương Chi xuất bản.

● Tủ Sách Đại Ngã do Nguyên Vũ chủ trương (cùng sự hợp tác của các nhà thơ Mai trung Tỉnh, Diễn Bích, Ngô Tỵ, Phan lạc giang Đông, Lê trường Đại, các nhà văn Phan như Mỹ, Phan nhật Nam, Tri Vũ cùng các họa sĩ Phan ngọc Diện, Ngọc Huyền) đã cho phát hành cuốn tiểu thuyết chuyển ngữ đầu tiên. Đó là cuốn *Back From Hell* (Trở Về Từ Cõi Chết) của Nguyên Vũ, bản dịch của Võ Quang Châu.

● Màu sắc

Thơ của Thanh Vân. Tựa của Bàng-Bá-Lân. Bìa và nền trúc mai, Long Phượng của Tú Duyên mấy trang sau có thêm mấy bài thơ chữ Hán, thủ bút của tác giả.

☐ Đăng Khoa lục sưu giảng

Của Trần Tiến. Bản dịch của Đạm Nguyên. Bộ giáo dục Trung tâm học liệu xuất bản.

● Mẫu thêu

Rất nhiều mẫu thêu đẹp, mới,

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM ✶ NGON ✶ NGỌT

thêu khăn, áo, chữ, cho người lớn, trẻ em. Bìa offset màu rất đẹp, vui, tươi. Rất lợi ích cho các lớp dạy thêu.

Nhà xuất bản Chiêu Dương, 522 Bis Trương Minh Giảng Saigon, do ông Phan như Hòa chủ trương.

☐ Những Tâm Hồn Cô Đơn.

Truyện dài của bà Thanh Phương.

Nhà Xuất Bản Hồng Lĩnh

● *Mê Trường Dạ*

Thi-phẩm của Trần-Đồng-Vọng. Gồm 150 bài thơ với 10 bài thơ viết tay, thủ-bút của tác-giả, 12 phụ-bản của :

Tú-Duyên, Hoàng-Hương-Trang Vũ-Hối, Trọng-Nội, Trần-Đình-Thụy, Trịnh-Hưng, Ngô-Viết-thụ, Trương-Đình-Cử Trần-Cao-Lĩnh, Nguyễn-Cao-Đàm, Kha-Thùy-Châu, Volongte, Bùi-Xuân-Uyên.

Ấn bản thường giá : 300 đồng
Ấn bản đặc-biệt giá : 500 đồng

● *Tuyển Tập Mùa Thu*, tập truyện chọn lọc của *Lưu Kiền Xuân, Dương Trữ La, Hồ Trường An, Nguyễn Văn Xuân, Biên Hồ, Nguyễn Nguyên, Tần hoài* và *Tường Linh* do Trường-Sơn xuất-bản-cục ấn hành Sách ấn loát mỹ thuật, trình bày trang nhã.

● Một nhóm diễn viên sân khấu truyền hình và nhạc sĩ đã cùng nhau thành lập một trung tâm hướng dẫn trình diễn trên Tivi, đài phát thanh và sân khấu : từ ca, vũ nhạc tới kịch và ảo thuật. Đó là *Trung Tâm Nghệ Thuật*, do Châu Kỳ, Trúc Phương, Thanh Sơn, Phúc-Lai, Hoàng Long, Tâm Phan, Hoàng Biếu, cô Kim Xuân, v.v.. chỉ dẫn.

ANACINE
TRỊ PHONG NGỨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

Mười Bốn Năm «Nói Láo» của Vũ-Bằng

Tạ-Tỵ hoạt-học.

Tủ-sách Nam-Chi.

Cơ-sở xuất bản Phạm-quay-Khai

Ký-ức 14 năm viết báo của nhà văn Tiền Chiến, một trong «3 chàng họ Vũ» : Vũ Bằng, Vũ trọng Phụng, Vũ đình chí

● **«Tuyển tập Du Ca»**

do Phong trào Du-ca ấn hành.

— dày 52 trang, giấy tốt

— in offset, hai màu

— bìa màu và hai phụ bản do Nguyễn Đông vẽ

— 12 bài du ca mới và hay nhất được chọn lọc để trình diễn trong Tuần Lễ Văn Hóa Saigon (1969) gồm :

— dân ca, tình ca làm người, tình ca quê hương, trầm ca và những bài ca khai phá của Nguyễn Đức Quang, Giang Châu, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Nguyễn Hữu Nghĩa. Trần Tú và Thùy Trân.

— Giá bán : 120 đồng

□ **Vùng Quê Hương**

Thơ của Nhóm Văn-hữu Hoa Thần Kính. 30a Bạch Đằng. Huế

● *Từ Đêm Khởi Chiến*

là đi từ mặt trận Hải Phòng, qua Liên Khu Ba, vòng về Hà Nội, bước sang Miền Nam...

Truyện dài Lan Đình (Thế Hiện xuất bản) đã phát hành khắp nơi.

□●

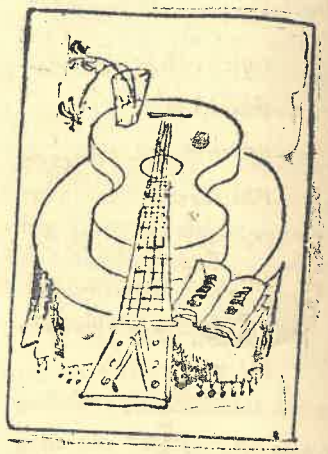

khúc hát tình si

gởi Thanh-Phương

tôi run-rẩy trong chiều mưa thành-phố
người thật xa nên người có hiểu gì
đại-lộ thênh-thang chỉ mình tôi bơ-vơ
và thét gọi tên người trong tiếng khóc
nhung-nhớ xoáy hồn tôi mê-loạn
tôi ngỡ rằng tôi đã đến bên người
tôi ngỡ rằng người sắp-sửa hôn tôi
và tôi thấy môi mình hơi nong nóng
tôi xiết chặt điên-cuồng trong tâm-tưởng...

CHÂU-GIANG

cuối thu 1969

Buổi kỷ-niệm năm thứ 12 của Phổ-Thông

SAU lần sinh nhật năm thứ mười (1-11-1967) đến nay, Thi sĩ Nguyễn Vỹ mới tổ chức lễ sinh nhật năm thứ 12 cho đứa con cưng của ông. Mà năm nay Phổ-Thông hách-sì-sằng thật, tổ chức ở nhà hàng Nam Đô, của ông Võ văn Ứng, Đại lộ Nguyễn thái học. Lại còn in thêm 200 cuốn P.T. bằng giấy blanc-fin (lần đầu tiên trong Lịch sử Phổ Thông) để thân tặng «quan k hách». Trong giới ký giả, nghe nói, ai cũng bảo :

«Coi bộ năm nay P.T. phát hành mạnh nên nhà thi sĩ Bạch Nga mới rủ anh em làng Văn đến nhà hàng Nam Đô, cũng là lần đầu tiên trong 12 năm Phổ-Thông».

«Nhưng nghe đâu ông chủ nhà hàng Nam Đô đã có hảo ý để cho P T xử dụng căn phòng Song hỷ rất sang trọng, trên từng lầu 4, có thể chứa 300 người, có thang máy lên xuống, mà không tính tiền.

Nếu đúng như vậy thì xin hoan hô tinh thần yêu Văn nghệ của ông Võ văn Ứng, chủ nhà hàng Nam Đô, Kiêm chủ nhiệm báo Cấp Tiến.

Số «quan khách» hầu hết là các Nhà Văn, ... ơ, Ký giả có tên tuổi ở Thủ đô, có mặt trong tiệc trà thân mật, vào khoảng trên 120 người. Chúng tôi nhận thấy có ông Hà Bình Trung, Giám đốc Nha Báo chí Phủ Tổng Thống, và ông Lê Ngọc Diệp, đại diện Phủ quốc vụ Khanh đặc Trách Văn Hóa.

Ông giám đốc Tổng phát hành Nam Cường mặt tươi như hoa và thi sĩ Nguyễn Vỹ thì cười duyên luôn miệng.

Hơn nửa giờ sau khi nhập tiệc, (tiệc trà) các anh chị em S.V. trong *Phong trào Du ca*

Việt Nam gồm các Anh Ngô mạnh Thu, anh Hùng, anh Viễn, các chị Phương Oanh, Kim Thư, Ngọc Dung, Diễm Chi, đã lên hát Dân ca và Du ca để giúp vui cho đêm họp mặt văn nghệ của PT. Không những anh em Du ca được vỗ tay tán thưởng, mà hy hữu nhất là các ngài quan khách đã vỗ tay đánh nhịp theo. Làm anh Ngô mạnh Thu cảm động quá, bảo :

— Bọn nầy cứ sợ rằng sẽ bị nhìn với con mắt như từ trên trời mới rớt xuống. Không ngờ quí ông bà ấy dễ thương thật.

Có một cô bạn cười duyên : «Họ là Văn nhơn Thi sĩ. chớ phải ai đâu xa lạ».

Nữ Thi sĩ Tôn - nữ Hỷ Khương tha thướt lên Micro cho quan khách được nghe giọng ngâm thơ oanh vang lảnh lót của đất Thần Kinh. Chị đã ngâm bài thơ của chị: «Mừng P T. năm thứ 12» được vỗ tay nhiệt liệt. Ông Việt-Nhân, chủ nhiệm nhật báo Tin Điển, lên ngâm một bài thơ với giọng Miền Nam, của một nữ sĩ miền Nam cũng rất được hoan nghênh.

Anh Nguyễn-sĩ-Nguyên báo Tin Sớm, lên Micro yêu cầu thi sĩ Nguyễn Vỹ ngâm cho làng nước nghe bài thơ «Gởi Trương Tửu» nhận vì trong P.T. số kỷ niệm 12 năm có «bức thư gởi Trương Tửu» của N.V. bằng văn luận thuyết rất cảm-động

N.V. ngâm bài thơ với một giọng thật hùng-hồn nhưng đến đoạn «Nhà Văn Annam khổ như chó .», thì ông la :

— «Cái gì nữa quên mất rồi...». Nhờ mấy thính-giả thuộc bài thơ hơn ông, nhắc cho ông ngâm tiếp.

Mọi người cười rồ và vỗ tay từng chập.

Kế-tiếp, anh Vũ-năng-Tĩnh lên ngâm mấy câu Kiều bằng giọng Bắc, và nhà thơ Kiên-Giang ngâm Lã

«Ngại vàng Giấy». Anh bảo, mặc dù đang buồn lo chạy tiền để chôn cất người anh vợ vừa mất, anh cũng ráng đến dự buổi họp mặt của Phổ-Thông. Nhà-Văn Lan-Đình bảo tôi lên giới-thiệu cho ông hát bài : «con cá nó sống vì nước.» nhưng ông lại nhất-định ngồi ỳ một chỗ.

Một số anh em nhà văn muốn lên phát-biểu cảm-tưởng, như Sơn-Nam, Bác-Sĩ Hoàng-mộng-Lương vv... nhưng Nguyễn Vỹ đã thưa trước: «Xin không có đít cua, đít càn gì ráo !»

8 giờ hơn, buổi tiệc kết thúc bằng bài hát «*Việt-Nam Việt-Nam*» của anh chị em Du-Ca và mấy lời cảm-ơn của Thi-sĩ Nguyễn - Vỹ. Nhiều bạn còn muốn ở lại.

Sắp về, anh Tống, con trai lớn của ông Nam Cường, cũng quyết định đi tìm cô Thủy, thư-ký của P.T. để mời 1 cái bánh...

Nữ thi-sĩ Tuệ-Mai thì bảo tôi hôm nào dẫn chị đi thăm một vòng mấy cái quán café văn-nghệ.

Trong khi chờ thang máy đi xuống, nhiều người bảo:

— «Rõ ràng là cụ trời thương P-T, mới chiều qua còn mưa tầm - tã mà chiều nay trời lại đẹp không chê được.

Vì bận giúp việc tiếp-khách cả buổi với Thu Thủy, chả ăn được mấy cái bánh, lúc về cồm 4 chiếc gói mang về. Nhưng Hoàng-Thắng lại chia phần mất mình hết hai. Thế có tức không có chứ !

THU-MAI

Cảm-tưởng của Bác-sĩ HOÀNG MỘNG-LƯƠNG

TẠP chí Phổ-Thông Kỷ niệm 12 năm. Sự thật, thì 17 năm. Vì tôi dở lại Collection Phổ-Thông, thấy Bộ cũ, số 1 ra ngày 1-1-1952. Được 15 số, rồi nghỉ. Phổ-Thông Bộ mới ra ngày 1-11-1958, Đáng

lẽ Ô. Nguyễn Vỹ phải mừng P.T. 17 năm mới đúng. Chúng ta thật hoan hỉ nâng ly nước ngọt để mừng cho gia đình của Giai-phẩm này. Gia đình Phổ-Thông có vợ chồng ông Tú, có cô Diệu Huyền, và lệnh nam là Tuấn, chàng trai đất Việt. Gia đình nầy không giàu tiền bạc, không Triệu phú, Tỷ phú, nhưng rất giàu lòng nhơn ái và tài hoa, bởi vậy có rất nhiều thân hữu : Trên một trăm thân hữu có mặt vui vẻ trong buổi tiệc trà hôm nay, và hàng trăm thân hữu vắng mặt vì ở xa cách Thủ đô. Ngoài ra còn muôn ngàn thân hữu vô danh khắp nước Việt Nam và Hải Ngoại. Kể đến nay, vì tôn chỉ và tác phong của nó, không ai có quyền phủ nhận sự nghiệp vĩ đại của gia đình Phổ-Thông Tạp chí trong Văn học Sử Việt nam hiện đại.

Mười bảy năm sanh trưởng trong cơn quốc biến gia vong, trong bối cảnh kinh thiên động địa, P.T. đã bền bỉ chịu đựng, đã chống cự kiên nhẫn với nhiều thăng trầm của thế sự. Nếu Phổ-Thông không có chí và không có tài, thì không thể sống vẻ vang đến ngày nay, cho nên những vui mừng của P.T. là những vui mừng của chung toàn thể bạn đọc. Những lo âu của P.T. cũng là lo âu của bạn đọc trung kiên. Sở vọng của chúng tôi là bạn đọc và thân hữu, là muốn thấy P.T. còn sống lâu mãi mãi và sống mánh, sống trẻ luôn luôn đầy nhựa sống, tiến bộ với trào lưu quốc tế. Chúng tôi mong ước : chính độc giả sẽ hợp tác P.T. càng thân-mật hơn, trên những phương tiện Văn chương, Nghệ Thuật, Khoa học, biên khảo, và sự hợp-tác rộng-rãi đó sẽ làm cho Phổ-Thông tạp-chí thành ra cơ-quan Văn-Hóa chung của dân-tộc V.N. Tôi thiết tưởng chúng ta sẽ có thể thảo-luận với Nguyễn Vỹ về chương-

trình làm việc mỗi năm, để càng phục vụ hữu ích thêm hơn cho Đồng bào, trên lĩnh vực Văn-hóa. Ở nước chậm tiến, chúng ta cần phổ biến nhiều hơn nữa những đề-tài thường thức, mới tăng cao trình-độ hiểu-biết của nhân-dan.

Một nguyện vọng nữa : cần mở rộng sự hợp tác của giới thanh niên.

Các bạn trẻ của Phổ Thông nên hăng hái gia nhập vào các chương trình sinh hoạt trẻ của P.T tạp chí. Các bạn trẻ đã thấy rằng người sáng lập và điều khiển P,T. là một nhà Văn Thơ «chịu chơi» nhất hiện nay, một nhà Văn-học trẻ nhất của hai thế-hệ mà chúng tôi đã theo dõi hoạt-động từ thời Tiền-Chiến. Lớn tuổi mà không lỗi thời, nhựa sống còn hăng, ý-tưởng tiến-bộ, và rất giàu kinh-nghiệm. Bạn trẻ nên tin-tưởng vào sự cộng-tác với một nhà Văn lạ thường như thế.

Đây là một tiếng gọi do lòng chân thành phát biểu của chúng tôi. Tôi ước ao tiếng gọi ấy sẽ gặp tiếng dội chân thành của cõi lòng các bạn, cũng như của bạn Nguyễn-Vỹ, người cha đẻ của Phổ-Thông.

Nếu P,T được cải tiến cả hình thức và nội dung mà không có sự tận tụy của ban giám đốc phát-hành, thì P.T cũng sẽ chật-vật như đã chật. vật trong 17 năm qua.

Sự biến-dịch sắp tới của P.T. sẽ do sự tiếp tay đầy thiện chí và nhiệt tâm của các bạn phát-hành — Chúng tôi hoan hô các bạn phát hành và hoan hô bạn Nạm Cường.

B.S. HOÀNG-M-LƯƠNG

một độc-giả trung-kiên của Phổ-Thông Tạp chí từ 1952 (P.T Bộ cũ),

MỌI NƠI
TRONG MỌI GIA ĐÌNH

Nước ngọt CON CỌP mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- *Đặc biệt các món ăn Tiều*
- *Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng*
- *Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép*
- *Có máy điều hòa không khí*

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

---

Gần đến kinh kỳ, Bần thần dã dượi hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống **Lôi Công Hoan «Ông Tiên»**. Các tiệm thuốc có Bắc bán lẻ. *Nhà thuốc* **Ông-Tiên** » Phú-Lâm Cholon.

K.N.BYT. số 9-5-63

Phong ngứa *Ghẻ chốc, lở lói, gãi tới đâu ăn lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết. Uống* **Giải phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** *Trên 30 năm danh tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.*

Nhà thuốc **Ông Tiên** *Phú-Lâm, Cholon*

(K.N. BYT. số 3—9-5-63)

Giấy phép số 292 CDVITTINĐ ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 40 đồng

Công sở : gấp đôi